VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

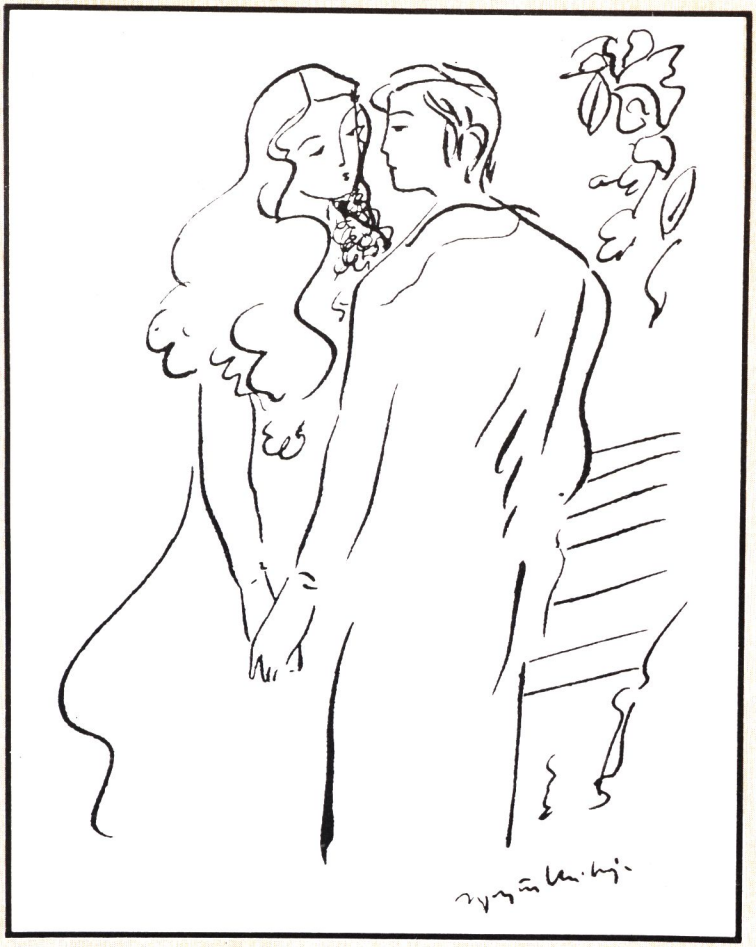

NGUYỄN THỊ HỢP

Số 66 Tháng 8 Năm 1991

VĂN HỌC
TRONG SỐ NÀY:

Đoàn Khoách: *bùi hữu nghĩa, một bài thơ ít người biết* biên khảo trang 1 ● **Đỗ Quý Toàn:** *ánh lửa mênh mang buổi tình đầu* tiểu luận trang 11 ● **Lưu Hy Lạc:** thơ trang 13 ● **Thụy Khuê:** *nói chuyện với họa sĩ thái tuấn* trang 27 ● **Thái Tuấn:** *thưởng ngoạn nghệ thuật* trang 35 ● **Chân Phương:** thơ trang 37 ● **Thế Giang:** *dựng cờ tây và dựng một văn nghiệp* tạp văn trang 38 ● **Phan Ni Tấn:** thơ trang 50 ● **John Broadus - Thanh Hương dịch:** *cát bụi* truyện ngắn trang 51 ● **Luân Hoán:** thơ trang 70 ● **Phan Thị Trọng Tuyến:** *mùa xuân và những con dã tràng* truyện ngắn trang 72 ● **Triều Hoa Đại:** thơ trang 88 ● **Hoài Mỹ:** *cái chảo* truyện ngắn trang 89 ● **Trần Mộng Tú:** *mặt ngọc phương đông* truyện ngắn trang 101 ● **Nguyễn Mạnh Trinh:** *đọc "tiểu thuyết vô đề", truyện dài dương thu hương* trang 108 ● **Tranh bìa Nguyễn thị Hợp.**

BAN CHỦ BIÊN:

Nguyễn Mộng Giác ☼ Nguyễn Xuân Hoàng ☼ Cao Xuân Huy ☼ Hoàng Khởi Phong ☼ Trịnh Y Thư ☼ Khánh Trường ☼ Trương Vũ

Chủ bút: Trịnh Y Thư

Tổng thư ký: Cao Xuân Huy

Mỹ thuật: Khánh Trường

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện

15 Place Souham, 75013 Paris, France. Phone: 45.831.912

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú

14 Lester Rd, Padstow N.S.W. 2211 Australia. Tel: (02)771.1770

Thư từ tiền bạc xin gửi về: Văn Học

P.O. Box 3192 Tustin CA 92680 USA

Phone: **(714) 898.9074**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

ĐOÀN KHOÁCH

bùi hữu nghĩa, một bài thơ ít người biết

*

I.

Người ta thường nhắc đến tính cương trực của Bùi Hữu Nghĩa khiến ông suýt bị bay đầu trong vụ Láng Thé, nếu không có một người vợ quả cảm tận tình như bà Nguyễn thị Tồn, đã lặn lội ra tận Huế để minh oan với vua và triều đình nhà Nguyễn. Người ta thường nhắc đến tài thơ văn trác tuyệt của họ Bùi trong *Kim Thạch Kỳ Duyên*, một vở tuồng thấy sớm nhất ở Đồng-nai, thâu gồm nhiều thể văn, phô trương nhiều bút pháp, ít có áng văn đồng thời nào sánh kịp. Người ta cũng thường nhắc đến những giai thoại về họ Bùi, hoặc nhằm đề cao tài học vấn uyên thâm, hoặc để nói lên tính thông minh mẫn tiệp trong việc họ Bùi sửa thơ Đường hay trong lúc ứng đối với các văn hữu đồng thời như Đồ Chiểu, Cử Trị, Tú Bình, Tuần Dực (1).

Thơ văn và khí tiết của Bùi Hữu Nghĩa đã khiến cho dân Đồng-nai đem lòng mến mộ. Vào những năm cuối thế kỷ trước, phần lớn tác phẩm của họ Bùi đã được sưu tập, phiên ấn ra bằng chữ Quốc ngữ. Rồi vào những năm đầu thế kỷ này cho đến thập niên 40 và 70, người ta đã dựng bia, xây mộ cho họ Bùi, đã tổ chức lễ truy niệm, viết báo, viết sách, diễn thuyết về họ Bùi, đã đặt giải thưởng văn chương lấy tên của Bùi Hữu Nghĩa nữa (2).

Tuy nhiên, chỉ mới gần đây lịch sử và văn học mới thật sự đặt Bùi Hữu Nghĩa vào lớp người kháng Pháp đầu tiên ở miền Nam Việt-nam và đặt thơ văn họ Bùi vào dòng văn học kháng chiến hay văn học yêu nước. Có điều những tài liệu về họ Bùi tham gia phong trào kháng Pháp phát hiện chưa được mấy và thơ văn của họ Bùi trong dòng thơ văn nói trên cũng còn khiêm tốn (3). Do đó, để hiểu thêm Bùi Hữu Nghĩa về phương diện này, việc sưu tầm và công bố thêm những tài liệu có tương quan đến cuộc đời và thơ văn của họ Bùi là một yêu cầu

khẩn thiết cho công tác nghiên cứu. Ở đây chúng tôi không phát hiện được gì thêm, mà chỉ góp phần giới thiệu một bài thơ của Bùi Hữu Nghĩa, thiết tưởng cho đến nay ít người biết tới. Đó là bài thơ *Bùi Hữu Nghĩa* do Trương Vĩnh Ký chép tay bằng chữ quốc ngữ từ cuối thế kỷ trước.

Trước khi trình bày bài thơ, chúng tôi xin sơ lược giới thiệu về nguồn gốc của tài liệu. Cho dù những công trình phổ biến chữ quốc ngữ của Trương Vĩnh Ký có nằm trong chính sách "nghiên cứu để cai trị" của thực dân Pháp như có người đã nói (4), thì trái lại ở một bình diện khác, những công trình đó cũng đã trung thực truyền lại một phần di sản tinh thần trong đó có số thơ văn kháng chiến hay thơ văn yêu nước của ông cha ta ở thế kỷ trước. Những công trình này của Trương Vĩnh Ký có thể chia làm ba phần:

– **Báo chí** như: *Gia-định Báo* (từ 9-1869); *Sự Loại Thông Khảo – Miscellannées* (từ 1888).

– **Sách in** gồm trên trăm cuốn như *Kim Vân Kiều* (1875); *Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca* (1875); *Cổ Gia Định Phong Cảnh Vịnh* (1882); *Lục Vân Tiên* (1889), v.v...

– **Tài liệu chép tay** trên bốn nghìn trang. Số tài liệu này thường gọi là *Trương Vĩnh Ký Di Chỉ* hiện tồn trữ ở hai nơi, một ở Thư viện Khoa học Xã hội Trung ương Hà-nội và một nữa ở Thư viện Khoa học Xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ở Thư viện Hà-nội, tài liệu gồm có tám cuốn tập giấy học trò cỡ 19X28 cm, đóng bìa cứng, có nhan đề *Tuyển tập của Trương Vĩnh Ký*, ký hiệu thư viện VD.35 (VD.35/1 đến VD.35/8). Trên mỗi trang, Trương Vĩnh Ký viết chữ xiên bằng mực đen, nhiều tờ nét chữ ở hai trang trùng đòng nhau, nên rất khó đọc. Nội dung phần này gồm những tác phẩm dài ngắn khác nhau, hoặc sáng tác, hoặc biên khảo, hoặc phiên dịch của Trương Vĩnh Ký, một số đã thấy in thành sách báo, số lớn còn lại xem như tài liệu được chuẩn bị chu đáo để đem xuất bản. Riêng về thơ văn, có nhiều bài khá quen thuộc như *Văn tế nghĩa sĩ Cần-giuộc* của Đồ Chiểu, *Trung nghĩa ca* của Đoàn Hữu Trưng, *Thần hào sát tả bình Tây truyện* của Đặng

Đức Tuấn, v.v... nhưng cũng có những tác phẩm ít nghe và chưa tường tác giả như *Lư Khê vãn, Các đường Lục tỉnh, Huỳnh Tú truyện*... Ở Thư viện Thành phố Hồ Chí Minh, tài liệu gồm có hai hộp đánh số I và II, có tên *Hồ sơ Trương Vĩnh Ký*, đựng 46 tập tài liệu đủ loại, trong đó hai tập ghi số 23 và 24 của hộp II, thu lục phần văn học dân gian và văn học thành văn mà hầu hết đều thuộc thơ văn miền Nam kỳ Lục Tỉnh. Chính trong tập số 24 này, họ Trương đã ghi lại *Bài hịch của ông Nguyễn Tri Phương đánh Pháp* do đốc học Định-tường là Mạc Như Đông làm ra, cũng như một số thơ văn kháng Pháp, trong đó có bài thơ *Bùi Hữu Nghĩa* (5):

II.

Ai khiến thằng Tây tới vậy a?
Đất bằng bỗng chúc nổi phong ba.
Hẳn hòi ít mặt đền ơn nước,
Nháo nhác nhiều tay bận nỗi nhà.
Đá sắc (*) ôm lòng cam với trẻ,
Nước non có mất thấy cho già.
Nam kỳ chi thiếu người trung nghĩa,
Báo quốc (*) cần vương dễ một ta.

Khảo dị và chú thích:

Cho đến đầu thập niên 80, người ta có thể tìm thấy bài thơ trên đây trong ba tài liệu chính:

– Bản chép tay của Trương Vĩnh Ký vào khoảng thập niên 70 thế kỷ 19 nằm trong *Trương Vĩnh Ký Di Chỉ*.

– Bản in của Trương Vĩnh Ký trong *Sự Loại Thông Khảo – Miscellannées* số 2 tháng 6-1889.

Bản in của tạp chí *Văn Hữu* số 11 tháng 5-1961 ở Sài-gòn.

Bản trong *Miscellannées*, ngoài chữ thứ hai câu cuối *quắc* ra *quốc* cho đúng với lối viết thông thường, chỉ là bản chép tay nói trên in ra mà thôi.

Bản trong *Văn Hữu* là do ông Phan Văn Thiết nhớ bài thơ trong

Miscellannées và đọc lại cho ông Paul Midan nghe. Bản này chỉ có bốn câu đầu của bài thơ, trong đó câu thứ tư lại ghi khác ra là "*Tráo chác nhiều tay rối đạo nhà*".

Thành thử tuy nói là ba bản, nhưng thật sự cũng chỉ là một bản gốc mà thôi. Đó là bản chép tay của Trương Vĩnh Ký (6).

Cũng nên thêm rằng, do trí nhớ không được trung thực lắm của ông Phan Văn Thiết, nên câu thơ thứ tư trong bản của họ Phan đã có một nghĩa khác, có thể chưa có trong dòng suy tư và tình cảm của Bùi Hữu Nghĩa trong bài thơ này. Câu thơ trong bản của họ Phan có thể hiểu, "Trong hoàn cảnh loạn ly của đất nước, nhiều kẻ xảo quyệt đã lừa dối thiên hạ, khiến cho đạo lý truyền thống của gia đình thành rối nát".

Còn bản trong *Miscellannées*, tuy có để ý chính tả của bài thơ nhưng còn chữ *sắc* trong câu thứ năm lại viết tận cùng với *c* đáng lẽ phải viết với *t* là *sắt*. *Sắt* là một loại kim loại bền, *đá* là một khoáng chất cứng, từ *đá sắt* hay *sắt đá* dùng ở đây có nghĩa là "cứng cỏi, cương quyết, khó lay chuyển", như trong câu thơ của Phan văn Trị, "*Lòng ta* sắt đá *há lung lay*". *Hẳn hòi* ở đây có nghĩa là "đúng thật, chắc chắn". *Nháo nhác* có nghĩa là "ngơ ngác, sợ hãi". Hai từ *nước* và *nhà* ở đây, về hình thức tuy đối nhau nhưng về nội dung thì lại bổ túc cho nhau trong nghĩa chung của từ *nước nhà*. *Cam* ở đây hàm nghĩa "bằng lòng, sẵn sàng chấp nhận hợp tác". *Trẻ* và *già* ở đây có thể hiểu là hai thế hệ thanh niên và nhiều tuổi của dân chúng miền Nam nói chung đang lo chống giặc lúc bấy giờ, trong đó tác giả tự nhận mình là một người già, một người nhiều tuổi. *Trung nghĩa* là hết lòng ngay thẳng để làm việc phải. *Báo quốc* là ra sức đền ơn nước. *Cần vương* là hết dạ giúp đỡ vua lúc nguy biến.

Ba chữ "*Bùi Hữu Nghĩa*" thật ra chưa phải là **đầu đề** của bài thơ. Trương Vĩnh Ký nêu ba chữ đó lên như một đầu đề, chỉ nhằm để xác nhận bài thơ này là của Bùi Hữu Nghĩa, tương tự trường hợp hai chữ "*Đồ Chiểu*" họ Trương đã nêu ở bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần-giuộc* trong quyển 4 *Tuyển tập của Trương Vĩnh Ký* mà thôi.

Chúng tôi chưa biết đích xác được **thời điểm sáng tác** của bài thơ. Tuy nhiên bằng vào nội dung, chúng tôi phỏng định bài thơ được làm ra từ sau tháng 2-1861 khi vùng đất Gia-định đã lọt vào tay quân của Charner và khoảng trước tháng 6-1862 khi ba tỉnh miền Đông Nam kỳ chưa hoàn toàn mất vào tay quân Pháp. Tác giả lúc đó đang sống ở Bình-thủy, dạy học, hốt thuốc, làm thơ, an hưởng tuổi già nhưng không phải điềm nhiên tọa thị trước cảnh một phần tổ quốc bị xâm lăng, một số đông đồng bào đang chạy giặc.

Chủ đích bài thơ nhằm trình bày tâm trạng và thái độ của tác giả, nhưng cũng cho chúng ta thấy tâm trạng và thái độ chung của phần đông dân chúng Nam kỳ đối với nước, với vua trước thảm họa xâm lăng của quân Pháp.

III.

Từ lâu rồi họ Bùi chắc hẳn ngao ngán với mùi công danh trên bước hoạn đồ, nên đã trở về Bình-thủy sống gần gũi với bà con chất phác, lui tới cùng bạn bè gần xa trong làng văn bút để di dưỡng tính tình, mong hưởng trọn niềm vui thanh đạm của tuổi già còn lại. Những cảnh xung đột chém giết đau lòng giữa hai dân tộc lân bang Miên–Việt ở biên giới trước đây, nay đã như lắng xuống (7). Đất nước đang trong thanh bình, cảnh sống đang độ yên vui, thì bỗng chốc nổi phong ba bão táp. Cửa nhà lại tan nát, đồn lũy lại đổ xiêu, quan quân dân chúng lại chết chóc, phiêu giạt. Ai đã gây nên thảm cảnh đó? Thằng Tây! Thằng Tây là địch họa, mà thằng Tây cũng là thiên tai!

Tuy nhiên, đất nước này, dân tộc này, đối với họa xâm lăng lần này đâu phải là lần thứ nhất? Đất Việt vốn hiểm trở, Nam kỳ sông rạch chi chít, lùm bụi mọc đầy, cá sấu tựa hùm beo, muỗi mòng như diều ó, khí hậu đầy oi bức, nước lại úng chua phèn, người dân sẵn mang ý chí kiên cường bất khuất, sĩ phu không thiếu trách nhiệm gánh vác nghĩa vụ nước nhà. Cho nên, nhất thời dù một phần đất của ta có bị giặc chiếm, một số quan quân của ta có phải tử vong, nhưng chắc chắn người Việt-nam không hèn nhát trước tàu đồng súng thép của giặc.

Lòng địch khái của họ có thừa, họ sẵn sàng đền ơn nước. Ai không biết, khi thành Gia-định bị vỡ, Án sát Lê Tứ đã tự vẫn theo thành. Hộ đốc Vũ Duy Ninh đã thắt cổ tự tử? Khi đồn Kỳ-hòa bị chiếm, Tán lý Nguyễn Duy, Tán tương Tôn Thất Trĩ đều đã tử trận? Thống đốc quân vụ Nguyễn Tri Phương đã bị thương, Tham tán đại thần Phạm Thế Hiển cũng từ bị thương đến trí mạng? Rồi còn bao nhiêu binh sĩ dưới quyền các vị tướng lãnh đó đã hy sinh, đã bị thương tích trong mỗi lần lâm chiến? Những trường hợp hy sinh mất mát đó, nếu không phải là họ đã đền ơn nước trả nợ nhà, thì là gì?

Còn những người đang sống với đất nước này trong đó có những kẻ đứng tuổi như ta, cho dù có lâm vào vòng địch họa, thì cũng cương quyết giữ dạ sắt son, giúp vua cứu nước. Chúng ta sẽ đồng lao cộng khổ với lớp trẻ đầy tâm huyết, đang cố tìm phương đánh đuổi giặc Pháp, giành đất đai quyền bính lại cho dân mình. Thì đây, Bình-thủy với Gia-định xa xôi chi mấy mà ta không nghe được Phó Quản cơ Trương Định mang quân Đồn điền giúp Tổng đốc Tôn Thất Hiệp đánh Pháp, khiến quân giặc phải mất vía từ Gia-định đến Gò-công? Và Bình-thủy với Tân-an nhìn thấy càng gần, sao ta không biết được Quản binh Nguyễn văn Lịch đã cùng với nhiều đồng chí như Hoàng Khắc Nhượng, Võ văn Quang và gần sáu mươi quân cảm tử, đốt cháy pháo hạm Esperance của Pháp ở vàm Nhật-tảo? Rồi bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần-giuộc* nổi tiếng của bạn ta, Đồ Chiểu, sao không là một gương sáng cho ta?

Lòng trung nghĩa, chí báo quốc cần vương, đâu phải riêng chi của những anh hùng nghĩa sĩ? Toàn dân Nam kỳ lục tỉnh thiếu chi kẻ không nghe thấy được, không cảm nghĩ được như thân già này? Kẻ đã quyên tiền quyên gạo nuôi quân, kẻ đã quyên sắt quyên đồng đúc súng đạn, từ Gia-định, Định-tường đến Vĩnh-long, Biên-hòa không đâu không có. Rồi những Trần Xuân Hòa, Phan văn Đạt, Trần Thiện Chánh, Nguyễn Thành Ý, Nguyễn Thông... cũng đều là những kẻ khoa bảng như ta, mà người thì đã chết vì bất khuất địch, kẻ tình nguyện đầu quân đánh Pháp để giúp nước, giúp vua (8).

Thành ra bài thơ tuy chưa có **đầu đề** nhưng đã nói lên một chủ đề

rõ rệt về "cuộc kháng chiến", về "lòng yêu nước" mà những cảm nghĩ của Bùi Hữu Nghĩa đã xác định chỗ đứng và thế đứng cho mình: thái độ của một sĩ phu Việt-nam trước cơn quốc biến.

IV.

Tất cả những ý tình vừa sơ lược trình bày trên đây đã được Bùi Hữu Nghĩa lồng vào trong một bài thơ Đường tám câu bảy chữ vần bằng luật trắc. Tâm trạng diễn tiến tự nhiên, thanh thoát, từ yếu đến mạnh, từ cạn đến sâu, từ nguyên nhân đến kết quả. Ý tưởng rõ ràng, khúc chiết, tình cảm đôn hậu thiết tha, khiến người đọc dễ dàng cảm nhận và lôi cuốn. Để diễn tả ý đồ xâm lăng của quân Pháp, Bùi Hữu Nghĩa đã dùng từ "Ai khiến" vừa nói lên sự kinh ngạc trước một thảm họa đối với đất nước, nhưng đồng thời cũng nói lên sự tỉnh táo của một người dân Việt bình thường, luôn ý thức trách nhiệm trước thảm họa đó, "giặc đến nhà đàn bà phải đánh". Hình ảnh "đất bằng nổi sóng" tác giả dùng để so sánh cảnh loạn lạc đau khổ của những dân Nam kỳ lục tỉnh trước sự xâm lăng của quân Pháp nhưng đồng thời cũng nói lên tình cảm phẫn nộ của họ đối với kẻ xâm lăng mà chắc chắn họ sẽ có những hành động đối phó thích đáng. Bài thơ tuy chưa có "đầu đề" nhưng tình ý diễn tả trong hai câu đầu đã cho người đọc thoáng thấy diễn tiến tự nhiên lòng yêu nước rạt rào nhưng tỉnh táo của tác giả. Nghệ thuật "phá thừa đề" của bài thơ như vậy thật vừa đúng cách, linh động, mà cũng vừa già giặn, sâu kín.

Hai câu "thực" đối nhau chan chát. Mới đọc qua thấy như tác giả muốn trình bày tình trạng phân hóa của quan quân Việt-nam trước nạn xâm lăng của người Pháp, nhưng đọc kỹ lại thấy việc đối chọi chỉ là hình thức chiều rộng của ngôn từ, còn về chiều sâu của ý tưởng thì những từ "ít–nhiều" ở đây đã không hàm ý xấu, mà còn mang lại một nghĩa tích cực "không ít – chẳng nhiều" cho ý nghĩa của toàn thể câu thơ. Cũng như trong hai câu "luận", cụm từ "cam với trẻ – thấy cho già", mới đọc qua thì thấy lời có vẻ phân bua, tình có vẻ gượng gạo, nhưng xem kỹ lại thì thấy những từ này có một tác dụng vững chắc

trong việc diễn tả lòng dạ sắt son trung thành chân thật của tác giả đối với đất nước. Hai cặp "thực" và "luận" đã trình bày tâm trạng và thái độ của tác giả từ xa đến gần, từ nhạt đến đậm, từ khách đến chủ, để từ đó khẳng định dứt khoát như một lời thề, tình cảm và nghĩa vụ của tác giả đối với vua với nước.

Hai câu "kết", tác giả cho thấy rõ ràng và chắc chắn rằng lòng yêu nước nơi đây không phải chỉ là niềm tin, là lý tưởng, nhưng là thái độ sống bình thường và thiết thân của kẻ sĩ phu, cũng như của người dân ở đất Nam kỳ lục tỉnh trước nạn xâm lăng của người Pháp. Lối sử dụng từ đảo trang *chi thiếu* là *thiếu chi*, từ nghi vấn *dễ* là *há dễ*, cũng như lối mượn khách làm chủ trong hai câu "kết", chứng tỏ nghệ thuật diễn đạt ý tưởng của tác giả đến độ nhuần nhuyễn ít người theo kịp.

Thơ Bùi Hữu Nghĩa nói đến tình cảm phẫn nộ trước kẻ thù mà lời văn vẫn bình tĩnh trang nhã, nói đến quyết tâm báo quốc cần vương mà lời vẫn khiêm tốn thành thật. Lời thơ không mô tả chi tiết mà vẫn phản ánh rõ nét tình trạng đất nước xã hội đương thời. Trước sau thơ họ Bùi chỉ khẳng định một điều: Người Nam kỳ đầy lòng trung nghĩa, dân Việt-nam hết dạ thương yêu tổ quốc. Bùi Hữu Nghĩa tuy xuất thân từ một gia đình dân dã, tuy có tính cương trực khác người, nhưng đã lớn lên, được giáo dục, thi đỗ, làm quan dưới thời nhà Nguyễn, nếu họ Bùi có trân trọng khi nói đến "cần vương" bên cạnh "báo quốc", thì đó cũng là tình cảm, là thái độ rất tự nhiên, rất thành thật của một sĩ phu trước cơn quốc biến. Chỉ nên thấy rằng, qua lối thơ kín đáo, chân thành, tác giả đã nói lên được niềm tự hào bất khuất của dân tộc, thái độ yêu nước của chính mình, thì họ Bùi cũng đã xứng đáng là một sĩ phu trong lớp người yêu nước kháng Pháp đầu tiên ở đất Đồng-nai và bài thơ *Ai khiến thằng Tây* (**đầu đề** chúng tôi tạm đề nghị) cũng đã xứng đáng liệt vào số thơ văn yêu nước hay thơ văn kháng chiến chống Pháp của Việt-nam vào nửa sau thế kỷ 19. □

---

(1) Xin xem:

– Trà Giang: *Truyện vật làng văn*. Thế Giới Tân Văn, số 3, tháng 7-1936.

– Trực Thần: *Tiểu sử cụ Thủ khoa Nghĩa*. Tri Tân, các số 98, 99, 101, tháng 6-1943.

– Đỗ văn Y: *Thân thế và sự nghiệp cụ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa*. Đại Việt, các số 17,18 tháng 6 và 7-1943.

– Đào văn Hợi: *Danh Nhân Nước Nhà*. Nhà in Lý Công Quán, Sài-gòn, 1951, trang 110 – 117.

– Nhất Tâm: *Huỳnh Mẫn Đạt, phụ Bùi Hữu Nghĩa – Nguyễn Hữu Huân*. Tân Việt, Sài-gòn, 1956.

– Viện Văn Học: *Hợp Tuyển Thơ Văn Việt-nam*, tập IV, Văn Học Việt-nam 1858–1930. Nhà xuất bản Văn Hóa, Hà-nội, 1963, trang 65-76.

– Bùi Hữu Giáp: *Danh Nhân Miền Nam: Bùi Hữu Nghĩa* Phổ Thông, các số 113, 114, 115, Sài-gòn, tháng 10 và 11-1963.

– Lãng Nhân: *Giai Thoại Làng Nho*. Nam Chi Tùng Thư, Sài-gòn, 1966, trang 287 – 193.

– Trần Lê Sáng – Phạm Đức Duật: *Cuộc Đời và Thơ Văn Bùi Hữu Nghĩa*. Nghiên Cứu Văn Học, Hà-nội, số tháng 2-1972.

(2) Xin xem:

– Bùi Quang Nhơn: *Kim thạch Kỳ Duyên*, Sài-gòn, Claude Cie, 1895.

– P. Midan: *L'Union Merveilleuse de Kim et de Thạch* B.S.E.I., Sài-gòn, No. 1 – 2, Janvier – Juin 1934.

– Nguyễn Đại Liêng: *Cụ Thủ Khoa Bùi Hữu Nghĩa và Tuồng Kim Thạch Kỳ Duyên* Tri Tân, các số 99, 100, tháng 6-1943.

– Lê Văn Ngôn: *Diễn văn khai mạc trong dịp lễ truy niệm cụ Thủ khoa Nghĩa*. Tri Tân, số 98, tháng 6-1943.

– Hội Khuyến Học Cần-thơ: Lời kêu gọi đồng bào, *"Cuộc tu bổ ngôi mộ Thủ khoa Nghĩa tác giả tuồng Kim Thạch Kỳ Duyên"*. Tri Tân, số 97, tháng 5-1943.

– Trực Thần: *Chung quanh công việc xây mộ cụ Thủ khoa Nghĩa do hội Khuyến Học Cần-thơ tổ chức* Tri Tân, số 95, tháng 5-1943.

– Nguyễn văn Kiết: *Giải thưởng văn chương Thủ khoa Nghĩa*. Tri Tân, số 151, tháng 7-1944.

– *Tưởng niệm Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa*. Đặc san ấn hành nhân ngày khánh thành công tác trùng tu ngôi mộ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa ngày 12-5-1974.

(3) Xin xem:

– Thanh Lãng: *Biểu Nhất Lãm Văn Học Cận Đại*. Cơ sở báo chí và xuất bản Tự Do Sài-gòn, 1958, trang 98 – 101.

– Bảo Định Giang và Ca văn Thỉnh: *Thơ Văn Yêu Nước Nam Bộ (nửa sau thế kỷ XIX)* Nhà xuất bản Văn Hóa, Hà-nội, 1962.

– Trần văn Giàu và nhiều tác giả khác: *Thơ Văn Yêu Nước Nửa Sau Thế Kỷ XIX* Nhà xuất bản Văn Học, Hà-nội, 1970.

(4) Nguyễn Duy Sinh: *Cuốn Sổ Bình Sinh của Trương Vĩnh Ký*. Nam Sơn, Sài-gòn, 1974.

(5) Về pho tài liệu chép tay *Trương Vĩnh Ký Dị Chí* có dịp chúng tôi sẽ xin trình bày chi tiết đây dủ hơn và sẽ xin giới thiệu một số tài liệu thơ văn hiếm và quí ở trong đó.

(6) Cho đến nay, một số thơ văn cổ cận đại Việt-nam trong đó có một phần nhỏ thơ văn của Bùi Hữu Nghĩa, chưa được khảo chứng nghiêm túc. Do đó nói chung, còn không ít tình trạng "râu ông cằm bà", nên một câu văn một bài thơ có nhiều *dị bản* hoặc có nhiều *thoại* không giống nhau chưa hẳn đã là chuyện bất bình thường. Riêng câu đối Nôm "*Đất chẳng phải chồng... gan ruột mắn rằng*" hiện nay còn có người nghĩ rằng "xuất xứ... mơ hồ", thì ở miền Nam trước đây nhiều nhà sưu khảo đã khẳng định đó là *câu đối khóc vợ của Bùi Hữu Nghĩa* (Đào văn Hội, sđd, trang 117; và Nhất Tâm, sđd, trang 27 – 28), cũng như "câu liễn thờ vợ" của họ Bùi "*Ngã chi bản... ngã phi phu*" đến năm 1984, Viện Văn học ở Hà-nội mới đưa vào *Hợp tuyển Thơ Văn Việt Nam* tập IV, thì ở miền Nam từ trước chúng tôi đã có đến bốn *dị bản*.

(7) Dưới các triều Minh Mạng và Thiệu Trị, người Chân-lạp không chịu phục tùng triều đình nhà Nguyễn nữa; người thiểu số Khơ-me ở các tỉnh miền Tây Nam kỳ nhân đó cũng nổi lên chống đối. Cứ mỗi lần chống đối là mỗi lần họ bị tàn sát dữ dội. Mãi đến năm 1846, Nặc Ông Đôn dâng biểu qui thuận và xin nộp cống phẩm, thì bấy giờ lại được yên ổn như cũ. Bùi Hữu Nghĩa nhân một lần đi ngang qua huyện Hà-âm (thuộc phủ Tịnh-biên, tỉnh An-giang tức Hà-tiên ngày nay) nghĩ đến đây là bãi chiến trường ngày trước, mà làm nên bài thơ nổi tiếng *Quá Hà-âm cảm tác*.

(8) Về những sự kiện lịch sử dẫn chứng trong đoạn này, xin xem thêm:

– *Mục Lục Châu Bản Triều Nguyễn*, triều Thiệu Trị và triều Tự Đức, tài liệu biên dịch và in ronéo của Thư viện Khoa học Xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh, 1979.

– Dương Kinh Quốc: *Việt Nam Những Sự Kiện Lịch Sử 1858–1945*. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà-nội, 1981.

ĐỖ QUÝ TOÀN

ánh lửa mênh mang buổi tình đầu

*

Có thể mượn câu thơ trên của Thanh Tâm Tuyền để diễn tả cảm hứng khởi nguyên trước khi có một tác phẩm nghệ thuật. Trước khi tác phẩm ra đời chúng ta có một nguồn xúc động rạo rực, hay một ý tưởng bảng lảng, hay là một thứ gì khác chưa định hình. Nhà điêu khắc nhìn vào một khối gỗ, trong đầu có hình dung nào đó của một pho tượng gỗ mà dao, đục sẽ khoét vào gỗ, gọt thành. Nhà soạn nhạc có một giai điệu chủ đề, hay cả một hòa âm đầy đủ? Một nhạc sĩ cũng bắt đầu bằng một hình ảnh? Có nhạc sĩ đã kể rằng ông ôm trong đầu một cảm hứng nung nấu bao nhiêu ngày, một buổi sáng thức dậy nhìn dòng sông chảy trắng lóa ông chợt nghĩ ra ông phải viết một bản nhạc như thế nào, các ý nhạc hiện lên (Richard Wagner).

Còn thơ, chất liệu của thơ là tiếng nói.

Có những điều trong tâm tưởng không diễn tả bằng chữ nghĩa; hiện tượng xảy ra trong lòng không xảy ra cùng một lúc với hiện tượng phát âm. Chẳng hạn, một cảm xúc: nhìn một đứa trẻ lăn từ trên đồi xuống, sắp rớt xuống giếng, xót thương là một nỗi xúc động bật lên, không có tiếng nói đi kèm. Thí dụ khác, một ý nghĩ: nhìn một đám cỏ cháy sắp lan tới một đống rơm, ta nghĩ ngay tới hình ảnh đống rơm cháy, không cần dùng lời nói. Nghĩ, tức là liên hệ hiện tượng này với

hiện tượng khác. Trong thí dụ vừa rồi thì ý nghĩ có thể không dùng lời nói. Trước khi loài người bịa ra các cách truyền thông thì chắc họ phải có cảm xúc rồi, và có thể cũng biết liên hệ các sự việc, có ý nghĩ rồi. Nhưng khi chúng ta có tiếng nói để truyền thông, chúng ta không thể coi mỗi tiếng đó như là một dụng cụ, giống như cái gậy, con dao, hay giống như mật mã Morse hoặc máy điện thoại. Vì tiếng nói là mình.

Mặt khác, tiếng nói cũng có thể phát triển một mình, không tùy thuộc ý nghĩ. Nhà tâm lý học Piaget đã nhận thấy trẻ em biết tập dùng các tiếng trước khi chúng học lý luận, học khuôn thức suy tưởng tương đương với câu chúng nói. Chẳng hạn, đứa bé dùng các liên tự: *bởi vì, nhưng*... "*Bởi vì* bé muốn mẹ ở nhà cơ... *Bởi vì* mẹ phải chơi với bé cơ", v.v... Em bé tập dùng các tiếng "bởi vì" dù em chưa có ý niệm nhân quả giữa hai sự việc. Văn pháp (grammar) của tiếng nói có thể phát triển song song với văn pháp của ý tưởng, không nhất thiết trùng hợp làm một, cái này là cái kia.

Khi chúng ta đang muốn mở miệng nói, "Miêu Khả Tú xinh quá" thì cái ta có trong tâm tưởng là một toàn thể. Trước khi mở lời thì cái tổng thể đó chưa bị chia cắt. Nó giống như một khối đá, một "câu" nguyên vẹn. Nói ra, phát ra tiếng, là chia cắt "câu tổng thể" ra: một tên gọi, một tĩnh từ (xinh), rồi một trạng từ (quá). Trước khi thi sĩ viết, thì "*Ánh lửa mênh mang buổi tình đầu*" là một toàn thể, trong tâm tưởng có ánh lửa, có tình đầu, có mênh mang, có quãng thời gian và ánh lửa là một, một hình ảnh hay một diễn trình hồi ức, một xúc động bốc lên như đám lửa, hay màu sắc rực rỡ khi nhớ thuở tình đầu. Người đọc nói câu "*Ánh lửa mênh mang buổi tình đầu*" làm công việc ngược chiều với việc thi sĩ viết, lấy các mảnh ngôn ngữ xây dựng lại cái toàn thể.

Người đọc bắt đầu bằng các tiếng, bằng chuỗi tiếng nói, và dựng lại một tổng thể, là ý tứ của câu thơ. Người đọc không thấy một ánh lửa, với *ý nghĩa* trong từ điển của nó. Những *ý tứ* do một tiếng, một lời gồm hết thảy các xúc động mà cả câu thơ gợi ra. Ý tứ của câu thơ nằm trong ý tứ của cả đoạn, và ý tứ cả đoạn thơ tùy thuộc vào ý tứ của bài

thơ. Không thể nghĩ rằng một từ nào, một câu nào có ý tứ độc lập. Cũng như cắt một đám lông mi của Miêu Khả Tú ra mà hỏi, "Xinh không?" thì chắc chúng ta không thấy xinh bao nhiêu. Vì thiếu cái tổng thể.

Ví thử chúng ta đang tập nói, bập bẹ. Chúng ta thấy nẩy lên ở trong lòng một cảm xúc giống như cảm xúc của thi sĩ trước khi viết câu thơ trên. Chúng ta chỉ có khả năng bập bẹ một tiếng thôi, chúng ta sẽ nói gì? Bạn sẽ nói, "Nhớ"; anh sẽ nói, "Cháy"; chị sẽ nói, "Yêu", chẳng hạn. Nếu biết nói sõi hơn, chúng ta có thể nói hai tiếng, "Nhớ quá", "Nhớ yêu", hay "Lửa cháy". Khi chỉ biết nói một, hoặc hai tiếng thì ta cũng đã nói về cái tổng thể, là cảm xúc nguyên khối trước khi có câu thơ. Biết liên kết các tiếng phức tạp hơn, để thành cả câu thơ, "*Bừng cháy trong lòng anh bấy lâu u ám quạnh quẽ – Ánh lửa mênh mang buổi tình đầu*", thì cái toàn thể, tức là cảm xúc nguyên khởi của câu thơ, có khác đi không? Tôi chắc là nó đã đổi khác, không phải chỉ ở người nghe, mà ở chính người nói. Các tiếng bật ra trong chuỗi đó, mỗi tiếng lại biến đổi một chút cái cảm xúc khởi thủy. Thay vì bập bẹ, "Nhớ", bây giờ ta nói, "Ánh lửa", thì hai tiếng "Ánh lửa" đã định hình cho cái cảm xúc một cách khác. "Ánh lửa mênh mang", cảm xúc lại khác. Sau các tiếng này thì tiếng khác chảy ra, *mênh mang buổi tình đầu*. Tiếng nói phải diễn ra thành chuỗi, cũng như âm nhạc. Nhưng không thể tưởng tượng nhà soạn nhạc khi viết một giai điệu lại chỉ viết từng "nốt". Ông ta (hay bà ta) đã có toàn thể một câu, một ý nhạc, có cả những tứ nhạc phát triển từ nhạc đề chính, trước cả khi dạo thành câu chủ đề. Còn khi một người làm thơ, và đôi lúc viết văn, mỗi một lời viết ra còn có tác dụng chuyển hóa cái tổng thể khởi nguyên. Ta không thể nói cái tâm tưởng của ta đã có hình thể sẵn rồi, nó đi tìm ngôn ngữ để khoác vô, trình diễn và tự giới thiệu. Cái tâm tưởng đó, nó chuyển hóa cùng ngôn ngữ, nó thành hình bằng ngôn ngữ.

Nếu người làm thơ viết, "Buổi tình đầu mênh mang ánh lửa", thì cái cảm xúc nguyên khởi nó khác đi, các ý tứ gợi trong lòng người đọc đã khác đi. Xét về mặt *ý nghĩa*, thì câu vừa rồi hợp với ý nghĩa hơn vì nó đưa "buổi tình đầu" lên vai chính. Cái mà thi sĩ thấy bừng cháy lại

là "buổi tình đầu", còn ánh lửa chỉ là một hình thức của sự trở lại. Nhưng cảm xúc nguyên khởi cũng là *ý tứ* chứ không phải ý nghĩa. Cảm xúc đó thành hình dưới dạng của bừng cháy, thì ánh lửa đóng vai chính. Câu thơ đi liền cùng ý tứ. Hai câu mở đầu bằng "Bừng cháy..." và "Ánh lửa..." cho nên cảm xúc nguyên khởi thành hình như ngọn lửa mênh mang trên bức màn u ám quạnh quẽ. Vì thế "buổi tình đầu" đẩy vào hậu cảnh. Có phải vì thế mà nó xa xôi hơn, mờ ảo hơn? Xa xôi cả trong thời gian – "bấy lâu" – nên u ám quạnh quẽ hơn chăng?

Hòn đá làm ra lửa

Chúng tôi vừa mới dùng, nhiều lần, cụm từ "cảm xúc nguyên khởi". Nói: Cảm xúc nguyên khởi thành hình qua câu thơ này, hay qua câu thơ khác, viết như thế sẽ gây cho người viết và người đọc một ảo tưởng, rằng có một thứ có thể gọi tên được là "cảm xúc nguyên khởi". Nhưng thật sự có phải trước khi viết câu thơ thì trong đầu thi sĩ có một vật, một thực thể, hay một trạng thái, một ý rõ ràng, hay tất cả chỉ là một mớ bòng bong tạo ra do tác động của bao nhiêu "con vi khuẩn" (chủng tử)? Những câu thơ tuyệt tác bắt đầu bằng một mối xúc cảm mơ hồ, hỗn độn, không thể hình dung, không thể mô tả, không thể gọi tên. Cũng như cách bắt đầu của vũ trụ, nó vượt ra ngoài khả năng đặt để khái niệm, khả năng gọi tên của chúng ta. Sở dĩ chúng ta biết có một thứ gì đó mà tôi đã tạm gọi là "cảm xúc nguyên khởi", chỉ vì chúng ta có câu thơ, "*Ánh lửa mênh mang buổi tình đầu.*" Đọc câu thơ đó như là dấu vết của cái gì xảy ra trước khi viết câu thơ. Cũng như quan sát các làn sóng liên tinh hà hiện trên màn ảnh chúng ta biết được có một giải ngân hà vừa bùng nổ. Ở trong thế giới vật lý học chúng ta có thể hình dung được cái giải tinh vân trước khi nổ nó thế nào. Nhưng trong thế giới tâm lý sáng tạo của một thi sĩ chúng ta không biết được có một giải tinh vân hay không, và nếu có, trước khi nổ nó thế nào.

Bây giờ thử tưởng tượng một người mù, câm, điếc, ôm cái hộp đựng tất cả các tiếng Việt, ngồi xóc xóc các chữ nghĩa như chơi xóc đĩa, rồi rút ra bẩy chữ theo thứ tự: "*Ánh lửa mênh mang buổi tình đầu*". Trong trường hợp này thì chỗ khởi nguyên của câu thơ là trống

trơn không có gì hết. Câu bẩy chữ mới này có thể là bất cứ một câu nào khác, gồm bẩy chữ, bằng tiếng Việt, mà người chơi tình cờ rút ra. Xác suất của bất cứ câu nào cũng bằng nhau, và xác suất đó rất nhỏ. Tưởng tượng thi sĩ viết câu thơ cũng giống như rút ra bẩy chữ trong cái hộp đựng chữ nghĩa của mình. Trước khi rút bẩy chữ ra, chúng ta không biết nó sẽ là bẩy chữ nào. Thử ví dụ nó là câu, số 1: "*Tuyết mơ nóng hát trẻ đỏ nhà.*", hay số 2: "*Nhớ tiếc em gặp yêu nực rỡ*", hoặc câu 3: "*Ánh lửa mênh mang buổi tình đầu*".

Chúng ta biết, *ex post*, rằng câu số 3 là câu thi sĩ đã viết. Nhưng trước khi câu thơ đó ra đời, thì trên lý thuyết ta có thể nói, ***ex ante***, bất cứ câu nào, 1, 2, hay 3, hoặc các câu khác đều có khả năng xuất hiện, xác suất lớn hơn zéro.

Sự khác biệt giữa trường hợp thi sĩ làm thơ và người chơi xóc đĩa là ở xác suất. Đối với ông thi sĩ này, có thể đoán là xác suất để câu 3 ra đời khá cao. Thí dụ 40 phần trăm. Xác suất của những câu như câu số 2 nhỏ hơn, thí dụ 3 phần trăm, trong khi xác suất để các câu như câu số 1 thì nhỏ gần bằng số không, hay triệt tiêu.

Dùng thí dụ người chơi xóc đĩa chữ nghĩa để tả việc làm thơ, ta thấy trong cái hộp (*black box*) của thi sĩ phải có một số cơ động nào đó để cho xác suất của câu 3 thì lớn, của câu 1 thì triệt tiêu. Mối cơ động đó đã được mở máy cho chạy. Vì cái gì mà nó bắt đầu chạy đây? Ở trong cái hộp tối đó, nó thế nào ta không rõ, nên tạm gọi nó là "mối xúc cảm nguyên khởi hỗn mang". Nó làm máy chạy.

Khi đọc đoạn thơ rất giản dị như thế này:

Ngồi nhìn ra biển Đông
Một bên là Cầu Đá
Một bên là Hòn Chồng
(Đỗ Kh.)

chúng ta có thể đoán mối xúc cảm nguyên khởi của ba câu thơ đó phần lớn là cảnh vật, cộng với một phần nữa là cái động cơ đã khiến thi sĩ nghĩ, nhớ, chọn cái cảnh vật đó. Phần động cơ này thì người viết cũng có thể mơ hồ không rõ.

Một đoạn thơ khác:
Quán đời nghỉ ngút hoàng hôn
Ngậm ngùi cháo lú chút cồn lửa lương
(Nguyễn Mạnh Trinh)

Mối xúc cảm nguyên khởi đưa tới hai câu thơ này là cái gì? Đời? Quán trọ? Quán cháo lú? Cồn cát? Hoàng hôn? Hương nghi ngút? Lửa? Hay tất cả các thứ đó pha trộn với nhau? Có bao nhiêu cách phối hợp (toán học gọi là tổ hợp có lặp lại, *combinaison avec répétition*) của một số nào đó trong bấy nhiêu yếu tố? Chỉ nghĩ tới các cách phối hợp đó cũng đủ chóng mặt, dù mình biết, thí dụ có bẩy yếu tố để phối hợp bẩy cách. Nhưng chúng ta lại không biết thực sự nó có 27 yếu tố, hay bẩy yếu tố, hay 290 yếu tố.

Thử đọc mấy câu thơ Pasternak:

Tuyết, tuyết, phủ đầy mặt đất
Tuyết ở tận cuối trời quay đảo
Một cây nến sáng trên mặt bàn
Cây nến cháy.
(Đêm đông, 1948)

Mối cảm xúc nguyên khởi nào đã đưa tới mấy câu thơ này? Tuyết, hay đêm, cảnh quay đảo, hay cây nến cháy, hay ý thức của thi sĩ trong một quãng lịch sử nước Nga đêm mù tuyết? Ta nghe Olga Ivinskaia kể lại một đêm, Giáng Sinh năm 1947, bà cùng Pasternak đến nhà nữ nhạc sĩ Iudina, gặp bão tuyết, lạc đường. Họ nhìn thấy một cửa sổ có ngọn nến cháy lấp láy. Đó là căn nhà nơi mọi người đang chờ họ. Mấy ngày sau Pasternak viết đoạn "Cây Noel" trong *Bác sĩ Jivago*. "Ánh lửa của cây nến (trong đêm)... như một cái nhìn có ý thức..." Vậy trong khối cảm xúc nguyên khởi của thi sĩ có những gì? Có Olga ở trong đó chăng? Có những bài báo đả kích Pasternak về tội "mất lập trường giai cấp" suốt cả năm 1947, trong khi ông vẫn "đứng vững không khuỵu chân" hay không? Hay có sẵn toàn thể nền văn học nước Nga, cả Blok, cả Chekov trong đó? Hay bao nhiêu trận bão tuyết tơi bời trên trái đất từ thuở sơ khai đã đưa những nhát dao gọt khéo léo trên một tảng ngôn ngữ để tạo thành mấy câu thơ trên?

Ở đàng sau mỗi câu thơ là khối hỗn nguyên. Như một nhân vật trong *Thần Tháp Rùa* nhìn thế giới nhuốm ánh trăng, thấy một cái gì rờn rợn, mang mang. Nếu biết nó là cái gì thì chắc Vũ Khắc Khoan không phải nói rằng nó rờn rợn, mang mang. Hay Lê Bi mở đầu bài thơ về quê cũ:

Bên kia những dòng thơ
Có đọc ra gì khác
Tự thân đã như mơ
(Bên kia, 1990)

Hay như cái mà Hà Thúc Sinh gọi là khối hỗn mang:

Vì nỗi cô đơn là khối hỗn mang
(Lộn xộn)

hay Phạm Nhuận gọi là miền hú gió:

Để nghe chiều rụng về trong cõi
Một cõi miền hú gió dã man

hay hòn đá lửa trong thơ Trần Dạ Từ:

Đó là một trong hai hòn đá cổ sơ
Chỉ có em và tôi cất giữ
Rời nhau ra. Lặng lẽ. Dư thừa
Hợp đôi lại, chúng làm ra lửa
(Hòn đá làm ra lửa)

Vì sao tảng đá làm ra lửa dây? Bao giờ?

Có thể ngọn lửa chung sẽ tái sinh
Soi sáng những xó xỉnh ký ức tăm tối
(Trần Dạ Từ, bài trên)

Cái khối hỗn mang nguyên khởi trong hòn đá, nhờ nó mà bật lửa, Huy Cận gọi là "nỗi niềm tinh vân". Ông viết: "Bắt đầu yêu là một nỗi niềm xao động; bắt đầu của một tứ thơ cũng là một nỗi niềm, mà tôi muốn gọi là nỗi niềm tinh vân. Bắt đầu chưa có câu, chưa có lời, thậm chí chưa có ý cụ thể. Câu sẽ đến sau, lời sẽ đến sau. Nhưng trước hết là một nỗi niềm ùn ùn giữa ngực, rạo rực tâm hồn... Từng câu, từng lời

cũng như những hành tinh, mặt trời, mặt trăng đọng lại từ tinh vân nguyên thủy..." (*Suy nghĩ về nghệ thuật* – Văn Nghệ, 1-12-1979).

Nhưng ngôn ngữ thơ không đọng cứng lại. Khi tới người đọc, cái ngôn ngữ đó lại rạo rực, ùn ùn, lại làm nổ tung các khối hỗn mang trong lòng người đọc. Người đọc cũng là một hòn đá làm ra lửa, sẵn sàng bùng cháy. Hòn đá lửa biến năng lượng của sự va chạm tạo ra nhiệt. Còn thơ thì sao? Những lời thơ chứa các tín hiệu. Các tín hiệu không chính xác khô cứng, các tín hiệu đều hàm hồ đầy dục vọng, nóng ẩm, xao động. Nó đánh thức dục vọng khác, máu mê thèm nói ở người đọc, cái dục vọng của ngôn ngữ. Thèm nói. Thèm lời nói đẹp. Lời nói muốn sinh sôi. Người tu tập công phu có thể gặp thanh gặp sắc thấy như hoa mọc trên tảng đá. Nhưng tu tập đến bao giờ thì mới thôi không nói, không thốt ra các lời cảm động sâu xa, những lời làm xàm vô nghĩa?

Tri giả bất ngôn, ngôn bất tri
Ông thày Lão Tử nói ta nghe
Bao giờ tu đủ mười hai kiếp
Mở Kinh ra, mây trắng bốn bề

Trời sắp thu rồi em ở đâu?

Con ma chữ nghĩa nó nhập vào khi nào ta không kiểm soát được. Nếu tiếng nói chỉ là âm thanh thì một điệu du dương sẽ gọi hồn ngôn ngữ thức dậy. Nhạc gợi ra thơ, như câu này của Đinh Hùng:

Trời sắp thu rồi em ở đâu?

Nhiều bài thơ mở đầu bằng những câu êm ái gợi cảm. *Trời sắp thu rồi! Em ở đâu?* Mỗi cụm ba, bốn tiếng đều lay thức các tế bào, các vi khuẩn ngôn ngữ trong mình. Có thể thi sĩ chợt nghe mình hỏi một câu êm ái, rồi các tiếng du dương ngân nga vang dội mãi. Nó thức động một mối cảm xúc, một khối tinh vân muốn thành hình.

Tiếng Việt-nam có thanh điệu nhịp nhàng. Khối tinh vân có thể thành hình nhờ một trật tự thầm kín của thanh điệu. Ngay cả khi thơ hết tính cách truyền khẩu, thơ viết ra chữ, để đọc, thì mỗi câu thơ cũng hiện lên thành tiếng thầm trong óc. Cho nên khối cảm xúc khởi

đầu đã xuất hiện có thể chỉ vì một giai điệu, vì tác động của âm thanh. Rồi lại đến nhịp tiết. Một câu nhịp nhàng mở một bài thơ như:

Hãy yêu nhau, thương nhau, tử tế với nhau
(Lời nói cũ)

Câu mở đầu bài thơ của Trần Sa không phải là một câu hỏi như câu của Đinh Hùng ở trên. Nhưng đó cũng là một giai điệu êm dịu, nhịp 3 – 2 – 4, mỗi đoạn chấm dứt bằng chữ "nhau", như lời nhắc nhở thì thầm. Thi sĩ đã lập lại câu trên như một điệp khúc trong bài thơ. Nó không du dương réo rắt như câu thơ Đinh Hùng, nhưng nó có thể vang vọng ngân nga nhờ ở nhịp điệu 3 – 2 – 4 của nó. Có những ý nhạc khởi từ một giai điệu du dương. Có những ý nhạc khởi từ nhịp, như *Giao hưởng khúc số 5* của Beethoven mở đầu bằng bốn tiếng gõ cửa của định mệnh. Âm thanh còn nhiều tác dụng khác nữa:

Đưa người ta không đưa sang sông
(Thâm Tâm)

Bẩy tiếng cùng một thanh, sáu tiếng không dấu, chỉ có một dấu huyền. Âm điệu bằng phẳng, có cái gì du dương, có một nhịp điệu quyến rũ nào không? Hình như là không. Nhưng bây giờ mỗi khi đọc lên câu đó sao tôi thấy rạo rực? Có lẽ bởi vì tôi đã biết, đã thuộc bài *Tống biệt hành* rồi. Tôi đã có cả một khối thơ nằm sẵn trong kho chứa của não bộ. Đọc câu đầu là đánh thức cả bài dậy. Vì thế tôi thử tưởng tượng. Trước khi viết bài thơ, Thâm Tâm cũng có một khối tinh vân mới nhúm, khối năng lượng nguyên thủy đang chờ bùng nổ? Câu đầu tiên hiện lên. *Đưa người ta không đưa sang sông.* Trong câu đó không vẽ ra hình ảnh nào để gợi cảm hứng. Nhưng tứ thơ không đóng kín. Nó là loại câu "khải hậu" (*open-ended*), nó thúc đẩy, kêu gọi một cái gì mấp mé muốn trào ra. Như thể đọc xong ta sẽ phải nói: Rồi sao? Rồi sao? Âm thanh phẳng phiu của câu thơ đầu tiên này giống như một tấm vải bố đã được chuẩn bị, nó làm nền cho các âm thanh khác. Bởi vì nó trắng, nó không màu nên nó mời gọi, thôi thúc màu sắc chạy tới, trào ra. Trong bẩy tiếng thơ một màu (âm bằng) ta đã bắt đầu gợn thấy lao xao sóng vỗ. Như trong yên vắng vô cùng chúng ta mới nghe được tiếng sóng tấp vô lau sậy. Vì thế bẩy tiếng với sáu tiếng không

dấu, một tiếng dấu bằng có thể đã là tia chớp lóe lên làm nẩy sinh đám tinh vân tiền thân của một bài thơ.

Khi nói đến nhạc điệu của câu thơ, thực sự âm nhạc ở trong thơ nghĩa là gì? Có phải đó là các dấu giọng, sắc, huyền, hỏi, ngã... hay các âm vận a, u, anh, oang hay không? Chắc âm nhạc của thơ không phải chỉ là phần âm thanh. Phần âm thanh có quan trọng. Nhưng tình ý mà mỗi âm thanh gợi ra còn quan trọng hơn nữa. Nếu ta chỉ chú ý đến âm thanh, câu thơ "*Trời sắp thu rồi em ở đâu*" ta có thể viết thành một câu tương tự về âm và vận, như: "*Người biết cơ trời đêm thả câu*". Ta thấy ngay rằng câu sau không có âm hưởng của câu trước. Tại sao? Rõ ràng là "em ở đâu" nghe khác "đêm thả câu" vì ta đọc tiếng "em, đâu" khác giọng "đêm, câu", "em ở đâu" sẽ ngân dài, lên cao giọng hơn "đêm thả câu". Đọc "Trời sắp thu rồi" chúng ta sẽ đọc với giọng hiu hắt, hơi thở nhẹ nhàng hơn là khi ta đọc "người biết cơ trời". Khi đọc câu thơ "*Trời sắp thu rồi em ở đâu*", ta sẽ đổi âm điệu theo ý tứ của câu thơ. Âm điệu đổi một cách vô ý thức. Khi đọc thầm trong đầu, ta cũng nghe các âm thanh và nhạc điệu khác nhau. Vì vậy nói đến âm điệu của thơ không có nghĩa là chúng ta tách riêng âm thanh ra khỏi ý tứ. Trong tiếng Anh, nói *murmuring* một cách êm dịu, nói tiếng *murdering* thì khác, dù khi nói vội có thể nghe lộn. Nhưng người nói sẽ theo ý tứ mà đổi giọng nói. Nhờ giọng nói người nghe nhận ra tiếng đó là *murmuring* hay *murdering.*

Trong tiếng Việt-nam âm thanh rất quan trọng. Trong ngôn ngữ khác thì tôi không rõ. Có lần Pasternak đã nhắc đến âm thanh của một loài chim nghe như câu mở đầu bài thơ nào đó của Pushkin. Tôi không rành tiếng nước ngoài nên không rõ, chỉ dám nghĩ về âm thanh trong thơ tiếng Việt. Khi nghe một câu thơ tiếng Ý, tiếng Tây-ban-nha tôi thấy xao xuyến vì âm thanh, nhưng đó cũng là nỗi xao xuyến của người nói tiếng Việt, không có gì bảo đảm là người Ý hay Tây-ban-nha cũng xốn xang kiểu đó.

Vì vậy khi nghe một câu thơ Việt-nam âm điệu quyến rũ chúng ta dễ được đưa vào một thế giới mới, chuẩn bị đón một bài thơ. Thơ tiếng nước ngoài tôi không rõ, nhưng chắc đối với độc giả của họ, cũng vậy.

Để so sánh với văn chương nước ngoài, thử đọc mấy câu đầu của vài quyển tiểu thuyết danh tiếng. Một câu đầu trong *L'Étranger* (Kẻ ngoại cuộc) của Albert Camus tạo ra một không khí riêng biệt: "*Mẹ chết bữa hôm nay. Hay, có lẽ, hôm qua; tôi không rõ*". Câu đầu trong cuốn *Trăm Năm Hiu Quạnh* của Gabriel Garcia Marquez cũng vậy: "*Bao nhiêu năm sau, khi ông đứng trước họng súng đội hành quyết, đại tá Aureliano Buendia còn nhớ lại buổi chiều xa xưa khi thân phụ ông dẫn ông tới coi nước đóng băng, một khám phá trong đời*". Hình ảnh đó mở màn cho một trăm năm hiu quạnh nơi vùng đất lãng quên.

Hình ảnh ở trong văn và trong thơ các nước đều có sức lôi cuốn, gợi cảm như nhau. Thi sĩ có thể bật dậy vì một hình ảnh, rồi cái nọ lôi cuốn cái kia, bài thơ thành hình. Có thời nhiều thi sĩ ở Tây-phương tự gọi là theo trường phái Duy Ảnh (Imagism). Họ có thể coi là hậu duệ xa xôi của Vương Duy (thi trung hữu họa). Nhà thơ và họa sĩ này quả nhiên để lại cho chúng ta nhiều bài thơ bốn chữ đẹp như các bức tranh thủy mạc.

Hình ảnh hiện lên bằng ngôn ngữ, đó là khởi đầu của một bài thơ. Nhưng khi mới hiện lên, hình ảnh cũng là một khối hỗn mang chưa định hình. Nó có thể ám ảnh, hay chìm khuất trong tâm trí, tưởng như đã chết lụi. Rồi có lúc, gặp cơ duyên, nó lại hiện lên.

Một hình ảnh hiện lên ở trước mặt hay trong ký ức dễ làm cho ta xúc động gan ruột, phát khởi một vụ "*Big Bang*", một vũ trụ bùng nổ bất ngờ.

Chúng ta hãy nghe Ezra Pound kể chuyện về bài thơ *Trong trạm xe điện ngầm – In a station of the metro* ông viết năm 1913:

"Hơn một năm trời tôi cứ thử làm một bài thơ về một thứ rất đẹp xảy đến với tôi trong đường xe điện ngầm ở Paris. Tôi bước ra khỏi toa xe, hình như ở trạm La Concorde, và bất chợt nhìn thấy một khuôn mặt đẹp, rồi, quay lại thình lình, một khuôn mặt đẹp nữa, rồi tới một nét mặt trẻ thơ xinh xắn, rồi lại một khuôn mặt đẹp khác. Suốt ngày hôm đó tôi cố tìm lời nói cho cái gì tạo nên cảm giác này. Đêm hôm ấy, tôi đi về nhà, dọc theo đường Raynonard, tôi vẫn còn thử tìm lời. Tôi không tìm được gì hết, ngoài mấy chấm màu. Tôi nhớ lúc đó tôi

nghĩ rằng nếu mình là họa sĩ chắc tôi đã mở đầu một trường phái hội họa mới. Nhiều tuần sau, sang bên Ý, tôi thử viết một bài thơ, nhưng thấy nó thật vô tích sự. Thế rồi một đêm gần đây thôi, trong khi nghĩ ngợi mình phải nói về sự cố đó như thế nào, tôi chợt nhớ rằng ở Nhật-bản, nơi mà tác phẩm nghệ thuật không được thẩm định bằng diện tích lớn nhỏ, ở đó chỉ cần 17 vần xếp đặt và ngắt câu đúng cách cũng đủ làm thành một bài thơ, mình có thể viết một bài thơ rất nhỏ, mà nếu dịch ra tiếng Anh thì sẽ như sau:

The apparition of these faces in the crowd
Petals on a wet, black bough.

Tiếng Việt:

Những khuôn mặt hiện ra trong đám đông
Những cánh hoa trên cành cây đen ướt.

Và chắc rằng ở chốn xa kia, nơi có nền văn minh rất cổ kính và rất tĩnh lặng, sẽ có người hiểu bài thơ đó nói gì". (Theo Earl Miner: *Pound, Haiku and the Image*. Hudson Review, IX, Winter 1956-57, trang 570–584).

Theo các nhà nghiên cứu về Pound thì lúc đầu thi sĩ viết một bài thơ 30 dòng rồi hủy đi. Sáu tháng sau ông viết một bài thơ ngắn hơn, rồi lại hủy. Một năm nữa trôi qua ông mới "hoàn tất" bài thơ hai câu trên. Tính ra còn nhanh hơn Giả Đảo (*Nhị cú tam niên đắc – Ngâm thành song lệ lưu*).

Trong câu chuyện này thì cái khối tinh vân nguyên khởi đã hình thành một cách hết sức chậm chạp. Nó bắt đầu bằng một tác động trên võng mạc: mấy khuôn mặt đẹp trong đám đông, trong hầm *métro*. Chắc *métro* năm 1913 ở Paris khác nhiều so với năm tôi tới đó. Bây giờ chắc đông hơn, ồn ào hơn, quốc tế hơn, Jacques Prévert hơn nhiều. Nhưng bây giờ các khuôn mặt đẹp, khi hiện ra trong đám đông, vẫn có thể long lanh kiều diễm, gợi nhớ đến mấy cánh hoa trên cành khô đen đầm nước. Nhưng khối tinh vân nguyên khởi của Pound có phải chỉ là mấy xúc động trên võng mạc hay không? Chắc nó phức tạp hơn nhiều, chui ra chui vô hầm *métro* bao nhiêu lần chúng ta mới có một lần bị mấy khuôn mặt đó dập vào thị giác. Mắt của chúng ta đã

được chuẩn bị bao nhiêu năm để tiếp nhận mấy chấm màu tươi áu đó? Tại sao bài thơ 30 câu đầu tiên lại không trở thành thân xác của mối xúc cảm trong lòng thi sĩ? Trong 18 tháng trời, các xúc cảm đã được nấu đi nấu lại bao nhiêu lần? (Duy Thức học gọi là lò nấu, Dị thục thức). Có các gia vị mới nào đã thêm vô? Tranh ấn tượng? Tranh ấn họa của Nhật? Thơ *haiku*? Tại sao lại có một cành cây khô đầm nước ở đây? Tại sao bài thơ bắt đầu bằng một danh từ chỉ hành động (*apparition*) mà không dùng một động từ (*appear*) như lối nói trong tiếng Việt của chúng ta? (Nguyễn Hiến Lê và Trương Văn Chình đã bàn về chuyện này). Từ hình ảnh trong câu trước đến hình ảnh trong câu sau có ẩn giấu một động từ nào cho sự chuyển hóa?

Thi sĩ Việt-nam rất khiêm tốn, ít nói đến kinh nghiệm sáng tạo của chính mình. Vì vậy không ai kể lại quá trình của các bài thơ. Chúng ta cứ tiếp tục tự hỏi: Bài thơ đó ở đâu ra? Vì sao nó có hình dạng như vậy? Bài thơ đã tới với người đọc. Khối cảm hứng của thi sĩ chìm khuất. Chỉ còn hình thể sau cùng là ngôn ngữ. *Trời sắp thu rồi em ở đâu? Nằm trong đất lạnh chắc em sầu* (Đinh Hùng).

Dập tắt giùm em lửa hỗn mang

Bắt đầu từ cái khối hỗn mang nguyên khởi ông (hay bà) thi sĩ bật ra mấy tiếng. Cái mối hỗn mang nó thành hình. Thí dụ chúng ta chỉ bật ra một tiếng duy nhất. Nhìn một đứa bé lăn trên triền dốc, sắp rơi xuống giếng sâu, ta có thể thét lên một tiếng. Có thể kêu "Chết!", hay "Chết cha!", hay một tiếng kêu thú vật không phải tiếng người. Mối xúc động của chúng ta tùy theo mỗi tiếng đó mà thành hình một cách khác nhau. Một tiếng kêu thôi, như kêu "Chết!", chính là một bài thơ. Nó định hình tất cả mối cảm xúc hỗn độn. Có thể coi tiếng kêu đó truyền tin một thông điệp, như "Hãy coi chừng, đứa bé có thể chết", hay không? Không phải. Tiếng kêu đó không có mục đích truyền báo một thông điệp cho ai cả. Nó là do nhu cầu của người kêu, nhu cầu của mối xúc động muốn thành hình bằng một tiếng, dù tiếng người hay chỉ là tiếng kêu của động vật. Tiếng "Chết!" bật thét lên, không làm người nghe nhận được bản thông điệp: "Cái chết sắp xảy ra kìa". Tiếng "Chết!" kêu lên truyền một mối kinh hoàng. Người nghe tiếng

đó thấy kinh hoàng. Nỗi kinh hoàng này, nó cũng hỗn độn mơ hồ như mối xúc động hãi hùng của người thốt lên tiếng kêu. Nó không là một dòng ý tưởng có trình tự rõ ràng, nó là một mối xúc động hàm hồ. Tiếng thét truyền xúc cảm như vi khuẩn truyền bệnh. Một bài thơ hay cũng vậy. Gọi là Nhớ, Yêu, Giận, Thương, Buồn, Sướng, Chán... mỗi khối hôn mê đó truyền tới người đọc, sinh ra một khối mơ màng, phức hợp khác.

Nếu người thét và người nghe cùng ở nơi xảy ra tai nạn, người nghe cũng nhìn thấy đứa bé lăn tế, thì chắc rằng chỉ một tiếng kêu vô nghĩa cũng đủ truyền nỗi kinh hoàng rồi. Hoặc không cần lời nói, một con mắt trừng lên, một ngón tay trỏ, cũng truyền đủ mọi xúc động như một bài thơ.

Cũng tương tự như vậy, hai người tâm hợp ý đầu thì có thể truyền cho nhau các xúc động không lời. Trong đám đông mà hai cô cậu có tình ý với nhau muốn chuyện trò một cách im lặng thì thiếu gì cách "đầu mày cuối mắt". Trong truyện *Anna Karenina* (ch. 18, q. V) Leo Tolstoy tả hai nhân vật nam nữ đối thoại với nhau bằng chữ viết tắt. Thí dụ Kitty viết cho Levin: "A s q v th th h kh?" Levin bẻ miếng phấn, viết: "K c gi đ q h th th. A y e". Cả hai người biết người kia nói gì. (Anh sẽ quên và tha thứ hết không? – Không có gì để quên hay tha thứ. Anh yêu em). Khi hai người cùng sống một trạng huống, chia sẻ cùng một xúc cảm, một ý tưởng, thì ngôn ngữ đóng vai trò rất nhỏ. Chúng ta thường bảo là hai người ở cùng một tần số, như hai điện đài thông tin.

Vì mỗi độc giả một tần số nên nghe câu *Dập tắt giùm em lửa hỗn mang*, thì mỗi người vẫn nhận được một cảm xúc, nhưng tùy theo tần số mà người nhận được thế này, người nhận được thế khác. Nhưng cũng như tiếng kêu thét trong bài thơ một chữ, mỗi bài thơ không truyền đi một số thông điệp rõ rệt, nó truyền tới chúng ta một trạng thái tâm tưởng. Cái cảm xúc nguyên khởi hiện hình qua tiếng nói, rồi nhờ tiếng nói hiện hình dưới hình dạng đó, người đọc cũng khởi tâm xúc động. Octavio Paz nói bài thơ *tự tại* không có, chỉ có bài thơ ở trong anh, bài thơ ở trong tôi (*The Children of the Mire*). Tần số của

em khác anh, cho nên em đọc bài thơ đó em bảo, "Thơ cũ kỹ quá", còn anh đọc cũng bài thơ đó, anh thấy "rực rỡ lạ lùng".

Chúng ta sẽ luôn luôn ngạc nhiên rằng tại sao các thi sĩ thiên tài có thể làm thơ cho người ta đọc. Nếu chỉ viết một bài văn vần quảng cáo có phải dễ hơn không? Viết thứ "thơ" kiểu ông Jourdain như thế này:

Bởi vì em yêu nước
Cho nên anh yêu em
Người phụ nữ yêu nước
Là phụ nữ đẹp nhất thế giới

Nó vừa bình dân lại vừa có hiệu quả trong việc tán đào, vừa chứng tỏ mình có lập trường tốt. Ai đọc cũng hiểu tạm, còn cái chuyện nó có phải là thơ không là chuyện cãi nhau mãi cũng không quyết định được.

Còn như viết thế này thì không để cho ông Jourdain làm thơ nữa:

Hồng thủy cuốn trôi rừng sách vở
Xé rách mắt cửa sổ hồn ta
Mặt trời quay nhanh vòng xoáy tít
Mặt người tan mặt đất vỡ ra.
(Nguyễn Hữu Nhật)

Bốn câu thơ này phải tìm những người đọc trải qua kinh nghiệm, tâm tưởng người yêu sách, đọc sách. Số người đó đâu có nhiều bằng số phụ nữ thích yêu nước? Mà những người yêu và đọc sách đâu phải ai cũng trằn trọc, xao xuyến như vậy? Đâu phải ai cũng quen với cửa sổ linh hồn, xé rách mắt, mặt đất, mặt người tan vỡ? Cho nên tìm gặp nhau trong *cõi hỗn mang nguyên khởi* đòi hỏi nhiều điều kiện quá. Người làm thơ chỉ hy vọng có một độc giả nào đó, đọc thơ mình, vừa đọc vừa dấy lên mấy xúc cảm – mấy xúc cảm nào đó mà mình chắc không rõ. Nếu sự kết tinh, định hình của thi sĩ (biến mối xúc cảm nguyên khởi ra lời nói) mà thật sự do thiên tài, thì kết quả của nó, là bài thơ, sẽ khơi dậy trong người đọc mối xúc cảm có cường độ ngây ngất. Nếu chỉ là một anh thợ thơ, hay một tình nhân có thiện chí làm thơ, thì cảm ứng của bài thơ sẽ nhạt phèo. Cho nên thơ hay là bài thơ

khiến chúng ta đọc lên cũng thấy mình là thi sĩ trong giây lát. Thơ hay hơn nữa là khi nó làm các thi sĩ khác đọc bỗng rung động muốn làm thơ. Khi nói "hay" và "hay hơn" tôi muốn nói gì? Hay ở đây hiểu là bài thơ giống như một tiếng thét, nó truyền đi một cảm xúc nguyên khối, chứ không phải nó lễ mễ bưng tới một thúng ý tưởng. Cái thứ thơ mà Mai Thảo gọi là "thơ thần" (*Thành khúc thơ thần đứng chổng mông*). Nó ở ngoài chữ nghĩa. Nó đưa khối lửa tinh vân tới đốt cháy chúng ta, chúng ta kêu lên: "*Dập tắt giùm em lửa hỗn mang*". Ai tắt được cho ai bây giờ? Con ma tiếng nói nó nhập vào chúng ta mất rồi! Đồng đã nhập mất rồi! □

LƯU HY LẠC

nỗi tình

*

Dấu gì lòng cũng cưu mang
bức tranh em vẽ thiên đàng vắng tanh
mang theo đời dúm cỏ xanh
ủ trong trời đất ngọn ngành ban sơ
rồi ra vẫn chỗ bụi bờ
dấu hài xưa ngủ yên chờ tóc phai.

THỤY KHUÊ

nói chuyện với họa sĩ thái tuấn

*

Họa sĩ Thái Tuấn xuất thân từ trường Cao-đẳng Mỹ-thuật Hà-nội, niên khóa 1939-40, cùng thời với họa sĩ Nguyễn Tư Nghiêm, nhạc sĩ Đặng Thế Phong, kịch tác gia Phan Tại, điện ảnh gia Nguyễn Tùng... là một trong những thành viên kỳ cựu của nhóm Sáng Tạo. *Ngoài ra, ông còn là giáo sư trường Quốc-gia Âm-nhạc và Kịch-nghệ, dạy môn lịch sử nghệ thuật từ năm 1964 đến 1966 tại Sài-gòn. Trong nhiều năm, ông làm giám khảo cho giải thưởng* Hội Hoạ Mùa Xuân, *tìm kiếm các tài năng mới.*

Họa sĩ Thái Tuấn tên thật là Nguyễn Xuân Công, sinh ngày 11 tháng 9 năm 1918 tại Hà-nội, xuất thân từ một gia đình công chức. Từ nửa thế kỷ nay, Thái Tuấn đóng góp vào nghệ thuật nước nhà, không riêng gì tạo hình, mà còn cả trên địa hạt phê bình hội họa, phân tích hội họa, đặt mối tương quan giữa hội họa và các ngành nghệ thuật khác, qua tác phẩm Câu Chuyện Hội Họa.

Thái Tuấn dùng hội họa để nói lên tâm tư thầm kín của mình, ông quan niệm hội họa chân chính không cần quan tâm đến vấn đề nội dung hay hình thức. Họa sĩ không vẽ phong cảnh giống như bức hình chụp lại thực tế, không vẽ chân dung giống như người thật. Họa sĩ dùng đề tài như một cái cớ để nói lên những suy tư, những kinh nghiệm của mình trước cuộc đời và với cuộc đời.

Tranh Thái Tuấn giao hòa nghệ thuật Đông Tây với những đặc điểm:

Ông áp dụng lối vẽ từng mảng đồng màu (aplat), *trong nghệ thuật cổ điển Trung-hoa, thường dùng màu xanh làm sắc chính: cây, cỏ, mây nước, đắm trong các màu xanh lam hoặc xanh lục, rồi nhẹ nhàng chuyển sắc, trong cùng một sắc độ* (ton), *để thể hiện khoảng tối, khoảng sáng, chỗ đậm, chỗ nhạt. Thái Tuấn vẽ theo quang độ* (peinture par la valeur), *trái ngược với các họa sĩ chuyên chú về màu* (peinture par la couleur). *Tranh Thái Tuấn thể hiện những không gian thoáng và rộng, chuộng sự hòa hợp hơn sự tương phản.*

Về đường nét, Thái Tuấn chỉ phác những nét lớn. Không gian của Thái Tuấn là không gian hai chiều: tranh mang ấn tượng dẹt (plat), *gần gũi với nghệ thuật Trung-quốc hơn nghệ thuật Tây-phương, chủ yếu trong không gian ba chiều.*

Thái Tuấn chuyên chú đến nền tranh, đến "không khí" bức họa, đến cảm xúc toàn diện toát ra từ bức họa hơn là đề tài và chi tiết. Trong tranh có những khoảng trống mênh mông, nhìn qua chỉ thấy một màu xanh bát ngát, nhưng nhìn gần, không đơn giản thế: bức Cô Tấm, *quan sát kỹ càng, người xem tìm thấy trong nền xanh lục, bóng dáng cây đa. Ngắm sâu hơn, có lẽ nàng đứng trong sương mơ, sương mờ hay trời vừa sẩm tối, mà nàng thì sáng như trăng... Nàng quyến rũ ta bằng ảo thuật nửa mơ, nửa tỉnh, nửa đêm, nửa ngày, nửa bình minh, nửa hoàng hôn không sao định rõ.*

Những bức phong cảnh của Thái Tuấn, vẫn trong sắc độ xanh sậm, u buồn và huyền bí như Rừng Đêm, Chợ Họp Bên Sông, Ngàn Năm Mây Bay... *đường nét cổ điển, nhiều khoảng tối: tối trong cảnh vật và tối trong lòng người. Ngôn ngữ của họa sĩ ở đây là sự trầm tư, huyền bí của nội tâm trong không khí âm u, ẩm ướt của những nỗi u hoài, khắc khoải.*

Ấn tượng lãng mạn trong những bức tranh hoa, với nhật quang làm nền, gợi sáng, mơ mộng, lả lướt trong nét bút. Bức Hồng Bạch *chỉ thấy phơ phất dáng hồng, "hồn của bông hường", lồng trong ánh sáng mơ*

xanh, mà không thấy cánh hoa. Sự phiếm định trong nét vẽ, trong màu sắc mơ hồ, tỏa ra một không khí nhớ nhung huyền ảo.

Trong những bức tranh phụ nữ như Cô Tấm, Suối, Phấn Hoa, Áo Trắng, Dòng Sông Cũ, Biển Hồ... *Thái Tuấn dùng sự hòa hợp màu sắc, đường nét đơn thuần, tinh khiết, để thể hiện tâm hồn người đàn bà: nói nhiều trong đôi mắt, âu yếm và ngây thơ, đằm thắm và mơ mộng, tươi vui mà ẩn hiện u buồn. Chỉ hai sắc độ xanh lục và xanh lam đủ biểu hiện phần nội tâm vừa dịu dàng vừa tha thiết, một dĩ vãng nên thơ và u buồn của người đàn bà hay của chính tác giả?*

Trái ngược với tranh phong cảnh, tranh phụ nữ hay tranh hoa, những bức portraits *của Thái Tuấn (Nguyễn Gia Trí, Trịnh Công Sơn, Bùi Xuân Phái, Quang Dũng, Phạm Duy...) đường lối hiện thực mô tả, vẫn không đi vào chi tiết, nét bút vừa mong manh vừa mạnh mẽ, bộc lộ cá tính vừa cương, vừa nhu. Họa sĩ chỉ vẽ những người bạn tâm đắc với mình: lồng tâm sự của mình với tâm tình người được vẽ chân dung tạo nên tâm cảm của bức họa.*

Không gian hội họa Thái Tuấn mơ mộng, nhớ nhung, u buồn, nhưng không tuyệt vọng. Họa sĩ đem cái tĩnh trong bản chất Đông-phương lồng trong màu sắc đằm thắm, sâu lắng của những chất liệu và cái động của Tây-phương.

Tranh Thái Tuấn thể hiện con người Thái Tuấn: giao hòa hai thái cực: mong manh mà mạnh mẽ; hiền hòa mà cương nghị; thực tế mà mơ mộng; buồn ẩn tươi sáng; và nhất là vẻ hồn nhiên đến siêu thoát trong nụ cười của một cuộc đời đã nhiều trầm luân, xao động.

*

THỤY KHUÊ: *Thưa anh Thái Tuấn, khi anh vào trường Cao-đẳng Mỹ-thuật Hà-nội thì giáo sư Victor Tardieu đã về Pháp vì bệnh và mất ở Pháp. Ông Jonchère sang thay thế vào khoảng năm 1938 (?) Trái ngược với đường lối của Tardieu, Jonchère tuyên bố là ông chỉ sang Đông-dương để đào tạo nên những người thợ mỹ nghệ, không thể có họa sĩ. Xin anh cho biết về khung cảnh và điều kiện học hỏi của các sinh viên Cao-đẳng Mỹ-thuật trong thời kỳ anh học.*

THÁI TUẤN: Khi tôi vào học trường Cao-đẳng Mỹ-thuật ở niên khóa 1939-1940 thì ông Jonchère đã làm giám đốc. Dáng dấp cao lớn, có vẻ thiên về thể thao hơn là nghệ thuật; sở trường của ông là điêu khắc. Ông đến Việt-nam giữa lúc tình hình chính trị căng thẳng; được báo chí phỏng vấn ông đã có những lời lẽ thiếu khôn khéo; tôi không nhớ rõ nguyên văn, song đại ý là: Trường Mỹ-thuật Hà-nội sẽ chú trọng vào việc đào tạo những người thợ thủ công (*artisans*), không đào tạo nghệ sĩ (*artiste*).

Câu nói lúc tình thế trong nước đang có những phong trào chính trị sôi nổi, lại thêm những lời bình luận của báo chí, chạm đến lòng tự ái của tuổi trẻ, nên đã gây ra những cuộc bãi khóa của sinh viên. Thực ra chương trình giảng dạy cũng vẫn chẳng có gì thay đổi, trước sau vẫn chú trọng vào việc giảng dạy về kỹ thuật; những lớp về thẩm mỹ học, về lịch sử nghệ thuật gọi là cho có. Song xét cho kỹ thì nhà trường cũng chỉ có thể đào tạo được những họa sĩ biết nghề chứ làm thế nào mà đào tạo được nghệ sĩ.

TK: *Về những họa sĩ đã ra trường và đã thành công cùng thời với anh, anh còn nhớ những ai? Nếu có thể, anh kể lại một vài người và đường lối hội họa của họ.*

TT: Nói đến chuyện thành công của một họa sĩ, thật khó nói; có thành công về tiền bạc, có thành công về tiếng tăm; song sự thành công về nghệ thuật thì người nghệ sĩ chẳng bao giờ thấy mình thành công cả. Sự thẩm định một tác phẩm nghệ thuật thường có tính cách tạm bợ và giới hạn.

Trong lớp tôi hồi đó có non ba chục người. Về sau tôi gặp lại rất ít, phần đông đã bỏ nghề. Đặng Thế Phong làm nhạc, Phan Tại sang ngành kịch, Nguyễn Tùng làm phóng viên điện ảnh, duy còn có Nguyễn Tư Nghiêm còn tên tuổi trong giới họa sĩ miền Bắc. Tôi có được xem một số họa phẩm của Nguyễn Tư Nghiêm, anh thường dùng những tiết họa ảnh hưởng những đường nét hoa văn ở các công trình nghệ thuật dân gian với xu hướng mới. Trong các họa sĩ anh là người đạt được những bức hình họa tuyệt tác.

TK: *Từ quan điểm* tự do sáng tác, *do Xuân Thu Nhã Tập khởi xướng đến quan niệm* tự do sáng tác *trong Sáng Tạo và quan niệm sáng tác của họa sĩ Thái Tuấn, có gì khác nhau? Xin anh nói rõ về quan niệm hay triết lý trong nghệ thuật tạo hình của Thái Tuấn.*

TT: Theo tôi nhận định, quan điểm tự do sáng tác của nhóm Xuân Thu Nhã Tập khởi xướng trong bối cảnh một xã hội bắt đầu chú ý đến thể chế dân chủ và nền văn minh khoa học Tây-phương. Chủ trương của họ hình thức là văn học, song nặng về vấn đề cải tạo xã hội, phong tục tập quán, bài trừ những hủ tục, đả phá những bất công do chế độ phong kiến còn thịnh hành, cổ võ cho nếp sống mới. Các hoạt động về mặt xã hội được phát động như hô hào xây dựng những căn nhà "Ánh sáng", cải cách y phục kiểu "Le Mur, Lê Phổ", trợ lực hội Truyền-bá Quốc-ngữ...

Nhóm Sáng Tạo thiên về sự khám phá những tư tưởng mới, những đường lối mới, những hình thức mới có tính cách văn học hơn là việc cải cách xã hội. Phong trào thơ tự do, cổ võ cho những thí nghiệm về văn học nghệ thuật, chống lại sự độc quyền và đường lối của bộ máy kiểm duyệt của chính quyền.

Quan niệm về nghệ thuật của riêng tôi, tôi cho rằng tính chất nghệ thuật có nhiều khác biệt so với văn học. Cái *Đẹp* trong tác phẩm nghệ thuật không hề là tư tưởng, nó là một thứ tình cảm, như tình yêu thương. Nó đòi hỏi sự cảm thông chứ không có tính cách truyền đạt. Lấy cái lý của khoa học không thể xây dựng được cái *Đẹp* và có phần phản lại cả khoa học.

TK: *Anh chủ trương nghệ thuật vị nghệ thuật và hội họa là phản ánh của tâm hồn?*

TT: Dù muốn dù không thì vì có nhu cầu của con người mới có nghệ thuật. Nói đến nghệ thuật là nói đến cái đẹp như một yếu tính của nó. Con người đi tìm cái đẹp chứ cái đẹp không đi tìm người để phục vụ.

Tác phẩm nghệ thuật không những chỉ phản ánh tâm hồn mà phản ánh toàn diện con người của tác giả, một cách trung thực; không

lựa chọn, không che giấu một điều gì về tác giả. Người ta có thể nói dối bằng một câu văn, không thể nói dối bằng nét bút. Tuy nhiên ngày nay dã có máy chữ, máy in, sự nói dối có thể dễ dàng hơn chăng?

TK: *Có phải những không gian rộng và thoáng trong tranh anh thể hiện* "Carré Blanc sur Fond Blanc", *bức họa nổi tiếng, tựa đề* "Ô Vuông Trắng trên Nền Trắng" *của Malevitch mà anh thích? Xin anh nói đến những nền xanh mênh mông trong tranh anh.*

TT: Trong một bài viết, tôi có nhắc đến bức họa nổi tiếng của Malevitch như một ví dụ. Có những thời kỳ, xu hướng hội họa Tây-phương ảnh hưởng nhiều tính chất triết học, có thời nặng tính chất khoa học. Nói chung cho đến ngày nay vẫn thiên về trí tuệ nếu so sánh với nền hội họa Đông-phương. Theo tôi hội họa khó là phương tiện để phổ biến những chủ thuyết. Nếu cần lập thuyết, thiết nghĩ văn chương đắc lực hơn. Có thể người ta gặp được những tư tưởng nào đó trong một tác phẩm hội họa, song đó không phải là điểm quan tâm chính của người làm nghệ thuật; đó chỉ là những phản ứng tự động đôi khi vượt khỏi mọi toan tính của tác giả.

Việc sử dụng màu xanh của tôi, do một thời kỳ tôi chỉ còn rất nhiều màu xanh; cứ sử dụng mãi rồi quen thuộc nắm vững được tính chất và khả năng của nó. Vả chăng tôi không thành công với những màu sắc lộng lẫy chói chan.

TK: *Trở về khía cạnh kỹ thuật trong hội họa, anh đã trải qua nhiều giai đoạn tìm tòi học hỏi, xin anh cho biết những khuynh hướng chính, những danh họa đã ảnh hưởng đến anh. Ví dụ, có phải những màu sắc thắm tươi và huyền bí tựa Gauguin; những nét đơn sơ, phác họa tựa Matisse?...*

TT: Sự học hỏi của tôi về kỹ thuật rất là tùy tiện, chẳng theo một phương pháp nào, lần mò bằng kinh nghiệm thực hành là chính. Học ở trường Cao-đẳng Mỹ-thuật vừa đúng một niên khóa, tôi cho là tạm đủ, nên nghỉ học. Có thể do tự học nên dễ dàng vượt được những khuôn phép gò bó. Về tư tưởng nghệ thuật, tôi ảnh hưởng nhiều ở nền văn hóa, văn học nghệ thuật Việt-nam hơn là Tây-phương. Tuy vậy tôi

cũng rất thích tư tưởng nghệ thuật của Alain, có thể là ông ta gần với Đông-phương.

Không khí huyền bí mà chị nói, chỉ là không khí bầu trời của những giấc mơ, của những cơn mộng mị. Tôi không thích tính chất phũ phàng của cái gọi là hiện thực. Con người trong tranh tôi chỉ là một nhân vật, không còn là một cá nhân có căn cước lý lịch. Nghệ thuật thường có phần gần với thi ca. Nó tạm thoát khỏi cái thực tại để nhìn lại một cuộc sống một cách thư thái và trong sáng hơn.

TK: *Anh đã sống với nhiều thế hệ họa sĩ. Anh lại thường viết phê bình hội họa. Anh thân với giới họa sĩ "trẻ" – tức giới trung niên. Anh nhận định ra sao về họ?*

TT: Câu hỏi của chị gợi lại cho tôi những ngày tháng cũ, cùng sinh hoạt với anh em trong Hội Họa Sĩ Trẻ. Tất cả đều trẻ về tuổi tác mà quan niệm, ý thức của họ cũng rất trẻ, rất mới về phương diện nghệ thuật. Trong bối cảnh của cuộc chiến vừa chấm dứt, miền Nam trong mọi sinh hoạt xã hội chú trọng vào việc hàn gắn lại những đổ vỡ tàn phá. Về sinh hoạt văn học nghệ thuật, các nhà xuất bản, các nhật báo, tạp chí do các nhóm tư nhân chủ trương, những giải thưởng văn học nghệ thuật được tổ chức... Và do sự mở mang giao thương với quốc tế những tác phẩm văn học nghệ thuật của nước ngoài đã giúp cho sự tìm tòi nghiên cứu và phát triển những tài năng mới.

Chân trời văn học nghệ thuật mở rộng đã gây được sự hào hứng, phấn khởi cho người làm văn học nghệ thuật. Ngày nay những tác phẩm văn học nghệ thuật miền Nam nói chung vẫn giữ phần đóng góp quan trọng và không thể thiếu của đất nước.

TK: *Thưa anh, sáng tác trong khung cảnh nước ngoài khác với sáng tác khi ở trong nước ra sao?*

TT: Hoàn cảnh ở nước ngoài có nhiều thuận tiện và cũng có những điều không thuận lợi cho sự sáng tạo.

Như một cái cây, dù ở nơi đất lạ có phân tro màu mỡ tốt hơn song vẫn thiếu bầu trời cũ. Bạn bè cũ, không khí làm việc cũ, mọi thói quen ở đời sống cũ, tất cả đều không còn như cũ. Tưởng điều đó có nhiều

ảnh hưởng đến công việc sáng tác. May ra những người trẻ tuổi dễ tìm cách thích ứng hơn. Riêng với những thân gốc đã được nhào nắn trong bầu trời cũ thì dù cây quít có từ phương Bắc đem trồng sang phương Nam, sự chua ngọt có thể thay đổi, song quít vẫn là quít, không thể thành chanh hay cam. Có lẽ điều quan trọng là giữ được tính chất của quít.

Nhớ lại những người nghệ sĩ cũng đã phải lìa xa xứ sở như Chagall, Dali, Kandinsky, Van Gogh, v.v... Song đất Pháp đối với họ chẳng phải là mảnh đất lạ, cũng bầu trời châu Âu, cũng một nguồn văn hóa Tây-phương. Sự đóng góp tài năng cũng họ cho nền hội họa Tây-phương cũng tự nhiên dễ dàng phù hợp.

TK: *Câu hỏi cuối cùng xin ra ngoài đề: Anh nghĩ sao về tình hình đất nước?*

TT: Thưa chị, câu hỏi chỉ có vẻ ra ngoài đề thôi. Tôi xin trả lời tóm tắt. Nếu tin là tác phẩm văn học nghệ thuật phản ánh cuộc sống thì qua một số tác phẩm trong nước hiện nay cho thấy, chưa có thời kỳ lịch sử nào, kể cả thời phong kiến thực dân, đất nước ta nghèo đói hơn, dân tộc ta lầm than hơn. Từ nửa thế kỷ nay đất nước như một công trình kiến trúc đã bị đào sới tận nền móng. Những bàn cãi thảo luận về dự án xây dựng đã nhiều, song hình như để đi đến sự thực hiện cần có một biến cố thúc đẩy. Biến cố ấy tôi đã nhìn thấy, cũng ở sự phản ánh của một số tác phẩm văn học trong nước. Có thể nhiều người cho là không quan trọng, song ở phương diện khoa học ngày nay, giới khoa học cũng đã nhận ra sự rung động của cánh bướm có thể gây nên một trận cuồng phong.

Về phần tôi, tôi vẫn tin tưởng rằng: Những bức tường xây bằng gạch đá còn sụp đổ thì những công trình lấy xương máu và sự cay đắng nhục nhằn của dân chúng mà xây dựng, sớm muộn cũng phải nhào đổ.

TK: *Xin cảm ơn anh Thái Tuấn.* □

THÁI TUẤN

thưởng ngoạn nghệ thuật

Đứng trước bức tranh, người thưởng ngoạn có hai thái độ: một là họ ưa thích đứng lại ngắm nhìn, hai là họ dửng dưng quay lưng bỏ đi. Cả hai thái độ không thể kết luận là đúng là sai. Người vẽ, vẽ cho mình trước hết và người xem tranh xem cho họ. May mắn ra thì hai giấc mơ gặp gỡ nhau trong bức họa.

Tôi đã được nghe một giai thoại về chuyện xem tranh. Chuyện kể:

Có người đứng trước bức vẽ núi non sông nước, yên lặng say mê, chẳng hay biết gì những lời ồn ào bàn tán chung quanh. Bỗng ông ta kêu lớn: "Giá ta có được chiếc thuyền con để trở lại thăm nơi quê cũ." Gần đấy có vị lão trượng tướng mạo khác thường, tiên phong đạo cốt, từ từ bước lại gần, trên tay cầm một chiếc lá trúc gắn vào bức họa. Người xem tranh chăm chú nhìn vào chiếc lá, bỗng thấy mình đang ngồi trên chiếc thuyền con, cuốn theo sông nước bồng bềnh, nét mặt thay đổi lúc muộn phiền khi vui mừng; hồi lâu sực tỉnh, như vừa đi xa về, quay nhìn người lão trượng cúi đầu mà nói: "Tiên sinh đã giúp tôi trở về thăm lại quê xưa làng cũ. Tôi xin hết lòng đa tạ."

Bức tranh đã cho người thưởng ngoạn đôi phút mong manh vô cùng hạnh phúc. Nghĩ chẳng có tư tưởng nào cao siêu hơn được điều đó.

Màu sắc hình nét trên bức họa, kể đã làm tròn nhiệm vụ; song

phải còn có một cái gì đó, ở ngoài những hình sắc tươi đẹp, ở ngoài những tư tưởng, ở ngoài những tri thức mà chúng ta tàng trữ trong trí óc, như người ta tàng trữ những cuốn sách trong thư viện, như người ta cất giấu những đồng tiền cổ làm của cải. Thu lượm gom góp đã lâu ngày, chữ nghĩa cũng đã từ cuộc sống mà đổi thay ý nghĩa, và những đồng tiền cổ nay chỉ còn là những cổ vật đã hết mọi giá trị mãi lực. Những tri thức từ ngày hôm qua đến hôm nay đã được thay thế bởi những hiểu biết mới hơn. Riêng chỉ có những tình cảm, vẫn trong vòng yêu thương, giận ghét, vui vẻ, hay muộn phiền.

Tất cả những chủ thuyết, trường phái nghệ thuật; tất cả những khám phá về kỹ thuật, những phong cách khác nhau để tạo tác hình thể màu sắc, chẳng qua cũng chỉ là những thử thách dọ dẫm luôn luôn đổi thay và đều lồng trong sở thích của từng cá nhân và thời đại.

Làm thế nào chúng ta có thể đặt ra những giá trị cho nghệ thuật? Hay chúng ta chỉ có thể khám phá ra những giá trị sẵn có ở nghệ thuật?

Và đâu là cái giá trị của mọi giá trị?

Mỗi người đều cảm thấy rõ ràng tình yêu thương con người và sự vật là một điều có thật, không phải là điều bịa đặt. Như làn ánh sáng soi chiếu vào vũ trụ tăm tối này. Không có ánh sáng thì hình thể màu sắc mọi sự vật cũng chẳng thể tồn tại. Và ánh sáng cũng cần đến một hạt bụi mới có thể chiếu rọi. Tác phẩm nghệ thuật cũng chỉ là một hạt bụi trong những hạt bụi, đồng thời cũng là ánh sáng có thể nhìn thấy được. Tra vấn cho đến cùng về công việc của người nghệ sĩ, hắn sẽ trả lời minh bạch: "Tôi làm một công việc thích thú."

Mãi mãi vẫn còn có những đứa bé đuổi theo giấc mộng của mình trên con thuyền giấy trôi theo dòng sông vắng. □

CHÂN PHƯƠNG

meta-happening

bàn ghế
và con người
giữa sa mạc thời gian

lấy con mắt thứ ba
hoặc thứ chín nào
để mà phân biệt?

còn lũ chim sẻ
với bồ câu
túi tít
nhặt
những vụn thức ăn thừa
trên hè phố
nặc danh
chúng ẩn dụ điều chi?
một trăm năm
một triệu năm
các cánh tay chỉ về đâu
trên la bàn gió?

còn lại một mình
trên chiếc xe cứu thương chữ nghĩa
nhà thơ bật lên
tiếng còi hụ
tan
tác
giữa thinh không.

THẾ GIANG

dựng cờ tây và dựng một văn nghiệp

*

Lời tòa soạn: *Sau khi bài* Đối thoại về thịt cầy *của Võ Phiến đăng trên* Văn Học *số 56, tháng 10-1990, tác giả bài viết nhận được lá thư của một người bạn văn từ bên kia Đại-tây-dương. Lá thư là cả một thiên đoản văn hết sức độc đáo, tiết lộ những cảm nghĩ chưa từng gặp trong kho văn học ẩm thực của dân tộc, và cũng tiết lộ tâm sự một khởi đầu văn nghiệp rất bất ngờ.*

Văn Học *may mắn được phép trích đăng đoạn thư sau đây.*

*

...

Đặt chân vào một đại tửu lầu, thấy các vương tôn công tử, thấy các mệnh phụ, phu nhân, thấy quần áo, đồ trang sức, các loại rượu, các món sơn hào hải vị, các loại bồi, thấy cung cách cầm dao cầm nĩa, đưa lên miệng, nhai, gật gù, tán thưởng... mình dễ khớp. Phải thừa nhận ngay rằng đó là những con người lọc lõi, gánh vác nhiệm vụ ăn, hưởng cho 99 phần trăm nhân loại. Nhưng bảo trỏ giùm cho thấy một người sành ăn trong đám đó, thì hơi khó. Mình sẽ tốn kha khá thời giờ, tâm lực quan sát, đãi lọc.

Tấp xe đạp vào một quán thịt cầy ngoài lề đường, rút súng bắn bậy một phát, không nhìn ngắm, chọn lựa, là trúng ngay một vị đặc sứ Ngọc hoàng phái xuống trần để sưu tầm của ngon vật lạ về báo cáo. Dân thịt cầy hết thảy đều sành ăn, anh ạ. Trải đủ các thứ thịt, kiểu nấu, bã miệng, cuối cùng cái lưỡi dừng bước giang hồ, khăn đóng áo dài, ôm quả đến hỏi cưới thịt cầy.

Đối với con vật, người ta đều có một kiểu nhìn. Con cá đang bơi, con chim đang bay, con gà đang chạy, một cú vồ của con cọp... hết thảy những cái nhìn đó đều chỉ là hình tượng gợi cảm, cho người ta thăng hoa khỏi cái bình nhật.

Mực, vàng, khoang, vằn vện... Nhất nhị tam tứ ngũ lục, dừng tay cày, ngẩng đầu nhìn về lũy tre làng um khói lam, vừa thoát trận bom B52, trời xanh chiêu chưa hết ngụm khói súng, la đà đưa mắt quanh bình địa, nghe "oáu!" một tiếng sủa là ngẩng đầu dớn dác... Hay buổi chiều ngồi trên chiếc chõng tre ở đầu hè, nhìn con đê uốn mình vươn tới cửa trời... Tất cả những cái nhìn dớn dác, xa xăm, thăm thẳm, diệu vợi đó đều kết tủa ở miếng... dồi chó!

Mê man, mơn trớn, ve vuốt, tình tự với thiên nhiên, với cuộc sống, hay bị dẫy ào vào cuộc mất còn, thấy chân lý, vũ trụ, òa vỡ trong nháy mắt... đó là nhiệm vụ của não bộ. Nhen nhúm, khắc khoải, âm thầm, bao tử nó cũng lẽo đẽo theo sau, lên đến cực điểm phấn khích, não bộ vỡ ục, thăng hoa lên chữ "Ngộ", thì bao tử chụp lấy con cầy.

Con cầy chứ không thể tô phở tái béo, con gà, con vịt...

Tội con cầy quá!

Tội cho nó từ cái nhìn. Cái nhìn nào của con người hướng tới nó (dù kèm theo cái xoa đầu, vuốt ve) cũng là của thần chết. Sinh ra để chết, là trật tự Đấng Tối Cao ban cho các loài vật khi đặt chúng bên cạnh con người. Nhưng với tất cả các con vật, không phải luôn luôn người ta nhìn với con mắt làm thịt. Chỉ khi nào đến bữa ăn, hay chuẩn bị cho buổi chợ, người ta mới có cái nhìn lột da, đánh vẩy, cắt cổ, mổ bụng chúng. Với con cầy, đang thơ thẩn dạo chơi trên đường làng, vừa bật ra câu phú hay, vỗ đùi đánh đét một cái, thậm chí, đang ngồi trên sập gụ mâm cao cỗ đầy, cơm no rượu say, vừa nhác bóng nó, cái nhìn đã muốn sinh sự rồi.

Con cầy là miếng thịt trong tiềm thức. Người Việt-nam ta nhìn nó với đầy đủ bản tính của con người: không đói cũng ăn, không bí cũng... Vào buổi chợ phiên ngoài Bắc, dạo một vòng, nhìn những cái nhìn của người ta xuống các con vật, thấy cũng khác nhau. Gà, cá, vịt, dê, lợn, người ta nhìn đại khái, khoát tay, mua sỉ, cùng lắm thì dừng mắt ở cặp chân (cồ hay ri, đen hay vàng), sờ vào cái lườn... Rồi xong!

Đến cũi chó, khách nhìn không bao giờ bất cẩn, buông tuồng, kẻ

cả, sàm sỡ. Lại gần, nhìn cho rõ nguyệt tỏ hoa, xong, người ta lùi ra xa, nheo mắt, ước lượng...

Cái nhìn vận dụng đến trí tuệ rồi. Với các con thịt khác, người ta chỉ dùng trực giác. Trực giác thôi, đủ rồi. Thỉnh một con cầy, ít khi người ta quyết định một mình, thường là hai ba người; họ lại gần, lùi ra xa, ngó nghiêng, chụm đầu, chỉ trỏ, rồi lấy ý kiến của tập thể... Cái nhìn tậu trâu, lựa thế đất cất nhà, hay đặt mộ.

Mua chó khó một, mua cầy khó ba. Ngoài chuyện đực cái, vàng khoang mực, răng sữa hay đã vàng khè, còn vụ gốc gác, lý lịch hai ba đời nữa. Miếng luộc ngọt bùi, đậm đà, dày dặn, mềm, thường không có ở giống chó cẳng cao. Chân thấp, bàn chân dày dặn, mõm ngắn, vuông, chưa chắc ăn, còn phải cười một cái làm thân, lại gần xin ông chủ chó một điếu thuốc lào, ngồi xuống thăm hỏi xem ông quê quán ở đâu. Ông khai Bắc-ninh, Vân-đình, Đình-bảng, Bát-tràng, hay Bình-đà thì gieo tiền ngay. Ở những vùng đó đất đai ít, dân đông, nhà cửa san sát, và sống nhờ bằng nghề thủ công... Những yếu tố đó cộng lại thì ra... nhiều trộm. Trộm nhiều thì phải xích chó trong nhà. Bực mình một gã trai rạc rài, vô dụng, người dân quê thường chửi "Đồ chó đ...!" Con chó miền trung du thường chạy ba bốn quả đồi mới tới chốn trao gương trao lược, từ lúc sinh ra cho tới lúc... đủ cân vừa mắt, ong bướm chỉ đôi ba dịp, tội nhiều lắm là cẳng dài nhạt thịt. Nhưng vớ phải chàng Đông-gioăng tuột xích, tung hoành giữa chốn chị em thì... trời, nỗi cực không sao kể xiết!

Các nhà dinh dưỡng, sinh lý học ngoài Bắc sau bao nghiên cứu, tìm tòi, rồi thất bại, đã đi đến kết luận: Giống vật nào (kể cả...) có một đời sống ái ân nhiều thường gầy ốm đã đành, mà lạng được miếng nào thì vừa hôi vừa chua vừa dai. Nó chua nó dai, dù còn trẻ là bởi lượng a-xít trong thịt nhiều.

Đấy, thỉnh một con cầy cũng khó như tuyển lựa cung phi; hay nói theo lối mới hôm nay, khó như điều tra lý lịch để kết nạp quần chúng vào đảng.

Chuyện hên xui may rủi như đánh bạc. Kỹ như các bà còn trao thân lầm tướng cướp, kêu váng trời.

Khi "chấm" một con cầy, người ta vẽ vời, hồi hộp, lo lắng bao nhiêu, thì lúc "hạ" nó lại đơn giản bấy nhiêu. Ngoài Bắc, "vẽ" nhiều lắm là năm món: chả, rựa mận (nói ngọng thành "dựa"), sáo măng, cộng thêm một món linh tinh tùy sở thích riêng của mỗi làng, và luộc. Luộc thôi. Đỉnh cao văn hóa ăn của người Việt là luộc. Con gà ngon ở miếng luộc. Con cá to, ngon, béo, chỉ nghĩ đến luộc. Con vịt luộc, heo luộc, bò bê chấm tương gừng cũng là luộc. Luộc là cách nấu giữ nguyên bản chất của miếng ngon, nếu đúng đó là miếng ngon. Rẽ ra các món khác là xa rời lý tưởng, là bó thân theo hoàn cảnh. Gà vịt ngan ngỗng kho thường đập gừng cho thật nhiều. Khởi thủy những món kho có gừng chẳng qua là bài thuốc cứu vớt con gà rây (toi), con vịt con ngan rây, quen miệng, nó thành cách ăn, người ta kho luôn cả miếng lành.

Trong thiết trí của mâm thịt cầy, rựa mận, chả, sáo làm cho vui mắt, cho tròn bố cục, cốt để giải quyết phần không luộc được, và cũng chỉ để dỗ dành phụ nữ trẻ em, những người trẻ mới tập sự mon men gia nhập đạo. Với dân thịt cầy đã khoác áo, xuống tóc, gọi tới những món đó là lúc người ta đã xả xong nỗi năm canh trằn trọc, nghỉ mệt, khều khều mấy món ăn chơi...

Em đã dừng chân ở nhiều quán thịt cầy, suốt từ Bắc xuống tới Nam, thấy nhiều cách nướng rựa mận, thuôn dồi, sáo, xào lăn, khìa, chả đùm, khác nhau; duy có miếng luộc là giống nhau. Từ lúc đứng ngoài cửa thoạt nhìn vào cho đến lúc ngồi xuống bàn, ăn, rồi nhìn ra, vẫn thấy giống. Ở đâu miếng luộc cũng có vị thế vương bá, treo ngay trước cửa, chỗ đập vào mắt, làm lu mờ bảng hiệu và thay cho bảng hiệu. Đèn đóm nếu có, cũng chỉ chiếu vào, tôn xưng da thơm thịt béo của nó. Cầy trong mọi quán giống nhau cả cách treo. Bao giờ cũng vậy, nửa thân sau con chó chúc đầu xuống, hai đùi banh ra, ở giữa, phất lên cái đuôi, làm cờ... Cờ Tây!

Quán thịt cầy nào cũng trật tự, cửa quyền. Trật tự, cửa quyền bất thành văn. Một thứ âm luật. Đứng trước ông chủ quán, đừng có ồn ào,

chỉ trỏ, "Cho miếng này! Chặt miếng kia... ", nên từ tốn, nói bằng mắt, và bằng những cái nuốt ực. Tất cả là hên xui, là định mệnh, là khéo căn giờ lúc ra khỏi nhà. Bất kể khách là ai, cứ theo thứ tự, ông chủ sẽ chặt dần từ giữa lưng, lên đến bẹn, rồi đùi. Qua khỏi khoảng đùi, đến phần mông, anh sẽ thấy đường dao ông chủ xoay tròn, né tránh. Ông tránh cái chỗ "đó", chỗ chôn cột cờ!

Chỗ chôn cột cờ, vùng đau thương của nhân loại, tiếng Bắc gọi là "miếng nầm", miền Nam chưa chọn đất lập cung, chưa lấy hiệu, vẫn chỉ xoàng xĩnh Nguyễn thị, Nguyễn văn... gọi cái phần đuôi như gà vịt.

Không trọng vọng đặt tên húy như Bắc, song, các ông chủ quán ở Nam vẫn cất riêng nàng thiếp yêu đó cho mình, đợi lúc đóng cửa quán, đêm về, dở chiếc quạt giấy tâm sự với chị Hồ Xuân Hương.

*

Người ta mở quán thịt cầy trước hết là để bán cho mình, rồi mới tới tri âm, thiên hạ. Lý do mưu sinh ít lắm. Làm giàu lại càng không.

Buôn thúng bán bưng ít gói xôi, một nồi bún, không nói làm gì; mở một quán ăn, ngoài vốn liếng, tài nấu, nó còn đòi hỏi người ta lòng tự tin, can đảm, dám đương đầu với thiên hạ. Từ cọng rau, con gà vỗ cánh bay từ đất, đến tay mình, phải biến nó thành miếng ngon đưa lên miệng người – lao động từ đất tới ngọn – mà ngon vượt lên cái bình nhật cơm nhà thôi, chưa đủ, còn phải khác thiên hạ, còn phải lạ hơn "thằng bên cạnh" nữa. Mỗi ông chủ quán thành công là một nghệ sĩ. Nghệ sĩ ở nghĩa tổng hợp. Nếu không ông chỉ đi dẹt vài bài thơ, ít truyện ngắn, "người ca bản *Đêm tàn bến Ngự* hất sẩy", rồi trói vợ con vào chiếc xe bò dão, vừa sửa vừa đẩy, vừa ngóng khách, đi cho tới tuổi già của cái quán ế.

Liều. Làm khổ vợ con không kém gì quyết định dấn thân vào nghề viết. Liều nhất, đỏ đen bạt mạng nhất là mấy ông chủ quán thịt cầy. Bán mì, bán phở, bán cháo lòng, người ta chỉ cần tài năng, vốn liếng, rồi lấy số cư dân chia cho 20 là ra số bán mỗi ngày. Còn ông đi qua bà đi lại... Thịt cầy không có khách vãng lai. Tửu đồ nào đã vứt được cái áo thể diện, phơi trần trước cửa quán, đôi lúc còn tần ngần, quay gót.

Đang gặp hên mà dính vào thịt cầy là... Từ mùng một đến ngày rằm, tốt nhất nên tránh. Khách khứa như âm binh, làm sao nhắm mắt ước lượng được?

Một ngày đẹp trời nào đó, đứng xoa cằm trước cửa nhà, nhìn hai mặt phố quen thuộc, bỗng đâu thấy nhú ra một quán thịt cầy.

Không! Thịt cầy không xuất hiện một cách hiền lành như tiệm sách, quán cà phê, sạp bánh cuốn. Chủ nhân của nó không phải là những ông công chức đến tuổi về hưu, hoặc những nhà làm ăn cần kiệm nghiêm chỉnh. Nó thường đi sau một biến cố, có mây đen kéo ùn ùn, có hàng đàn cào cào châu chấu hoảng loạn bay đi... Thoạt tiên, là một người hàng xóm hiền lành, quen thuộc nào đó làm ăn thua lỗ, phải bán nhà, hoặc ông chủ gia đình ngã bệnh, chết, con cái cần chia nhau gia sản. Rồi bắt đầu tới những cái nhìn thầm lén từ cửa sổ những căn đối diện, những lời xì xào của các bà hàng xóm gặp nhau ở hàng quà, ngoài chợ hoặc đứng ở hàng rào hỏi xin nhau quả ớt, trái chanh, "Này bà, cái nhà mới dọn tới có vẻ lầm lì khó hiểu làm sao ấy nhỉa?" "Cái bà đó tôi nghi là vợ bé của lão ta. Ăn nói với lũ con mà rời rạc nguội lạnh như cơm nguội cuốn rau diếp." "Ấy, cái đám trẻ cũng lầm lì, mặt rán sành ra mỡ. Tôi chưa thấy chúng chào hỏi ai lấy được một tiếng." "Tôi nghi thằng cha buôn thuốc phiện lậu quá. Con mắt lúc nào cũng quỳn quịt nhìn xuống, cửa ngả thì đóng im ỉm." "Đừng có cho lũ trẻ chơi với con nhà đó, không lường trước được đâu."

Thế rồi đùng một cái, trước bao nhiêu con mắt hồi hộp, nghi ngại, lo âu, thịt cầy khai trương. Lừ lừ khai trương, không kèn trống, mời chào, pháo nổ. Đám hàng xóm hiền lành ngoan đạo rụng rời tay chân, co rúm lại với nhau, thì thào, khiếp hãi. Mỹ quan của khu phố bị sút giảm. Tiết hạnh của căn kế bị xâm phạm. Hàng rào vội vã mọc lên. Đang chung màu vôi ngoài mặt tiền, người ta né mình, sơn ngay nước sơn khác, tách bạch với thịt cầy. Sâu vào trong, cửa sổ bít lại; cái hàng rào xuề xòa, lân la, chốn xưa qua lại của mẩu gừng, trái chanh, quả ớt, bỗng bày tỏ lập trường, phân biệt rõ ràng bạn – thù, ta – địch. Tận cùng, thăm thẳm, là thứ rào mắt không nhìn, tai không nghe, mũi không ngửi. Thái độ gặp ngoài đường, chỉ dàn ông với nhau, mới gật

đầu một cái nhẹ. Chào bằng cổ. Chào mà không hỏi, mất lảng xa thịt cầy. Thèm, cách nhà năm ba dặm, ông đi quán khác.

Đau lắm. Tai họa trời gieo. Thịt cầy giáng trần nằm bên cạnh giết mất nửa giá cái nhà của ông, giờ lại thêm giao du?

Thịt cầy bị hất hủi.

Ở những nơi cuộc sống đã định vị, chen chân vào là phá hoại gia cang, là sàm sỡ tiết hạnh, muốn sống bằng mặt, đúng với phẩm giá, thịt cầy nên lập nghiệp ở xóm nhà lá, nên về lại với "chị em ta".

Nói đến xóm nhà lá với chị em ta... ờ, tức nói đến nguồn gốc văn minh nhân loại. Có cung điện nguy nga, đô thị sầm uất nào bỗng "ứng mệnh trời" sừng sững mọc lên từ giữa rừng sâu, hay lềnh bềnh chạy lụt chốn đầm lầy? Phải có những xóm nhà lá mở đường, xe đất chuyển cát, chết đi sống lại với thiên tai, lấy chính xác mình bồi đắp mới có nền đất vững ngày hôm nay.

Nhân loại ưa phiêu lưu. Trong ký ức của họ, mới mẻ nhất, nóng hổi, hào hùng, khốc liệt nhất, có lẽ là cuộc viễn chinh về phía Tây nước Mỹ. "Mười thằng chết bảy còn ba, chết hai còn một mới ra..." Những thằng đàn ông cô đơn, cùng mạt, chân tay rã rời, lăn mắt trên cát nóng đi tìm vàng, sống sót tới đích được là nhờ bàn tay săn sóc của... chị em ta. Hồi đó chắc chưa có nhà thương, viện tế bần với hội chữ thập đỏ quốc tế; tìm vàng ai mà bầu đàn thê tử, hay cặp nách em út theo? Chị em ta làm tất. Làm chị, làm em, làm mẹ, làm vợ... Tất cả những gì gã trai bỏ lại ở quê nhà. Lần theo vết chân, đế giày, gấu váy của họ vùi trong cát, không ít những nhà tiên phong truyền đạo đã ngẩn ngơ nhìn, lẫn lộn đường lên trời với đường xuống hỏa ngục.

Để rồi...

Văn minh thường mắc bệnh hay quên, nên sống bạc. Người ta đã dựng rất nhiều tượng, viện bảo tàng, đặt tên nhiều thành phố, thị trấn, ghi nhớ công ơn những người khai phá, nhưng tuyệt không thấy một lời ngỏ nào với chị em ta.

Có những thuở, của xa xưa, của hôm qua, rất gần, của hôm nay, ngày mai... thuở của những phát sinh, hồi sinh, thịt cầy lúc nào cũng

đóng góp nhiều công trạng. Ngày xưa thì bão lụt, động đất, hỏa hoạn (Trời đánh), hôm qua thì bom đạn (Người đánh). Cứ mỗi lần sự sống bị san phẳng, rồi le lói phát sinh trở lại, nó trở lại bằng... thịt cầy!

Trong chiến tranh, vùng khu 4 cũ (Thanh-hóa đổ vào tới Quảng-bình) là một túi bom. Bom 24/24, 30/30, 365/365; Bốn trăm kilô-mét dọc theo quốc lộ 1 là bình địa; bốn trăm kilô-mét không tiếng chó sủa, gà gáy; bốn trăm kilô-mét không một nụ hoa đậu trái.

Ấy thế mà...

Vừa nghe tin sẽ có cuộc ngưng ném bom, sự sống đã thò đầu ra. Thoạt tiên là lảng vảng, thăm dò, ở một thúng xôi, gánh phở. Mon men theo sau, rồi một quán nước chè xanh. Có lửa, có ăn nóng, có xì xụp, loạp xoạp, có khề khà tâm sự... Sống rồi nhé! Chưa chắc.

Ăn, vẫn ngồi xổm, nhấp nhổm, tai hươ lên bắt tiếng ruồi bay, mắt vẫn đáo dác tìm một chỗ nấp; nói, vẫn lạng quạng, lạc thần ở trận bom đêm hôm trước, nói mà mắt không đậu lên mắt, âm-dương không la liếm sờ soạng vuốt ve nhau. Tô phở thiếu chiếc muỗng, bát nước không ghế ngồi, mắt trai không nhận ra thân gái... Nghe "ục" một tiếng mìn phá núi làm đường là vỡ tóe ra năm ngả.

Cái dạ dày ấm.

Sự sống vẫn lạc thần.

Sự sống chưa định hình.

Khoác ba lô đi tiếp. *Đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất* thì dụng phải cái đuôi con cầy treo ngược. Nó đó. Sự sống đó. Vứt cái bịch ba lô xuống đất, đặt tay lên ngực, lặng nhìn. Người ta nhớ lại tên, tuổi, vượt dãy Trường-sơn ngày nào. Có người khấn vái. Quay mặt vào Nam khấn, quay mặt ra Bắc vái, ngửa cổ lên trời tế. Khấn, vái, tế, lễ đủ bốn phương, người ta hét:

– Thịt cầy chúng mày ơi!

– Sống rồi!

– Thịt cầy! Thịt cầy! Thịt!

Vỡ ra hai tiếng đó thôi, đủ rồi. Tín hiệu sống, thường ngắn gọn. "Sống ở đời ăn..." với "Xuống tuyền đài biết..." là lúc đã no cơm ấm

cật. Thịt cầy trầm lặng. Nó trầm lặng bày bàn đèn: sáo, nướng, luộc, rựa mận... bao giờ cũng đĩnh đạc, đầy đủ. Đĩnh đạc, đầy đủ như từ ngàn xưa heo hút, thuở khai sinh trong thanh bình.

Máy bay bay trên đầu: Ruồi bay.

Bom nổ dưới đất: Chó sủa.

– Chú ngồi bàn hay hầm?

Đúng máu cầy thì ngồi bàn. Non gan thì cô con gái chủ quán dắt ra hầm. Hầm đào theo hình chữ A, nửa chìm dưới đất, nửa nổi, để chống bom bi, có rơm trải ổ, đủ cho một cỗ sáu người. Khang trang thế, song người ta vẫn ngồi bàn. Người biết sống là người biết coi thường cái chết. Ngồi trước mâm thịt cầy mà còn sợ thì... Dân thịt cầy hết sợ dã đành, người mới lần đầu nếm thử cũng không chui hầm. Họ như nép vào thịt cầy để tìm sự che chở. Thịt cầy trấn an họ. Cô đơn, hay giữa đám đông hoảng loạn, người ta dễ hoảng loạn: đồng đội, đồng loại đang đánh chén, sự sống đang sinh hoạt thế kia thì sợ gì?

Thịt cầy không biết sợ. Bom vừa rơi trở lại, đất vừa nổi lửa đi sơ một mẻ nướng, bún, bánh, cơm, phở, hàng cháo, hàng trà bay hết, còn trơ lại thịt cầy. Một mình thịt cầy tử thủ. Nó đứng, như chiếc đinh đóng xuyên qua da thịt, ngập vào đến xương, mặc cho gió bão, mảnh bom, tiếng nổ bay qua đầu.

Năm 1972, trong chuyến đi từ Hà-tĩnh trở ra (mò vào tận cái xóm ở ngày xưa của cụ Nguyễn Du) em với ông già em bị đụng bom. Ba chiếc xe tải (bọn em đi nhờ) bị cháy hết. Hơn chục người, vừa tài xế, vừa nữ thanh niên xung phong làm đường chết và bị thương. Cha con em thoát chết thật tình cờ (cho đến giờ phút này em vẫn chưa hiểu nhờ đâu), xông vào mọi dất, cõng chạy (sợ xăng nổ) những người bị thương, xé áo, xé quần cột máu cho họ. Xong việc, hết những gì có thể làm, cha con em ngồi gục xuống đất. Mới ít phút trước còn hầm hập những tâm sự, còn bóc chuyền tay nhau quả cam, còn lục đáy ba lô tìm viên kẹo để dành từ thuở giã biệt thôn xóm, đi mở đường Trường-sơn, dúi cho người Hà-nội, giờ nằm la liệt, kẻ chết thì co quắp, cháy đen

thui, người còn sống nhuộm đỏ máu, sức ép của bom bóc hết quần áo, trần truồng phơi thân...

Hồi đó em mười lăm, lần đầu biết đến những rạo rực đụng chạm của trai gái, và cũng lần đầu nhìn thấy những chỗ kín trên thân thể người khác phái... Nó lõa lồ, đâm, rạch, dị dạng, chan hòa máu. Em bị "vỡ trinh" từ bữa đó. (Nói theo kiểu ông V.P.) Cảm giác đau đớn theo em mãi, cho đến lúc lấy vợ, mỗi lần tơ tưởng tới chuyện nếm trái táo Trường Thọ. Em không mặc cảm về sự thánh thiện, cũng không thui chột thiến hoạn sau cú đó, mà bởi trong phút chốc, tất cả những cái đẹp khắc khoải, thăm thẳm của sự sống bị lột truồng đến bi thương. Nó đập vỡ, thức tỉnh vùng tôn giáo trong não bộ, đúc nên tượng trong đầu em. Người Ấn-độ thờ những bộ phận đó. Em không mê tín, mà thiêng liêng, sống, thực, tràn đầy cảm giác. Cảm giác xót xa.

Cha con em lầm lì, cáu bẳn, cộc cằn, suốt gần trăm cây số đi bộ. Nửa đêm, tới Ngã ba Đồng-lộc, đâm thẳng thì ra Bắc, sau lưng là Nam, ngửa mặt lên phía trái: Cổng Trời!

Cổng Trời là tên đặt cho những kilô-mét đầu tiên tách khỏi quốc lộ 1, lên phía Tây, đi vào dãy Trường-sơn. Chiếc cổng mở, dẫn vào Vạn Lý Trường Thành của lịch sử hiện đại. Nhiều triệu trai tráng Bắc đã dừng bước ở đây, thốt ra hai tiếng "Cổng Trời!", chui vào nó, rồi không bao giờ trở ra. Lúc cha con em tới, Cổng Trời không còn hình thù của một con đường, nó là hòn núi khổng lồ bị lột da đầu. Đường lột đi từ gáy, chừa ra một bên thái dương, lên tới đỉnh, xóa nhòa ranh giới Trời – Đất trong sắc bạc của Trăng. Đây không còn là trọng điểm oanh kích của máy bay Mỹ nữa, nó đã thành "bãi rác bom". Từ hạm đội 7 cất cánh lên, từ U-ta-pao bên Thái bay qua, đi đánh bất cứ mục tiêu nào (Hà-nội, Hải-phòng, Yên-bái, Lào kay, v.v...) quay đúng một vòng com-pa, về ngang đây, nó trút hết số bom xài chưa hết để hạ cánh cho an toàn.

Đứng ngắm một lúc, không nói mà hiểu, cha con em cùng cất bước lấy cao độ. Đi một đỗi thấy run. Càng đi càng rét. Rét khắc khoải, kỳ lạ, từ cột sống tỏa ra. Nhìn trái nhìn phải, con đường trải ngang, nếu không bị những vách đứng cắt gọt, dễ lẫn với chiều dài. Ông già nói

đùa, "Thằng Mỹ tốt bụng, mở thêm cho cả trăm lần rộng." Em nói, "Sợ!" Ông già cười. Đi một đỗi nữa, thấy mất cảm giác trọng lực, thời gian tính. Độ dài thì không có gì để làm mốc. Em dừng lại. Ông già chửi, "Mẹ mày! Leo núi đừng có nhìn xuống vực." Em ngồi phịch xuống đất. Ngồi tênh hênh, lõa lồ, xung quanh không một ngọn cỏ, một sinh vật. Mênh mông, thăm thẳm, là sự im lặng. Nhìn, hóng đến lạnh cả tai, hoang cả mắt cũng không thấy gì. "Bố con mình lên sao Hỏa chắc?" Ông già ngẫm nghĩ. "Tao thấy như đi trên tấm gương khổng lồ. Mày nhìn kìa." Ông già trỏ mặt trăng. "Cái kính lúp nó soi xuống hai người. Mẹ kiếp, nó mà tới thì có chạy đằng trời." Em teo hết cả người. Hố bom đè lên hố bom; sâu đấy, mà như cái đầm cạn, tôm cá nằm phơi lưng. Không một hõm tối để nấp. Nhìn xuống chân núi: cả một miền đất bằng, hố bom rải đều như rắc vừng, loang loáng phản nước chiếu với ánh trăng. "Sao Kim chứ không phải sao Hỏa." Ông già sửa lại. Em nói, "Sợ." "Tao cũng đái ra quần tới nơi. Xuống!"

Hai cha con chuồn. Bỏ chạy thì đúng hơn, chạy tuột dốc, tuột tăng-xông, nếu có tuột quần chắc cũng không thắng lại để mà kéo. Xuống tới ngã ba, gặp lại mấy cái khung xe tải cháy phơi xương sườn, thấy mừng, bèn tấp lại, ngồi nghỉ. "Mày khỏe thế!" Ông già thở. "Bố cũng 46 rồi." Ông già cười. Cười câm tiếng, miệng ngoác như con trâu nước, mắt se lại thành hai sợi chỉ. Đang mở ở nấc cuối của khẩu độ, nụ cười méo đi, mặt ngẩn ra, nhìn. Hai con mắt leo dây, ở dưới là vực thẳm, hồi hộp, run rẩy, lần tới đích. Người chết. Em rùng mình, tưởng như có cây nước đá khổng lồ đứng sau lưng, chực ngã đổ lên người. Bám lấy sườn xe lật nghiêng, trong tư thế nửa đứng nửa quì, ông già lẩm nhẩm đánh vần; khó khăn, nặng nhọc, như ngư phủ lớn tuổi đọc kinh. Lại một trò chơi của tính khí bất thường (?) Em trườn người khỏi chỗ nấp. Một tấm bảng gỗ cưa theo hình mũi tên, cột vào giống xe, bằng dây thép:

"Thịt chó 300 km"

Bảng chỉ về hướng Bắc.

Ma quỉ chọc ghẹo?

Ông già lấy cái bật lửa trong túi, bật; bật hai ba lần mới cháy, khum tay che gió, đưa lên soi.

Thịt cầy, anh ạ!

Lửa đỏ thui trụi lông ánh trăng, hiển lộng thịt cầy. Ông già dấp nước bọt vào đầu ngón tay, chấm chấm lên hàng chữ, lẩm nhẩm gật đầu. Mực viết bằng nhọ nồi quện mỡ. Đúng nó rồi. Ông già đứng dậy, nhìn lên Cổng Trời, nhìn loang ra cánh đồng bom, rồi đi vòng quanh cái xác xe. Đã nhiều người dừng bước ở đây, trước nó, nghi hoặc, kiểm nghiệm, rồi la lên: họ ký tên, đề ngày tháng, bằng đủ các thứ mực, kể cả mũi lưỡi lê, dao găm rạch vào khung sắt rỉ.

Bữa đó cha con em ăn hụt thịt cầy.

Bảng đó, quán đó, do tay người dựng lên, nhưng bom Mỹ xóa mất. Ba trăm kilô-mét hồi hộp, nôn ruột tìm đến, chỉ để nghe huyền thoại về "Quán Ngã ba Đồng-lộc". Ông chủ quán vừa làm ma cho vợ con được một tháng. Ông đã đứng, suốt bốn năm nhiệm kỳ của tổng thống Johnson, đến Nixon thì bay. Ông đã bay, trước đó một giờ, vì đạn pháo ngoài biển bắn vào, trên đường đi mua chó. Lần này thì bom. Một đoàn hơn chục chiếc xe chạy từ Nam ra, gặp thịt cầy, thấy sống lại, hò reo tấp vào. Họ đậu xe bừa bãi, lộ thiên, một bầy; ương ngạnh thách đố thần chết. Thần chết đón họ trong lúc đang chất ngất trên ngọn đỉnh trời với rượu và thịt cầy. Cháy sạch, không còn lấy một chiếc. Quán đào hầm ếch, chui vào lòng đồi, vùi luôn. Giữa đêm trăng, loang loáng nước phản chiếu từ ức triệu hố bom, pháo, đoàn xe chết, châu đầu vào nhau như bầy dã thú, chết trong cuộc xung đột giữa các hành tinh. Le lói, hoang vu, lướt trên mặt nước hố bom trồi sụt, gió thổi về hướng chó sủa. Tiếng sủa như dậy từ muôn tầng cái chết, mát lạnh, thấm đẫm vào tủy sống, nở ra từng mảng da gà. Cứng bóng vía, yếu bóng vía, yêu đời, chán đời... vô nghĩa hết. Sự sống hiện diện như đặc phái viên của thần chết. Cha con em chứng kiến cái chết của vũ trụ, anh ạ.

Không còn lưỡng lự, cân nhắc, được hay thua, hay hay dở, em quyết định sẽ viết, sau chuyến đi đó. Quyết định rồi, dù chưa có sự

nghiệp, chưa cuốn sách, chưa cả một dòng khởi đầu, tẩy xóa, em đã sống với cảm giác của một nhà văn!!!

Thế đấy, nghiệp văn của em khởi đầu bằng... lẽo đẽo theo sau cái đuôi chó, thay vì mái tóc hay tà áo dài. □

PHAN NI TẤN (N.D.)

cửa ngục

Mở ra cửa ngục âm u
Mười lăm năm lẻ đóng từ mùa Xuân
Lòng quen buồn đến thân tàn
Riêng lồng ngực vẫn nở nang mối thù

không tắt

Nhớ hoài cảnh cháy lan xa
Tháng tư cháy ở ngã ba chợ đời
Tôi xa đất nước lâu rồi
Mà sao khói lửa vẫn ngui ngút hồn

miếng trăng, hột bụi và người

Miếng trăng xuyên kẽ lá cây
Rụng vàng như dúi vào tay bùi ngùi
Bay theo gió thổi lên trời
Dính tôi hột bụi có mùi máu xương

Nhớ như in giữa lòng đường
Người nằm chết với nỗi buồn cong queo
Phai hương máu chảy eo sèo
Làm dơ miếng bụi dính theo máu người

JOHN BROADUS
THANH HƯƠNG dịch

cát bụi

*

"What a piece of work is man, how noble in reason, how infinite in faculty, in form and moving how express and admirable, in action how like an angel, in apprehension how like a god. The beauty of the world. The paragon of animals, and yet, to me, what is this quintessence of dust?" - William Shakespeare, "Hamlet" Act II, Scene II.

Trời bắt đầu mưa. Manolo ngồi bên cửa kính toa tầu hạng nhất, nhìn ra ngoài. Chuyến này anh về thăm quê cũ. Anh bỏ tỉnh cũ ra đi hồi mới mười tám tuổi, hành lý vẻn vẹn có bộ quần áo đang mặc trên mình. Bây giờ mười năm sau áo gấm về làng, anh đã trở thành một người giầu có và nổi danh.

Hạt mưa to như trứng sáo đập lộp bộp vào kính cửa. Bên ngoài, mưa rơi trên ga, làm xi-măng đổi từ mầu kem ra mầu xám ngoẹt, và mấy khách bộ hành chạy vội lên tầu, đưa tờ báo lên đầu che mưa. Mấy người đi tiễn núp dưới hiên đứng nhìn theo. Không có lấy một cây dù, rõ ràng là cơn mưa đầu mùa đến bất ngờ. Con người thật mau quên, cơn mưa đầu mùa nào cũng không nhớ mà phòng bị.

Ngồi trong toa tầu sang trọng êm ấm, Manolo mỉm cười ngắm thiên hạ chạy mưa. Anh nhủ thầm: "mưa có thế mà cũng cuống cả lên". Anh khoan khoái vuốt tay áo bằng lụa mềm đắt tiền của mình.

Con tầu bỗng nhả thắng chồm nhẹ tới trước, rồi từ từ chuyển bánh. Khói đen từ đầu máy bốc lên không trung lẫn vào cơn mưa, và con tầu rời khỏi ga.

Manolo nhặt tờ báo hàng ngày lên đọc. Hôm nay là 11 tháng bẩy 1932, và mọi chuyện tốt lành trên thế giới. Nhưng anh không bận tâm đến tin tức thế giới... Anh chỉ bận tâm đến mục đấu bò với cả trang về trận đấu hôm qua, khi trận đầu, anh được thưởng cả đôi tai lẫn đuôi bò, một phần thưởng vô cùng lớn cho nghề. Trận thứ hai, anh được

thưởng tai, đuôi lại thêm một vó bò. Phóng viên thể thao hết lời khen ngợi anh.

Nghĩ đến chuyện lão bầu tất nhiên đã mua chuộc báo chí, Manolo nhún vai, thấy không còn bận tâm đến dám ký giả thể thao nữa. Manolo biết mình, và khi nào anh xuất sắc anh biết. Phần còn lại là vấn đề thương mại. Kể cả việc ký giả thể thao khen hay chê. Manolo tự đứng trên tất cả những tiểu tiết ấy. Anh đấu bò, và nghề đấu bò trong sạch, nghề của máu nóng và lòng dũng cảm. Manolo gấp tờ báo lại để sang bên.

Anh nhìn qua cửa sổ. Mưa nặng hạt hơn, và nước chẩy trên kính cửa như những dòng suối nhỏ, làm hình tượng quang cảnh méo mó như phản chiếu từ một tấm gương cong nơi hội chợ. Có tiếng gõ cửa toa. Người xa trưởng hỏi thăm Manolo có cần gì không? "Không, cảm ơn" Manolo trả lời, và cửa toa lại đóng lại. Tiếng bánh xe nghiến đường rầy, và nhịp con tầu lắc lư đều đặn như dỗ Manolo vào giấc ngủ. Manolo nghĩ lại tuổi thơ của mình, và hình tượng một thành phố nhỏ uể oải, bụi bậm, điển hình Mễ tây cơ với những ngôi nhà tường đắp bằng đất sét, lợp ngói ống đỏ, dọc theo những con đường lát đá cuội gồ ghề chạy nghiêng trên sườn đồi. Anh nhớ lại từng dẫy phố khu nghèo, cái nghèo hiển hiện qua khứu giác, âm thanh... Anh nhắm mắt lại. Lẫn trong tiếng mưa rơi, anh nghe lại những năm tháng vất vưởng của em bé đói ăn, bà con cô bác thay nhau nuôi tạm, cho đến khi tạm lớn đủ với tuổi 13 để đi làm thợ con với ông già Martinez.

À ông già Martinez ân nhân... Nhất định là anh sẽ thăm ông trước tiên. Thuở ấy không những ông cho anh việc, lại cho luôn chỗ ở. Ông cho anh dọn đến căn phòng trống trên nóc ga-ra của tiệm sửa xe hơi của ông. Ông già không có con trai, coi anh như con...

Manolo có món quà đặc biệt cho ông. Một cái đồng hồ quả quýt đắt tiền, có những hạt kim cương nhỏ nạm theo số giờ, và tên ông cụ khắc phía sau... Anh nghĩ chắc ông già sướng lắm... Ở đâu rút ra xem giờ, lại có dịp khoe đồng hồ này là quà tặng của Manolo đấy... Manolo đấu bò ấy... Tôi vẫn kể với ông đó mà...

Manolo cũng có quà cho nhiều người khác nữa... Bà Romero, y tá trưởng tại nhà thương quận, người đã săn sóc anh hồi anh mới tập tễnh đấu bò bị bò húc năm xưa. Lại có món quà đặc biệt cho Liliana, con gái tiệm bánh ngọt... Ô, Liliana, cô bé xinh xắn, nhẫn nại, trung thành, ngọt ngào như những chiếc bánh cô bán.

Anh nhớ lại đêm giã từ, khi anh quyết định bỏ làng để ra đời lập nghiệp. Anh hứa với cô anh sẽ nổi danh và giầu có, và sẽ về đón người xưa để cùng nhau chu du thế giới. Anh đút tay vào túi kéo ra chiếc hộp nữ trang bọc nhung đen. Bên trong là chiếc vòng đeo cổ bằng kim cương. Anh nhìn những sợi nắng chiều từ ngoài cửa sổ vào đậu lấp lánh trên những viên ngọc. Rồi anh đóng lại nắp hộp và bỏ lại vào túi. Ngả đầu lên đệm ghế, anh lơ đãng nhìn ra ngoài. Trời vẫn giông bão, sấm chớp ầm ầm.

Lại có tiếng gõ cửa.

– Cứ vào, anh dõng dạc ra lệnh.

Cửa mở, và Antonio Vargas, ông bầu của anh lại vào. Vẫn nét mặt khẩn trương của con buôn, vẫn chồng giấy tờ hắn sẽ bắt anh ký... Lại giao kèo gì nữa đây.

– Khi khác ký có được không. Tầu đang chạy, giao kèo có ký cũng chẳng gửi đi ngay được.

– Lát nữa đến ga xép gửi.

– Thôi được... Ký chỗ nào đây?

Antonio thấp người, lại đẫy đà, quần áo lúc nào cũng nhầu nhĩnh, dáng điệu tất tưởi vất vả. Lúc nào cũng như người vừa chết hụt xong. Chuyện gì cũng lo, nhiều giao kèo cũng lo, ít giao kèo cũng lo. Bò to quá thì lo nhỡ chuyện gì xảy ra cho Manolo cây tiền của y. Bò nhỏ quá lại sợ khán giả chê là Manolo nhát gan. Chuyến này Manolo về thăm quê cũ cũng làm cho y mất ăn mất ngủ. Mới đầu y định cản, nhưng thấy Manolo quả quyết không ký một giao kèo nào trong hai tuần tới, y đành cắn răng nhượng bộ. Nhưng nhượng bộ thì nhượng bộ, y vẫn đòi đi theo. Anh đã bảo y:

– Cậu còn tệ hơn là một người vợ ghen. Nếu cậu là đàn bà, tôi đã xịt cậu ra rồi. Này, ký hết rồi đấy nhé. Đừng có quấy rầy tôi nữa.

Antonio nhặt xấp giao kèo, vội vã rút lui.

Con tầu chậm lại, mà cơn mưa hình như cũng nhẹ hơn. Manolo ngồi nhìn nước mưa chẩy dài trên cửa kính. Con tầu dừng lại một ga xép. Nhà ga vắng tanh, ngoại trừ mấy nhân viên bưu điện khuân vác mấy thùng thơ. Có con chó lông ngắn nằm dưới chiếc toa bỏ không, thản nhiên nhìn cảnh mưa. Trời mưa, không ai lặn lội ra ngoài. Trên hàng cây, cành cây hơi ngả xuống vì nặng nước mưa.

Rồi tầu lại chuyển bánh. Manolo rán nhìn qua làn mưa, chỉ thấy một vài chiếc xe lác đác chạy trên dẫy phố vắng, và đàn bò gặm cỏ thản nhiên như không biết trời mưa. Cảnh cô độc quá, và Manolo thấy cô đơn trong toa tầu cá nhân sang trọng của anh.

Anh bước sang mấy toa tầu hạng nhất, rồi vào toa nhà hàng. Anh đi một mình, để khỏi phải nghe những câu chuyện làm ăn của hắn. Anh nhìn những thực khách trong toa nhà hàng. Họ ăn uống yên lặng, hay đăm đăm nhìn ra cửa sổ, như bị thôi miên bởi cơn mưa trên cảnh vật bên ngoài. Mọi người yên lặng, trừ một cặp trai gái cuối toa. Đúng là một cặp tình nhân, chẳng để ý đến mưa mà cũng chẳng để ý đến ai.

Manolo kêu ly rượu Uýt ki, và lại chiếc bàn trống ngồi. Một người đàn bà cỡ bốn mươi, phục sức sang trọng, đang nhìn cửa sổ bỗng quay lại bắt mắt anh. Bà ta cười, và anh cười lại, bưng ly rượu bước tới.

Anh hỏi:

– Xin phép bà, tôi ngồi chiếc ghế trống này nhé.

– Xin ông tự tiện.

Manolo ngồi đối diện người đàn bà đẹp. Anh ngắm những món nữ trang đắt tiền, ngửi mùi nước hoa đắt tiền. Bà ta hỏi:

– Anh đi du lịch một mình?

– Dạ vâng. Còn bà?

– Đi với nhà tôi. Chúng tôi giữ một toa riêng. Nhưng tin tôi đi, kể ra như là tôi đi du lịch một mình.

– Té ra vậy.

Manolo bực mình vì câu hỏi xã giao của anh lại đem ra một mớ bòng bong. Anh nói lảng sang chuyện khác:

– Mưa mãi chán quá, chẳng ai thèm nói chuyện, trừ cặp trẻ cuối toa.

Nhìn đôi uyên ương một giây, bà quay lại nói với Manolo:

– Nói lắm rồi cũng hết chuyện nói cho mà xem. Có cái gì mà không chán đâu.

Manolo tiếc rẻ đã bắt chuyện với người đàn bà lạ. Anh nói cho có nói:

– Bà cũng chán sao?

– Cũng tùy... Tụi mình có thể kéo nhau về toa tôi.

– Thế còn ông nhà?

– Ông ấy chỉ thích nhìn thôi. Ông ấy tàn phế, chỉ nhìn được thôi. Tội nghiệp, đời sống chỉ còn chừng đó...

Manolo đứng dậy:

– Xin lỗi, không dám nhận lời. Thú thật, tôi không phải nghề trình diễn cho người khác ngắm.

Đưa tay nắm nhẹ cánh tay Manolo như hoãn lại, bà ta nói:

– Vậy ông nghề gì?

Anh nói:

– Xin lỗi. Tôi chịu không giúp bà được.

Nói xong anh bỏ đi.

Anh bước sang khu bình dân. Những gia đình nông dân lam lũ ngồi san sát nhau, con nít đùa chạy giữa hai hàng ghế. Thấy còn chỗ trống cuối toa, anh len lại ngồi. Có người khẽ kéo tay áo, làm anh ngẩng lên:

– Có phải ông là nhà đấu bò Manolo không?

– Chính tôi.

– Năm ngoái tôi có hân hạnh coi ông đấu. Ông làm ơn cho tôi chữ ký nhé.

Vừa nói người đàn ông lạ mặt vừa đưa cho anh mảnh giấy và mẩu bút chì.

– Sẵn lòng.

Manolo vừa ký vừa vui vẻ nói.

Người đàn ông loan báo cho hành khách là Manolo có mặt trên tầu. Trong giây phút, đám đông bao lấy anh, tranh nhau xin chữ ký. Chiều mọi người xong, Manolo lui về toa riêng ngồi cho đến khi tầu tới ga.

Antonio gõ cửa, thò đầu vào toa:

– Đến nơi rồi.

– Biết rồi, khổ lắm. Tôi đẻ ở đây mà không biết sao?

Antonio không cãi. Y thọc tay vào túi quần tìm tòi:

– Tôi có giữ phòng rồi.

– Anh giữ phòng thì anh vào đấy mà ngủ. Tôi về nhà bạn.

– Đâu có được. Anh phải ở chỗ cho xứng đáng.

Manolo nổi cáu:

– Này xếp cái vụ phô trương lại. Tôi về thăm quê chứ không đi trình diễn đâu nhé. Đây là tỉnh nhà. Tôi muốn làm gì tôi làm, nhớ chưa?

– Nhưng mà... Phải cẩn thận...

– Thôi đi... Chưa xuống tầu mà đã rầy rà người ta thế này...

Nói xong Manolo nhặt mũ áo bước ra khỏi toa. Antonio lật đật chạy theo.

Hành khách sợ mưa, vội vã chạy băng qua sân ga. Nhưng Manolo thủng thẳng bước, như thể trời đang nắng. Anh đứng thẳng, hít mạnh cái không khí hâm hấp nóng và ẩm ướt của quê nhà. Mặc cho mưa ào ào trên chiếc ô, anh không vào ga, mà bước tới góc sân ga dừng lại để nhìn bao quát thành phố. Anh mỉm cười nghĩ đây là cả thế giới anh biết cho đến năm mười tám, cho đến khi anh bỏ nhà đi tìm sang giàu.

Nước mưa lênh láng trên sân ga, chảy thành những con suối nhỏ dọc theo mấy cống rãnh bên đường. Manolo nhìn vào trong ga thấy

Antonio đang áp mặt vào cửa kính nhìn ra, dung nhan y đã sẵn phì nộn lại dẹp lại, méo mó trông đến tức cười. Anh lẩm nhẩm "Lẽ ra mình không cho nó đi theo. Thật là bực mình".

Anh đứng lì ngoài sân ga nhìn xe cộ rời bãi đậu xe. Khi nhà ga đã vắng trở lại, anh mới vào.

Antonio nói:

– Trời ơi, anh ướt như chuột lột. Phải về khach sạn mau cho anh thay quần áo. Tôi đã thuê sẵn xe rồi.

Manolo nói như ra lệnh:

– Đưa chìa khóe xe đây. Để tôi lái.

– Tôi đã giữ phòng cho anh ở khách sạn El Presidente. Phòng tôi ngay bên cạnh phòng anh.

Xe ra khỏi bãi đậu, Manolo nói:

– Khoan về khách sạn đã.

– Anh còn tính đi đâu nữa. Tôi nghĩ anh nên về khách sạn thay quần áo cái đã.

– Antonio. Có muốn tôi đẩy xuống đường cho anh đi bộ không?

Antonio ngoan ngoãn ngồi đên, tay khoanh trước bụng, ngồi im thin thít. Mấy lần Manolo suýt dụng xe, y cũng không dám nói gì. Sau cùng Manolo lái xe vào khu nhà nghèo của thành phố. Manolo chạy xe dọc theo một con phố nhỏ, và sau cùng dừng lại trước một căn nhà cũ, tấm bảng đã bạc sơn đề mấy chữ "Gara Martine".

Tiệm xe cửa đóng then gài, bên trong tối om. Anh lẩm nhẩm "Mưa thế này làm gì có khách. Chắc ông già lại đóng cửa nghỉ ngơi. Không sao, mai mình trở lại." Manolo nhìn sang bên kia đường. Trời đã sẩm tối, và trong tiệm bánh mì có ánh đèn. Manolo mở máy xe, rồi nói với Antonio:

– Lúc nãy anh nói đúng. Chúng mình về khách sạn thay áo quần đi.

*

Trời nóng và ẩm thấp quá. Vừa thay quần áo xong, lưng áo sơ mi

Manolo đã ướt đẫm mồ hôi. Không khí có mùi đất xông lên, và ếch nhái từ đâu ra đầy đường. Antonio lấy làm khó chịu, nhưng Manolo bảo: "Anh không biết cái gì cả. Mùa mưa, ếch nhái rất hữu dụng. Chúng ăn muỗi giúp người ta. Thiên nhiên là như vậy."

Sáng hôm sau, trời vẫn mưa tầm tã, và đường xá vắng tanh. Thiên hạ đứng trong nhà nhìn ra, coi nước chảy ngập đường như một con sông nhỏ, chở theo những mẩu rác rưởi của thành phố.

Tới trưa, thành phố bắt đầu ngái ngủ. Họ không còn đứng ngắm mưa nữa, mà ngồi xuống. Mọi người như khoanh tay chờ đợi... Họ chờ đợi một cái gì không biết, một cái gì không tên sắp xảy ra. Có người bỏ đi ngủ trưa. Vùng này, người ta ngủ trưa cho đến lúc mặt trời lặn.

Suốt ngày, Manolo đợi mưa tạnh để đến tiệm bánh. Sau cùng sốt ruột, anh lấy chìa khóa xe, nhất định trở lại tiệm một mình, chiếc vòng kim cương sẵn sàng trong túi áo.

Mây đen che kín bầu trời, nhìn lên không thấy trăng mà cũng không thấy sao, chỉ thấy không gian đen tối và mưa đổ xuống như thác.

Manolo dừng xe trước tiệm bánh. Anh ngồi nhìn vào trong, sắp xếp những lời sẽ nói với Liliana, sau mười năm xa cách, giữa tiếng mưa gõ trên nóc xe đang hòa lẫn với tiếng cần gạt nước mưa đều đặn cọ lên kính xe.

Sau cùng anh mở cửa xe, băng qua vỉa hè, bước vào tiệm. Vào trong, anh vừa rũ nước mưa, vừa nhìn quanh. Không có ai ngồi quầy hàng. Anh nhìn quanh, thấy lại cảnh cũ gần như không thay đổi sau mười năm xa cách. Anh nghĩ, tỉnh nhỏ như tỉnh mình, ngày hôm nay cũng hệt như ngày hôm qua. Có tiếng dàn bà sau lưng:

– Ông cần gì ạ?

Manolo quay phắt lại. Nàng đang đứng sau quầy kính, mặc chiếc tablier trắng. Mắt gặp mắt, họ nhìn nhau. Anh cất mũ, và cùng lúc ghi nhận cái bụng mang thai của người dàn bà. Cả hai cùng yên lặng, sau cùng nàng khẽ nói, tiếng nàng như chìm trong tiếng mưa:

– Anh trở về.

Anh nói:

– Liliana phải không?

Vừa hỏi, anh vừa hy vọng một cách tuyệt vọng là người giống người, và anh đã lầm.

– Dạ.

Manolo nhìn cái bụng mang thai của người bạn gái cũ. Bất giác, nàng đưa tay che bụng. Anh thấy chiếc nhẫn cưới nhà nghèo trên ngón tay người yêu cũ. Nét mặt nàng vô cùng khốn khổ. Anh ghi nhận là đã lâu, người đàn bà này không còn trông đợi cái ngày tái ngộ hôm nay. Mà cũng phải. Ai mà đợi.

Nàng thì thầm như trách móc, như cắt nghĩa:

– Anh không gửi một lá thư.

– Anh sợ em không trả lời.

Tiếng mưa xa xả trên vỉa hè che lấp khoảng yên lặng trống trải giữa hai người.

Cửa trước tiệm mở tung, và một người trùm áo mưa kín mít, vội vã chạy vào. "Khiếp, mưa gì mà mưa thối đất." Tiếng nói quen quá, và khi người đàn ông tháo miếng vải che đầu, anh nhận ra ngay thằng em họ, thằng bé ngày xưa vẫn theo anh khi anh đấu bò ở sân quận. Anh gọi tên nó:

– Paco.

Paco ngẩng lên:

– Manolo. Anh đấy à. Trời ơi...

Rồi Paco như khựng lại, con mắt đi từ Liliana đến Manolo. Rồi Paco nói:

– Manolo, anh bỏ đi quá lâu.

– Mười năm.

Anh nghe thấy niềm vui mừng của thằng em họ không còn hồn nhiên. Paco và Liliana nhìn nhau, và Manolo bỗng hiểu hết.

Paco bước ra phía sau quầy kính đứng bên vợ. Anh ta nói:

– Uống tí cà phê nhé. Hay muốn thứ gì mành mạnh không?

Liliana nói:

– Để em đi lấy Uýt ki.

Tiện cớ, nàng rút lui, bỏ lại hai người đàn ông.

Paco nhìn thẳng vào mắt Manolo:

– Manolo. Chúng tôi lấy nhau... bốn năm rồi. Hai con... Sắp thêm cháu thứ ba. À... Ai cũng tưởng anh không về lại nữa. Giàu sang lại nổi tiếng như vậy...

Manolo nói:

– Ờ... Mình cũng có việc... Mình cũng không có ý định... À, có chút việc nên ghé lại ấy mà... À, lão bầu của mình nó bảo kiếm đất mà mua, tiền vào không đầu tư phí đi...

Paco rót tách cà phê, rồi đẩy lại phía anh họ. Ngoài trời, tiếng sét nổ gần như xé không gian. Paco nói:

– Cô ấy đợi anh... Ai cũng đợi anh... Mà anh thì biệt tăm...

Manolo bước ra phía cửa, đứng nhìn trời qua tấm kính lạnh... Anh lẩm nhẩm một mình "Không về ngay được... Mấy năm bù đầu... Chuyện gì cũng lỡ..."

Liliana trở lại. Người đàn bà nói:

– Nhà kho bị dột.

Rồi nhặt chiếc xô hứng nước, nàng vội vã bước ra khỏi phòng...

Paco vội vã chạy theo giúp vợ, và Manolo cũng đi theo. Anh nhớ lại hồi hàn vi, anh hay làm những công việc lặt vặt tại tiệm bánh này, lý do chính là có cớ gần Liliana. Anh hỏi:

– Bác đi đâu?

Paco trả lời thay vợ:

– Ông cụ nghỉ rồi. Giao lại tiệm này cho chúng em.

Manolo giúp Paco xắp xếp thùng hứng nước dột, còn Liliana lấy khăn chùi mấy vũng nước mưa trên sàn. Anh hỏi:

– Tôi thấy Ga-ra Martinez cũng đóng cửa. Ông già khỏe không?

Chùi xong nhà, Liliana đứng thẳng, ruỗi lưng cho khỏi mỏi. Nàng nói giọng bình thản:

– Ông cụ mất rồi.

Thấy Manolo sững sờ, nàng nói thêm:

– Em xin lỗi... Anh không biết sao?

– Không, không biết. Mà mất hồi nào?

Liliana và Paco nhìn nhau như rắn nhớ lại. Rồi Paco nói:

– Mùa xuân năm kia... Bệnh tim.

Manolo choáng váng. Anh dựa vào tường. Ngực anh bỗng nặng như đá đeo. Anh nhìn sàn nhà còn ướt nước mưa, loang lổ vết bột và dầu làm bánh. "Hồi ấy, chỉ có ông cụ là tin tôi có ngày thành công... Bỏ thì giờ đi coi tôi tập dượt... Cho tôi vay tiền thuê bộ áo đấu bò... Vậy mà tôi chưa trả ơn ông cụ được tí gì. Bây giờ thì muộn rồi..."

Rồi lẳng lặng anh bước ra ngoài. Anh đầu trần đứng trong mưa nhìn tiệm sửa xe Martinez. Nước mưa chảy ào ào trên mặt trên thân thể anh, và trong giây lát, anh ướt sũng. Anh làm dấu thánh giá, rồi bước vào xe lái đi. Liliana đứng bên chồng nhìn anh qua cửa kính. Rồi Paco trở vào bếp coi lại mấy chỗ đột. Liliana đứng thêm vài giây, cho đến khi mấy ngọn đèn lái mất dạng cuối đường.

*

Vì mưa nên trời sáng trễ. Manolo thức giấc sau một đêm trằn trọc. Anh nằm mơ chuyện dữ, trong mơ thấy mình già và chìm trong quên lãng. Anh mơ thấy lại tất cả những con bò mộng anh đã giết, thấy lại từng con một, từng cái đầu bò, với những nét đặc thù. Anh thức giấc ngạc nhiên là anh nhớ mặt mấy con ma bò lâu như vậy. Rồi anh ngủ lại.

Tất cả mọi vật đều ẩm ướt ở cái xứ này. Mái không đột, thì nước chui vào nhà qua kẽ hở dưới chân cửa, qua kẽ nứt vách tường, và ngay trong không khí, mỗi lúc có ai ra vào. Đồ gỗ trong phòng khách sạn bị phủ bởi một lớp hơi nước mỏng, và chăn mền ẩm ướt bắt đầu hôi mùi mốc.

Antonio bồn chồn. Lão ghét khí hậu nóng, lại càng ghét ẩm ướt hơn. Mặt lão xưng to, da lão từng đám nhợt nhạt, và mồ hôi chảy dài trên cổ vào trong áo sơ mi. Tới trưa, hắn tới gõ cửa phòng Manolo.

Không thấy phản đối, hắn lặng lẽ đẩy cửa lách vào. Quần áo bẩn và ướt của Manolo vứt bừa bộn khắp phòng. Nhẫn nhục, Antonio thu xếp nhặt nhạnh, không phải bản tính y ngăn nắp, nhưng bổn phận y là phải chăm sóc cho Manolo. Rồi hắn tới lay vai Manolo, đánh thức anh dậy. Y nói:

– Nghe tin mưa lụt cuốn mất cây cầu. Không biết bao lâu mới sửa xong. Làm sao mà về đây.

Manolo cựa mình:

– Xoay sở cách khác được mà...

Antonio tới kéo màn cửa sổ. Hắn nhìn bầu trời xám ủng nước, cằn nhằn:

– Ngoài đường không một bóng ma. Cả thành phố ngủ như chết. Sáng nay, phân nửa nhân viên khách sạn không tới làm việc. Tiệm ăn chả mấy chốc mà hết thực phẩm.

Manolo lấy gối che đầu. Anh nói vọng ra:

– Anh có nhịn đói vài bữa cũng chẳng sao.

– Điện thoại cũng hỏng luôn. Gọi ra ngoài không được. Tụi mình mắc kẹt trong cái thành phố khỉ ho cò gáy này.

– Anh muốn tôi làm gì bây giờ.

– Nào tôi có bảo anh phải làm gì.

Nói xong, Antonio bực dọc bỏ đi.

Manolo bỏ chiếc gối, nhìn lên trần nhà. Trần nhà trắng bong làm anh nhớ lại trần nhà hoen ố của căn gác cũ của anh trên nóc Ga-ra Martinez, và những kỷ niệm sung sướng với Paco và Javier. Anh nhớ lại thuở hàn vi hồn nhiên và sung sướng với đám bạn thuở niên thiếu.

Rồi anh tự nhủ:

– Tại sao mình cứ luyến tiếc thời ấy nhỉ. Thuở ấy sao mà lúc nào cũng đói, chẳng có việc làm. Lúc nào cũng sợ lúc nào cũng lo. Thật là may mà mình thoát ra ngoài được. Nếu không chắc bây giờ mình cũng không khác gì thằng Paco, quần quật lo cái bánh cho ông bố vợ, với đàn con nheo nhóc, và mụ vợ chưa già mà đã héo hon...

Mặc quần áo xong, Manolo xuống lobby khách sạn. Có mấy người đàn ông hom hem ngồi đọc lại báo cũ. Thời tiết xấu, cả báo mới cũng không có mà đọc. Mấy cô điếm cũng thất nghiệp, tụ họp đánh bài trong chiếc bàn sát góc. Manolo bước qua, họ cũng không buồn ngẩng lên.

Bên ngoài phố xá ngập nước. Manolo lái chậm chậm, sợ nước té lên ướt máy xe. Anh dừng lại trước nhà thương. Tòa bệnh viện dựng bằng gỗ nước sơn đã chóc từng chỗ. Mấy hàng cửa sổ nhìn ra mặt đường trơ trọi. Manolo mang theo một chiếc hộp đựng quà mua từ một cửa tiệm sang nhất thủ đô. Quà tặng là một đôi găng tay, cắt tuyệt khéo, bằng da nhập cảnh từ Tây ban nha.

Anh nhờ người y tá trực dẫn đến bà Romero.

– Bà Romero bây giờ chỉ làm bán thời gian thôi. Hai ngày một tuần.

Manolo tự giới thiệu:

– Tôi là bạn cũ của bà. Lâu lắm mới có dịp về thăm lại...

Cô y tá mỉm cười, cái cười láu lỉnh như ngụ ý tôi biết ông là ai mà...

Anh hỏi:

– Cho tôi thăm trại một chút nhé.

Cô y tá gật đầu, và hai người chậm rãi bước vào trại bệnh. Anh dừng lại giường số 22. Anh nói:

– Trước kia tôi có nằm giường này.

Rồi nhìn bệnh nhân hiện tại, anh xã giao hỏi han sức khỏe.

Người đàn ông nói:

– Giá tôi không phải nằm đây.

Manolo thân mật vỗ vai bệnh nhân:

– Đừng lo. Giường này hên lắm, tôi biết. Chẳng mấy chốc ông sẽ về nhà.

Lúc đã ngoài tầm tai, anh hỏi cô y tá:

– Ông ấy bệnh gì vậy?

– Ung thư. Sắp chết rồi.

– Vậy mà cho nằm giường tôi. Tôi vừa bảo ông ấy may lắm, chắc sắp được về nhà thôi.

– Ông nói vậy đâu có sai. Khỏi được về nhà, mà chết cũng được về nhà vậy.

Giọng cô y tá bằng phẳng, không cảm xúc, không xót thương.

Anh nói:

– May mà tôi không phải bệnh nhân của cô.

Cô y tá đối đáp:

– Thét lắm rồi quen. Ở đây thiếu gì bệnh nhân sắp chết. Còn ông, thứ bẩy nào cũng thấy máu nhỉ. Bây giờ với ông, chắc chuyện đâm bò cũng nhàm như cơm bữa vậy.

– Không phải đâu. Đến nước đó chắc tôi đổi nghề. Cô cũng nên đổi nghề. Nhưng mà bà Romero phòng nào nhỉ?

Tới bàn giấy, cô y tá đưa cho anh địa chỉ bà Romero. Cô nói:

– Giờ này bà có nhà đấy.

Anh nói:

– Cám ơn cô.

Bỗng dưng cô y tá đưa tay vuốt lại mái tóc. Cô hỏi:

– Ông về chơi lâu không?

– Chắc không.

*

Bà Romero ngồi ghế xích đu trong căn phòng khách sạch như ly của bà gái già. Bà bảo Manolo:

– Mọi chuyện thay đổi, mọi người thay đổi. Thế giới thay đổi. Tôi thay đổi. Liliana và Paco thay đổi, ai ở đây cũng thay đổi rồi. Có lẽ chính anh thay đổi nhiều hơn ai hết. Vậy mà anh trở về tìm kiếm những sự việc chỉ còn trong đầu óc anh. Kỷ niệm là kỷ niệm. Để chúng yên trong đầu. Anh, tôi, và tất cả mọi người sống trong hiện tại bây giờ. Rồi ngày mai, chúng mình sẽ trở thành kỷ niệm...

Cậu bé bỏ nhà đi tìm chân trời ao ước năm xưa không phải là người đàn ông đang ngồi với tôi hôm nay. Cậu bé hồi ấy tin chắc là

cậu ấy biết mình mơ ước những gì. Cậu ấy sống với niềm tin tưởng ở ngày mai.

Còn người đàn ông hôm nay là cậu bé hôm qua không còn dại khờ nữa. Cậu bé tự tin nhưng vẫn còn sợ nhiều thứ. Còn người đàn ông hôm nay thì hết sợ rồi, nhưng lại ngờ vực chính mình.

Lễ phép, anh bàn:

– Người đàn ông bà nói đó không cả tin như cậu bé ngày xưa. Hồi ấy, khi bà săn sóc tôi sau lần đầu tôi bị bò húc, ai nói gì tôi cũng tin. Đời đã dậy tôi không còn cả tin như vậy nữa.

Anh để ý bà Romero giấu tay dưới chiếc khăn len trải trên đùi. Anh móc túi lấy hộp găng đắt tiền ra. Anh bước lại bà, quỳ xuống đất, và mở hộp quà. Anh nói:

– Tôi có quà cho bà. Tôi vẫn nhớ mãi bàn tay của bà. Bàn tay đôn hậu quá.

Bà nhìn đôi găng rồi mỉm cười:

– Anh thật là có lòng. Anh còn nhớ bàn tay tôi.

Manolo nâng tấm khăn lên. Anh sững sờ. Đôi bàn tay xinh đẹp năm xưa ấy đã trở thành co quắp sần sùi. Bà bảo:

– Phong thấp đấy. Tôi hết điều dưỡng nổi rồi. Chỉ còn làm được đôi chút về hành chánh thôi.

Manolo buột miệng:

– Tôi trở về muộn quá.

Anh nghĩ đến chiếc đồng hồ định cho ân nhân, thì ân nhân quá cố, đã sang một thế giới mà thời gian không còn quan trọng nữa. Anh nghĩ đến chiếc vòng cổ cho người yêu, thì người yêu đã có chồng...

Bà Romero nói như đọc được ý nghĩ anh:

– Anh mang găng cho bà y tá, mà tay tôi phong thấp quá, chẳng còn hình thù gì, đâu còn sở vào găng được nữa. Nhưng mà găng đẹp quá. Tôi sẽ giữ quà anh cho như một bảo vật...

Manolo đứng dậy, bước ra cửa sổ. Anh than thở:

– Chuyện gì cũng không ra gì.

Bà nói:

– Đúng là cậu bé năm xưa của tôi.

Anh quay lại nhìn bà, bóng anh nổi bật lên trên vừng sáng khung cửa sổ. Anh nói:

– Thằng bé năm xưa mà bà vừa nói đó... Nó sợ hết mọi thứ. Bà muốn tôi như vậy sao?

– Không, không đâu. Anh không có như vậy. Anh đầy sức sống, sẵn sàng phiêu lưu mạo hiểm. Gặp thất bại, anh có cách cắt nghĩa là thất bại chẳng qua là chuyện nhỏ thôi, là chuyện tạm thời, và anh tiếp tục tiến tới...

– Chẳng qua là sợ nên cường điệu vậy thôi.

– Tôi biết. Ai chả biết. Nhưng ngoài chuyện sợ, anh còn tự tin, và anh thực hiện được những điều anh ước mơ. Bây giờ anh trở về. Giấc mơ xưa anh còn không?

– Tôi hết mơ rồi. Ngày xưa tôi chỉ sợ chết. Mỗi lần đấu bò xong, thoát chết, là tôi mừng... Thấy cuộc đời thật đẹp, và tôi sung sướng. Bây giờ, năm này qua năm khác đứng trước sừng bò mộng, tôi khám phá ra rằng quả thật tôi không sợ chết. Hóa ra tôi sợ sống. Tôi trở về nơi đây, nơi tôi ra đời. Tôi muốn như xưa, muốn sợ chết, muốn hưởng lại cái ham sống mỗi lần đấu bò xong thoát chết... Bà biết không? Cái phòng dơ bẩn trên nóc Ga-ra Martinez tôi ở ngày xưa ấy, đời sống ở đấy sao mà trong sạch thế... Giá mà tôi được về sống lại ở đấy...

– Nhưng anh đã về lại đó rồi. Và đã thấy cái cánh cửa để trở về quá khứ đã đóng kín từ lâu, phải không?

– Đúng. Đóng kín mít tự bao giờ.

Rồi anh lại nói:

– Tôi không có mẹ. Bà kể như là mẹ tôi. Bà khuyên tôi làm sao bây giờ.

Bàn tay méo mó của bà cụ tốt bụng xoa lên đầu người đàn ông khổ sở. Bà bảo:

– Tôi nghe anh đây. Anh kể tôi nghe đi. Kể ra hết đi, đừng giấu gì

trong bụng nữa. Kể đi rồi anh sẽ thấy nhẹ nhõm, rồi mọi chuyện sẽ rõ ràng hơn...

Hai người ngồi đên lặng. Manolo cảm thấy thư thái trong lòng, cái thư thái năm xưa, khi anh bị thương nằm giường số 22, và được bà săn sóc lần đầu. Thời gian như tan vào cơn lốc của kỷ niệm. Căn phòng như sáng bừng lên từ một nguồn sáng huyền bí. Anh nhìn ra cửa. Mưa đã tạnh, và mặt trời đã hiện ra. Ánh nắng đem lại một vẻ mới mẻ cho muôn vật. Anh quay lại nhìn căn phòng, căn phòng trống trơn. Chiếc ghế xích đu trống trơn. Bàn tủ đều trùm vải trắng, như đã lâu lắm không dùng đến. Hộp găng anh mang lại giờ đây nằm trơ trọi cạnh chiếc ghế bành. Manolo rón rén bước trở lại. Tiếng chân anh vang lên trong căn phòng vắng. Anh lên tiếng gọi:

– Bà Romero ơi.

Không có tiếng trả lời. Anh chậm chạp đi từ phòng này sang phòng khác trong căn nhà không người ở.

Tới phòng ngủ, anh tìm thấy một phong thơ đặt trên bàn phấn. Bì thơ đề tên anh. Anh gượng nhẹ nhặt chiếc thơ, thổi hết bụi rồi mở ra. Bên trong là một lá thơ ngắn bà Romero viết cho anh. Coi ngày tháng, thấy thơ viết từ mười năm trước.

Manolo thân mến,

Khi anh nổi danh trở về làng cũ, đừng quên tôi nhé. Mỗi khi có chuyện gì khó khăn, nhớ đến tìm tôi.

Angela Romero

*

Antonio lắc mạnh Manolo.

Hắn nói lớn:

– Mình đến rồi.

Manolo mở choàng mắt:

– Gì cơ?

– Mình về tới tỉnh nhà rồi. Anh chắc mệt lắm, ngủ li bì suốt chuyến tầu.

Manolo nhìn ra ngoài, nhận ra những ngôi nhà tường đất lợp mái đỏ của quê anh. Anh gọi:

– Antonio à.

– Gì cơ?

– Hết mưa chưa?

– Ồ, mưa có một lúc thôi lúc tầu mới chuyển bánh. Trời ngoài kia đẹp lắm.

Manolo ngả người lên đệm ghế, nét mặt bỗng nhiên hãi hùng.

Antonio hỏi:

– Chuyện gì vậy?

Bơ phờ, Manolo nói khẽ:

– Không. Không sao.

Ra khỏi toa, Manolo sai Antonio đi thuê xe. Còn một mình, anh lững thững bước tới cuối sân ga. Anh thấy bụng nôn nao, và miệng đắng ngắt. Anh tựa vào lan can sân ga, và cúi xuống rãnh cống. Rãnh khô ran không một giọt nước. Anh nắm vững thành lan can, tự trấn tâm:

– Chẳng qua là mình ngủ mơ.

Nghe tiếng chân bước phía sau, anh quay lại. Antonio đang tiến tới, dắt theo một thằng bé cỡ mười hai mười ba tuổi. Gã nói:

– Tôi đã kiếm được xe. Cũng thuê thằng bé này để nó xách hành lý cho anh. Sai vặt cũng tiện.

Thằng bé láu cá trông thấy:

– Chú mà đấu bò gì?

Manolo cúi nhìn đứa trẻ bụi đời. Anh hỏi:

– Cháu tên gì?

– Carlos.

– Carlos à. Cháu không tin chú là tay đấu bò nhà nghề sao?

– Chú không phải là Manolo. Manolo lớn lắm. Chú ốm tong ốm teo thế này.

Manolo nói:

– Vậy sao. Nhưng cháu có đủ sức vác đồ cho chú không?

Thằng bé khoác lác:

– Có tiền là chuyện gì Carlos cũng cân được tuốt.

Manolo mở chiếc bị sách tay, lấy tấm khăn và thanh kiếm đấu bò ra, và hỏi nó:

– Cháu có sách nổi cái này không?

Đứa trẻ há miệng vì ngạc nhiên. Rồi lễ phép:

– Chú là Manolo thật hả chú?

Manolo đặt tay lên vai đứa bé. Anh bảo Antonio:

– Carlos coi bộ đói bụng lắm. Vậy thì cho cháu nó ăn trước khi mình thuê nó.

Antonio định phản kháng, nhưng Manolo đã đưa tay làm hiệu bắt yên. Rồi anh nói với thằng bé:

– Ăn xong, chú sẽ dậy cho cháu sử dụng những thứ này. Bây giờ rán giữ cẩn thận cho chú.

Khi tới khách sạn, Antonio hậm hực nói:

– Cái ngữ này, xểnh ra là ăn cắp cho mà coi. Anh tin tôi đi.

– Tất nhiên rồi, Antonio. Lúc nãy anh hỏi tôi có chuyện gì không ưng ý. Chuyện là lúc đó, tôi đã nghĩ mình trở về quá chậm, không còn gì để làm nữa. Vậy mà tôi lầm.

Nhìn thằng bé bụi đời tất tưởi với mấy món hành lý, anh mỉm cười sung sướng:

– Quả thật tôi lầm. Có nhiều chuyện chờ đợi tôi ở đây." □

LUÂN HOÁN

ngũ ngôn

*

1.
Đá sống đời của đá
Cây sống đời của cây
riêng tôi thích sống ké
vào cả vũ trụ này

2.
Lòng trẻ như ca dao
hồn đẹp như vần thơ
sao xác dân bé lại
như giọt bụi giang hồ

3.
Trong quán rượu treo bảng:
"Cấm buồn, cấm nhớ thương!"
Chắc chủ quán mê sảng
tôi dâm ngượng, cười suông

4.
Xin cảm tạ quê hương
vẫn lẻo đẻo thân thương
theo chân tôi phiêu dạt
khắp ngõ ngách đau buồn

5.
Cúi mặt trốn gió rét
nắng tuyết quất xót lòng
nhìn bóng mình còm cõi
mà thương cho núi sông

6.
Quì gối bên luống hoa
lắng nghe cây thở ra
sự thật, cây không thở
chỉ tại lòng xót xa

7.
Làm tình xong hút thuốc
nhìn khói bay buồn buồn
tình yêu dường hẹp lại
bằng diện tích cái giường

8.
Đọc thơ cụ Phan Khôi
trực nhớ ông bình vôi
nhớ gốc da nắng đợi
tiếng cu gáy bên trời

9.
Gặp thi bá Tản Đà
mời nhậu tối hôm qua
môi còn thơm hương rượu
nhỏm dậy thơ trào ra

PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN

mùa xuân và những con dã tràng

*

Tôi ra bến xe buýt đúng tám giờ nhưng chẳng thấy bóng dáng chị Thẩm đâu cả. Nhét chín đồng bạc cắc vào máy, lấy ra lần lượt chín tờ vé mỏng bỏ vào túi xách, tôi ra băng ghế gỗ ngồi chờ. Xung quanh tôi, người ta lần lượt leo lên xe đi, chẳng bao lâu bến chỉ còn lác đác vài người, ai cũng im lặng co ro, hơi nước thở ra phì phò từ miệng mũi như khói thuốc lá. Tôi thèm nghe bàn tay nóng ấm của Nam trên bờ ngực mình và hơi thở nồng mùi thuốc lá bên tai! Chị Thẩm đã nhiếc:

– Cái thằng đẹp trai nhưng trông đểu lắm, em dừng thèm yêu nó!

Chị nói như là dễ lắm. Nhưng này, sao chị vẫn chưa tới? Chiều thứ sáu, đưa chị ra bến xe chính đi Praha. Chị dặn:

– Chiều thứ bảy chị không về kịp thì cứ ra bến xe buýt-chợ-trời chờ chị.

Đã có đến ba chuyến số 15 đi qua. Trời đầy mây màu chì, chở nhiều mưa. Tôi rời băng ghế, bước sang đường dí mũi vào ki-ốt bán noa. Qua lớp cửa kính cáu bẩn, tôi thấy những bó hoa sắp héo, cẩm chướng đỏ hồng vàng, huệ trắng, tất cả đứng ép sát vào nhau trong những xô nước dưới đất, trên quày là vài tờ tuần báo góc cong queo, vài món đồ chơi trẻ con bằng nhựa màu xanh đỏ treo lơ lửng. Có cả những chai bia và vài lon nước ngọt, mấy bao thuốc lá. Ngoài ki-ốt là

hai chiếc bàn gỗ mục nát và lỏng chỏng mấy chiếc ghế con đen thui vì mưa nắng. Chợt bên kia đường một nhóm người ồn ào nói cười kéo đến và bu quanh chiếc máy bán vé tự động. Chị Thẩm vẫn chưa thấy tới. Tối hôm qua chị không về nhà ngủ, tôi thở dài kéo màn, ăn qua loa bữa cơm chiều rồi chui vào giường, lòng dạ ngổn ngang.

Tôi trở lại băng gỗ ngồi. Nhóm người ồn ào khi nãy vẫn ồn ào, người đàn bà đeo kính dâm nửa dâm nửa nhạt thật ngộ nghĩnh, mí mắt đánh xanh, môi son đỏ tươi, bà ta nói thứ tiếng nói ngoại quốc thật lạ giọng sâu trong cổ họng. Hai người đàn bà kia, không mập bằng, ăn mặc có vẻ ít sang trọng hơn, hình như nói tiếng Liên Xô hay Nam-tư. Hai người đàn ông cùng bọn có lẽ không có nhiều cơ hội để bàn chuyện nên chỉ gật gù tán đồng, miệng phì phèo thuốc lá. Từ dạo Tiệp có cách mạng mới, hết xã hội chủ nghĩa, thiên hạ đổ xô đến thăm, có người ngoại quốc, có người Tiệp lưu vong trở về.

Đến lúc chuyến số 15 thứ sáu vừa ghé lại thì tôi thấy chị Thẩm, túi xách đeo vai, ì ạch chạy tới. Chị thở hổn hển:

– Lấy vé cho chị chưa?

Tôi gật đầu mở túi đưa chị ba vé. Chị kéo tôi sang một bên chờ mọi người lên trước. Đưa tay chận ngực, chị than:

– Trời lạnh như cắt! May quá vừa kịp chuyến xe, chờ chị có lâu không? Xin lỗi nhé...

Bước lên xe chị ghé vào tai tôi, nói nhỏ:

– Nhớ kéo cái cần bấm vé, chị thấy cái thằng soát vé lên xe rồi đấy.

Quả thật, xe chuyển bánh chưa đầy năm giây, người đàn ông to lù lù vì cái áo bờ lu dông xám dầy đã chìa cái huy hiệu đỏ của nhân viên kiểm soát để đòi hành khách trình vé. Chị Thẩm đi thường nên quen mặt và lanh mắt nhìn ra hắn và đồng bọn, thỉnh thoảng chúng tôi cũng tiết kiệm được vài đồng, nhưng phải cảnh giác ghê lắm vì tiền phạt đúng trăm lần tiền vé.

Tôi do dự mãi vì không biết bắt đầu ra sao, suốt đêm qua suy nghĩ, thế mà sáng nay, tôi vẫn ngập ngừng, lúng túng:

– Chị Thẩm... em... em... hôm qua, em chờ chị mãi...

Chị kéo tay tôi thì thào:

– Một lát nữa chị kể cho nghe vì sao tối qua chị không về kịp. Nhìn kìa! Biết ngay mà. Nhìn xem kìa, thế là hắn trúng mánh rồi!

Ở cuối xe, nhóm người ngoại quốc đi xem Tiệp-khắc thuở giao thời đứng ngẩn người ra xem người soát vé ra dấu giải thích cách sử dụng máy bấm vé và chỉ cho họ xem cọc vé của họ vẫn còn nguyên không có lỗ. Người đàn bà nói giọng mũi và đeo kính mát hai màu the thé giải thích vừa ra điệu bộ rằng bà có để cọc vé vào máy nhưng vì không biết máy không tự động, v.v... Nhân viên nhà nước bảo:

– Bà phải trả ba trăm kơrun! (1) Cả bà nữa, bà nữa...

Vừa nói hắn ta vừa chỉ vào từng người trong bọn. Chị Thẩm tò mò thích thú theo dõi cuộc cãi vã, tôi đành thở dài im tiếng. Đám người nhất định không chịu trả tiền phạt. Hắn bảo sẽ gọi công an khi xe đến bến. Đám người bàn bạc suy tính. Xe đỗ bến, tất cả đi xuống. Chị Thẩm bảo:

– Đưa cho hắn vài trăm khỏi cần biên bản, cần gì đôi co cho mất thì giờ. Kể cũng ác, làm sao người lạ biết được xe nào trang bị máy tự động, xe nào khách phải tự bấm vé lấy? Chung qui là bài học nào cũng đắt giá.

Chị kéo tôi đi như bay về phía chợ trời, vừa thở vừa kêu:

– Chị em mình đến trễ quá, chợ trưa thì còn mẹ gì nữa!

Khu chợ trời họp trên bãi đất hoang cạnh sân đá bóng thành phố, xe đậu chật cả hai bên con đường đưa đến sân, chị Thẩm lại xót xa chắc lưỡi:

– Thiên hạ mua hết tiền rồi, còn đâu đến chị em mình.

Trước khi đến cổng, đã có những hàng bánh chiên quệt xốt cà chua, bánh quấn kem, vài người bán vé số, mấy đám đổ hột ăn tiền, vài người bày bán những hũ lọ, tranh ảnh cũ lôi từ rương hòm của tổ tiên để lại. Tôi hơi lo khi không thấy bóng dáng của tên công an nào. Như đọc được ý nghĩ tôi, chị Thẩm than:

– Chúng nó ở cả trong kia rồi, phải cẩn thận Hà nhé, phải nhanh mắt, mày thì hay lẩn thẩn, chậm chạp, khổ đấy!

Tôi chớp mắt, toan nói với chị điều khó nói thì chị đã nhanh nhẩu:

– Vào đi, để chị trả tiền vé vào chợ, tìm xem bọn thằng Tuấn sứt, con Mai còi trụ ở đâu để biết tình hình...

Chợ đông đến ngộp, mọi khi đến sớm, tôi tìm ra "chỗ" dễ dàng, nghĩa là ngồi kế người quen hay bạn "xù" (2) bán chợ trời có giấy phép chính thức. Bây giờ thì chỉ có nước đi vòng vòng vừa tìm khách vừa kiếm bồ nhà vừa trông chừng công an. Vừa thấy bốn cái lưng áo màu cứt ngựa, tôi toan quay lại, chị Thẩm níu tay tôi:

– Đi đâu thế? Chúng nó vừa qua thì còn lâu mới vòng trở lại, chị em mình đứng tạm lại đây.

Chị nhanh miệng mời hàng một bà mẹ đi với cô con gái tóc vàng hoe độ mười tám hai mươi, chị móc trong túi xách ra một xâu dây chuyền vàng giả. Con mắt liếc chừng bốn phía, vừa nói giá chị vừa kêu tên tôi. Tôi vội vàng moi hàng ra cho bà khách xem, vừa vặn có hai bà khác ghé vào, thế là chúng tôi được che kín. Chị bán được hai sợi dây chuyền, một chiếc nhẫn, tôi tống khứ được mấy cục pin đồng hồ điện tử. Hai chị em cất tiền, túm hàng lại đi. Lại ga, lại túm hàng. Mặt trời ló dạng, chiếu những tia nắng ấm xuống khu chợ rộn rịp tiếng rao hàng và tiếng nhạc từ cái loa trên đầu chợ. Một lát, tôi lấy hết can đảm gợi chuyện:

– Tối hôm qua em định...

– Ừ, chị quên khuấy đi. Thật khủng khiếp, ngày trước chỉ nghe kể, đến khi gặp mới biết. May mà em không chịu đi với chị. Trời ơi, chị sợ chết khiếp, như hồi xưa chạy tránh bom Mỹ... Sự trùng hợp ngẫu nhiên, ngày ấy sơ tán, chị với ông anh họ ở cùng trường, cùng đi kiếm củi, trốn cùng hầm. Hơn hai mươi năm sau... cùng bị...

– Chị không gặp được anh ấy ư?

– Có chứ, gặp được, có tin nhà, đủ cả quà bánh, thư, ảnh, tin sốt dẻo của Hà-nội, của Quảng-ninh. Anh Vấn, sinh viên ở Praha, người cùng quê với chị mới đưa cả bọn đi tham quan thành phố Praha... Ôi dào, Hà đi Praha mới có hai lần chắc chưa xem, phố nó đẹp tuyệt vời em ạ... Nhưng đi cho vui thế thôi. Chị thích nghe các anh chị sinh viên

đang ở thời kỳ quá độ sang tư bản chủ nghĩa, nhức đầu! Chị chỉ thấy cái "thời kỳ quá độ" nào cũng gian nan vất vả, không có nó có lẽ... tốt hơn, phải không em gái của chị? Còn các anh ấy, vào bệnh viện cả đấy em ạ, sứt môi, gãy răng, gãy xương sườn, nứt sọ... Ghê quá, ai nấy mặt mũi sưng vù.

– Có ai gọi công an không chị?

– "Tây" họ gọi đấy, biên bản hẳn hoi nhưng rồi cũng sẽ chẳng đến đâu, nào phải lần đầu "xù" bị "phủi" đánh đâu em. Cái thân đi làm công cho nhà giàu thì khổ thế em ạ. Tội nghiệp bây giờ chiều xuống là chẳng ai dám ló mặt ra phố nữa. Nhưng không người nào muốn về nước. Về còn khổ gấp mấy. Chịu đấm ăn xôi vậy. Chết thật, dạo này chị thấy em khác hẳn ra!

Tôi hoảng hốt:

– Em... em... khác ra làm sao?

– Em đẹp mơn mởn! Làm sao hay thế hở cô bé? Ăn uống cực khổ, làm việc như tù khổ sai, dãi nắng dầm mưa... Thôi tao biết rồi, nhờ cái tính hay cười của mày đấy, em ạ. Cứ thế mà hay. Lo như tao thì chóng già và chết sớm, cũng phải thôi nhỏ ạ. Có điều chị bảo em, đừng nghĩ chuyện xây dựng với Nam... Xinh như mày thì phải lấy kỹ sư, phó tiến sĩ...

Tôi yên lặng, nhớ đến Pak, người bạn trai trong đám sinh viên để mắt đến tôi. Dĩ nhiên Pak không thể dùng tiếng Đại-hàn để tán tôi, nhưng tinh tế, lịch sự, và hiền lành nữa kia, hay tặng cho tôi khi thì một đóa hồng nhỏ, khi thì một đóa huệ, mỗi lần tôi lên Praha với chị Thẩm. Tôi cảm động, lén đi chơi một lần với Pak. Chị Thẩm không có ý kiến, khi tôi kèo nài, chị cười nhẹ:

– Mày đến là khổ, thằng Pak làm sao mà lấy em được?

– Em không cần phải cưới hỏi gì cả! Lấy nhau rồi, ở đây là xong chuyện.

– Hay nhỉ? Chị chỉ muốn nói là chúng mày sẽ chẳng đến đâu là đâu.

Chị nói hay như thần! Khi Tiệp-khắc làm cách mạng, chính [illegible]

Bắc Hàn bắt tất cả sinh viên của họ về nước. Pak không kịp gặp lại tôi, chỉ nhắn nhủ được mấy lời tuyệt vọng và gửi tặng tôi một quả tim bằng pha lê gọt đẽo sáng ngời lấp lánh đủ màu như kim cương. Bọn con trai Việt vừa ghen tị vừa thương hại bảo nhau rằng tôi khóc đến nghìn năm quả tim kia cũng không tan nổi. Họ được may không bị điệu về quê hương nhờ nhà nước Việt-nam không sẵn tiền chứ có giỏi gì hơn ai mà lên mặt với tôi!

– Nghĩ gì mà ngẩn người ra thế?

– Người ta lúc trước bận học, bây giờ lo chống nhà nước, không còn thì giờ nghĩ đến chuyện vợ con! Em sẽ độc thân suốt đời, làm dã tràng báo hiếu mẹ cha!

– Em thật là lẩn thẩn. Dây thằng Jírí đây rồi, cưới duyên với nó đi em nhé. Xem tướng chàng đang thất tình em đấy.

Chị cười dòn tan, hỏi thăm anh thanh niên cao lớn tóc vàng và có nụ cười rất rụt rè. Chúng tôi quen nhau đã ba lần chợ, thỉnh thoảng Jírí cho chúng tôi để hàng bên cạnh tránh công an.

– Anh bạn trở thành người bán hàng chợ trời chuyên nghiệp rồi phải không? Bọn tôi có lẽ cũng sẽ thất nghiệp, nhà máy dọa đóng cửa hoài...

Chị nói tiếng Tiệp rất đại khái nhưng nhờ dạn nói, vui tính và hay giúp đỡ người khác nên ai trong nhà máy cũng thích chị.

– Gửi anh bạn cô em tôi nhé.

Quay sang tôi chị nói:

– Bày hàng ra ít thôi, khoảng 12 giờ chị em mình ra phố, du khách (4) họ ra nhiều giờ này. Nhớ nhẩm lại nhé, hôm nay mình mua một đồng mác bằng 17 kơrun. Vécden nhé, zépxên nhé (5). Đói thì ăn trước đừng chờ chị. Này, nhanh mắt nhé!

Tôi bày hai chiếc đồng hồ và một máy *walkman* bên cạnh mớ hàng của Jírí. Tôi dạn dĩ hẳn ra khi thấy cái nhìn lúng túng của anh chàng. Dĩ nhiên, bên mớ hàng của tôi, vốn liếng của Jírí đầy vẻ tội nghiệp dù rằng trên mảnh giấy các-tông to chiếm gần nửa mui xe, bày chi chít những mảnh mề đay, huân chương anh hùng lao động, đoàn thanh

niên, học sinh tiên tiến, gương phụ nữ... Ba kơrun một công lao bé tí, bảy tám kơrun một tấm to bằng mặt đồng hồ đàn ông, mười kơrun những tấm đẹp nhất có nhiều màu sắc vàng xanh đỏ, viền vàng và có kim băng an toàn. Tất cả nhiệt tình, công sức, việc làm, việc học vinh quang của gia đình anh. Hôm nay, tôi còn thấy anh bày dưới đất, nép sát vào bánh trước của chiếc Skoda cũ của bố anh, một chiếc thau sứ men trắng có hình một vệ nữ đang e ấp bên suối. Chiếc thau mang hình một chiếc vỏ sò thật lớn, mép thau mỏng, dợn sóng đều đặn như thêu rua với những bông hoa nổi chạm trổ chạy quanh. Loạ sứ tốt, mịn, láng và nét vẽ tuyệt vời rất trưởng giả của thời xa xưa. Phải chi không có lằn rạn ở giữa thau, tôi dám chắc anh sẽ bán được một món tiền to. Đám người ngoại quốc lúc nãy trên xe buýt ghé vào ngắm nghía chiếc thau và bức tranh sơn dầu cũ anh để dựa vào kính chắn xe. Tôi tự hỏi không biết rốt lại họ có chịu trả tiền phạt trên xe buýt không. Bàn bạc một lúc, người dàn bà tháo mắt kính dán mũi sát vào bức tranh, xi xô một chốc rồi cám ơn Jírí và kéo bạn đi mất. Jírí ngượng ngập nhìn tôi nhún vai. Tôi mỉm cười thông cảm. Mặt trời chói chang nhưng hơi gió vẫn lạnh buốt. Moi từ đáy túi miếng bánh mì thịt khô queo và lạnh tanh, tôi đưa cho Jírí, ra dấu bảo mình còn một miếng bánh nữa nhưng anh lắc đầu cám ơn. Vứt đi mảnh thịt đầy mỡ chỉ giữ lại mớ cải dưa chua, tôi uể oải nhai vừa đưa mắt tìm kiếm. Cánh Tuấn sứt đi qua lại thỉnh thoảng ném một câu hỏi thăm, trông cả bọn hôm nay có vẻ không vui vẻ. Chắc là hay tin cuộc lấy hàng không thành của chị Thẩm.

Tôi cuộn hàng sắp từ giã Jírí thì Mai hơ hãi chạy đến, cái đầu nhỏ lắc lư, mớ tóc khô gãy ngọn phất phơ phủ trán:

– Công anh bắt chị Thẩm rồi, túi hàng của chị ấy đây, chị ấy dúi kịp cho em. Chẳng tang vật gì mà nó cũng bắt tuốt tuột. Em giao lại cho chị. Cẩn thận nhé. Thôi em chuồn đây.

Mai lủi nhanh trong đám đông. Những mái đầu đen bỗng di động, tan biến trong rừng người. Tôi tóm mớ hàng còn lại cho vào túi, rồi đứng dựa vào thành xe thở dốc.

Jírí nhìn tôi ái ngại. Anh an ủi:

– Không sao đâu, chúng hăm dọa hay bắt nộp phạt xong là thả ngay. Hẹn tuần tới nhá, tôi sẽ mang theo cho cô Hà một chiếc ghế nhỏ.

Tôi mang túi lên vai, cố chen trong dòng người, phải thoát ra ngoài để thở. Tiếng mời chào vẫn ồn ào, ống loa vẫn oang oang tiếng nhạc, tiếng trống. Các hàng áo pun, quần din đầy người đang thử, ướm. Các hàng đông khách nhất vẫn là "cửa hàng" của đám người Việt với các máy *walkman*, băng và máy cát-xét, đồng hồ và máy tính điện tử bỏ túi, pin, vòng vàng, nữ trang... Người ta cũng đông đặc quanh hàng vé số và bàn đổ hột... Dân Việt-nam cứ hai người ngồi bán thì hai ba người đứng trông chừng phía sau, họ không phải sợ công an như tôi và chị Thẩm, họ sợ trộm cướp, sợ bị đánh hôi...

Trụ sở công an cách trạm xe buýt khoảng hơn hai trăm mét, tôi đứng dựa gốc cây, bồn chồn chờ đợi.

Gần một giờ, chị Thẩm đi ra. Tôi chạy a lại mừng rỡ nắm lấy cánh tay chị. Chị Thẩm mắt sưng đỏ, gượng nở nụ cười, hàm răng trắng hơi nhô ra phía trước. Trông chị như trẻ thơ không được mẹ cho quà. Tôi thò tay vào túi xách:

– Chị ăn gì chưa, xuất ăn của chị vẫn còn đây.

Chị gạt đi:

– Trời ơi! Bụng dạ đâu mà ăn uống! Xe đến rồi kìa.

Trên xe, chị im lặng, nước mắt lăn dài trên gò má cao. Tôi chưa bao giờ thấy chị khóc, ngay cả lúc nhắc đến thằng cu Tâm của chị đang được bà ngoại nuôi ở nhà quê. Chị xụt xịt:

– Gặp phải thằng khốn nạn! Nhất định trấn lột cho được. Nó bắt cởi cả quần áo dày dép... Mười sáu nghìn kơrun vào túi nó. Gần trọn gia tài dành dụm từ hơn hai năm qua.

– Trời ơi, sao chị mang theo nhiều tiền thế, chị luôn dặn em...

– Nào ai ngờ, tại bọn "phủi" ở Praha mà ra nông nỗi. Chưa kịp về nhà nên phải mang cả tiền ra chợ. Thằng khốn nạn làm sao mà nó tinh

như ma. Khốn nạn, nó ăn như thế thì còn phúc đức đâu cho con cháu nhà nó!

Tôi tuyệt vọng. Làm sao dám nói cho chị cái tai nạn của tôi? So với chuyện của chị, nó chẳng đáng vào đâu. Tôi rùng mình nhớ đến thư bà ngoại cu Tâm. Làng quê thiếu, đói, người ta bồng bế nhau đi kiếm ăn. Chị Thẩm chạy cuống cuồng, tôi chạy cuống cuồng, mọi người chạy cuống cuồng trước và sau cuộc cách mạng (của người ta), rượt đuổi không ngừng nghỉ đồng đô la, hàng hóa, người quen, những chuyến bay. Ngày tháng và chúng tôi xếp vòng tròn làm chiếc đèn kéo quân, càng lúc càng nhanh, vòng quay càng lúc càng rộng dần. Chị Thẩm chưa hề mệt mỏi. Tôi muốn được tan hàng đi theo chàng Pak. Pak bị lôi vào chiếc đèn cù khác, ở một nơi khác. Tôi níu vai Nam, người hùng đẹp trai hào hoa phong nhã. Nam cho xem hình ông chú, bà dì ở Mỹ sẽ bảo lãnh chúng tôi, trời ạ, cái nhà to đến mười gia đình ở chung vẫn rộng chán, một hồ bơi nước xanh biếc, vườn cây, thảm cỏ...

Nam bảo:

– Chú anh làm bác sĩ, vợ chú làm nha sĩ, nhà chỉ có hai đứa con gái lớn sắp lấy chồng, anh sẽ là con trai của chú...

Tôi chỉ xin níu lấy vai Nam, trốn sau lưng Nam, xin được nằm trên thảm cỏ, thỉnh thoảng được... thòng chân xuống hồ bơi. Nam ừ ừ, được mạnh đi chứ. Chờ mãi giấy tờ không được, Nam dẫn tôi trèo qua hàng rào những tòa đại sứ phương Tây, người ta nắm cổ tôi lôi ra. Tôi trở về nhà máy thì thầm ca hát trong lúc xếp những chiếc bát sứ vào lò nung, nghĩ cách trốn chị Thẩm ngày chủ nhật. Nam rủ tôi luồn rừng qua biên giới, tôi chưa kịp quyết định thì...

Chúng tôi xuống xe ở giữa phố. Đất trời đã lại xám ngắt, mưa bay lất phất, những hạt nước như tơ mịn ướp đá bám vào mặt mũi. Chị Thẩm chạy vào hàng hiên gỗ gọt đẽo tinh vi như những góc khăn thêu với những cây cột thon thả và chạm trổ công phu. Tôi dựa lan can nhìn ra bức tượng đen sừng sững của ông Dvorák, nhớ tới Jírí. Một chủ nhật, trước khi bán đi bộ máy quay dĩa cũ mèm, anh cứ cho máy quay

khúc giao hưởng cho mùa xuân. Thế ra xưa nay cái ông đứng trên bệ đá hoa kia là ông tác giả, tôi đã cứ đinh ninh rằng đấy lại là một tượng ông Lê Ninh. Thảo nào nét mặt ông trông hiền lành, suy tư, chiếc đũa điều khiển dàn nhạc ngoan ngoãn chỉ xuống đất. Bán được máy rồi, Jírí cứ rầu rầu. Tôi không quên được bài nhạc êm ái đó. Chúng ta đang ở giữa mùa xuân đầy hy vọng. Tôi muốn an ủi Jírí như vậy nhưng chẳng biết dịch cho gãy gọn, dành im.

Chị Thẩm gạ được một bà đầm Đức đổi tiền, chạy lại thúc tôi:

– Tiền đâu, đưa chị nhanh lên. Ba nghìn sáu!

Chị hí hửng nhét tờ giấy bạc Đức vào túi của tôi:

– Em còn được bao nhiêu?

Tôi chán nản, trả lời cộc lốc:

– Đến khuya cũng chả gỡ vốn lại được.

Chị trợn tròn mắt nhìn tôi. Hai con mắt to, lòng trắng hãy còn những gân máu đỏ. Tôi ân hận:

– Em xin lỗi... Em hơi khó chịu trong người. Em còn non năm nghìn tính luôn tiền hàng bán được sáng nay.

Chị thở dài:

– Em nói đúng. Thôi thì về vậy... Khoan, để chốc nữa. Đưa chị ba nghìn.

Rồi chị đột ngột đứng dậy, nét mặt tươi lên, vui vẻ, sà lại chào mời một cặp du khách khác từ bên trong đi ra, trên tay mỗi người một bình nước khoáng. Tự nhiên tôi thương chị vô cùng. Tôi hít một hơi dài, nuốt nước bọt dằn cơn lợm đang dâng lên trong cổ họng, đến gần một nhóm du khách vừa trờ tới. Ở đây chúng tôi cũng phải vô cùng thận trọng, bọn công an áo đen (6) lúc nào cũng sẵn sàng nhào đến bắt. Tôi sợ nhất là những con chó béc-giê to lớn đi với bọn chúng, cũng dữ dằn và kỳ thị như chủ. Tuấn sứt đã một lần bị ngoạm vào tay chỉ vì toan xa chạy cao bay khi chúng gọi đứng lại.

Du khách này chẳng sộp, tôi chỉ đổi được ba chục mác và mười đô la. Rồi từ đó hai chị em lang thang mãi mà chẳng được thêm mối nào. Trời lại hửng nắng tự bao giờ, hai bên cầu và trong công viên đã bắt

đầu có nhiều người, bọn áo đen cũng qua lại thường hơn, có thằng cứ nhìn gườm gườm hai chị em. Sợ hãi, tôi lôi bình ra phông tên hứng nước khoáng, rồi đứng bên cầu nhìn cá lội và nín thở xì xụp húp ngụm nước nóng bỏng. Chị Thẩm cười ngặt nghẽo:

– Hôm nay nước hẳn ngon hơn mọi bữa?

Tôi vờ không nghe, trong lòng lại dấy lên hy vọng. Nói nhé? Chị Thẩm đã tạm quên nỗi đau buổi sáng rồi. Có lần chị em nằm ngủ cạnh nhau, chị tâm sự:

– Chị là con dã tràng Hà có biết không? Cứ thấy cát là ôm vào lòng. Mẹ chị và cu Tâm là đại dương...

– Em chỉ thích làm du khách nằm trên cát, nghe sóng rạt rào và gió mơn man mái tóc.

– Em bé ạ, sinh ra làm người Việt-nam là em đã mang bộ áo dã tràng rồi. Không phải vô tình mà đất nước trải dài bên cạnh Thái bình dương, tha hồ mà xe cát! Nghĩ cùng nghĩ cạn đi, tao với mày đang làm gì ở đây? Có phải đang xe từng thùng cát gửi về biển mẹ? Anh Vấn kể chuyện vui rằng đến sa mạc Sahara mà giao cho cán bộ xã hội chủ nghĩa quản lý, cuối cùng rồi cũng phải nhập khẩu cát đấy!

Quả thật chị đã quên bọn cướp ngày. Sóng nước qua rồi, con dã tràng lại nhìn thấy cát. Cát mênh mông vô tận.

– Chị Thẩm ơi, chị thân với chị Đào lắm, đúng không?

– Đào đội trưởng hay Đào cận?

– Chị Đào đội trưởng.

– Ừ, sao? À này, bà ấy có thằng em họ sắp ra tiến sĩ ở Brno, có đường tìm ra việc ở bên này không phải về nước đâu. Đám đó tốt đấy, chị giới thiệu em nhé?

– Thôi, người ta sẽ chê em trình độ văn hóa thấp.

– Tốt nghiệp cấp ba mà thấp à? Nếu không đi lao động Hà cũng có thể học đại học, cũng kỹ sư...

Tôi ngáp:

– Em chẳng ham kỹ sư... Chị Thẩm ơi, hôm nọ chị Đào đưa con

Hương đi bệnh viện, chị làm thế cho nó hai hôm. Chỉ hai hôm thôi, đúng không?

Chị Thẩm quay lại nhìn tôi, hai con mắt kinh ngạc và ngờ vực.

Bao nhiêu lo lắng bỗng tiêu tan, tôi tránh cái nhìn của chị, giả vờ ngắm mấy con vịt trời đang rỉa lông dưới lòng sông Teplá. Chị kêu lên:

– Hà!

Tôi cố nín cười, se sẽ thưa:

– Dạ...

– Có phải em...

– ...

– Hà, nhìn chị đây, có phải...

– Hơn hai tháng rồi chị ạ!

– Trời đất! Cái con này...

– Chị nói với chị Đào hộ em...

– Trời ơi! Qua mặt chị không bấm còi, thế là hỏng. Bao nhiêu đám tối tao lựa cho mày! Thật công toi!

– Ta sẽ xây dựng lại bằng mười ngày nay. Em hứa sẽ vâng lời chị bảo. Đặt dâu em sẽ ngồi đấy. Tiến sĩ, kỹ sư gì cũng đồng ý cả.

– Trời ơi, Hà nói cái gì? Thằng Nam tính sao mà Hà lại nói thế?

Tôi bỗng sẵng giọng:

– Chuyện của em, Nam chẳng phải tính toán lôi thôi. Nam là cái quái gì!

– Ôi trời ơi! Cô này hay nhỉ, thế thì chị để em tính với Đào.

Tôi làm hòa:

– Có thương em thì giúp. Đừng nhắc đến Nam nữa, anh ấy đã ra khỏi đời em. Đeo dẳng nhau làm chi cho vướng víu!

– Trời đất!

– Mưa lại xuống rồi đó, tại chị kêu trời không ngừng nghỉ. Em lạnh quá, thôi ta về.

– Phải hỏi cho ra lẽ, Nam không có quyền...

– Chị tưởng là em có quyền? Chị muốn em bị đuổi về nước? Bao nhiêu người đã phá thai, tại sao đến lượt em chị lại gây khó khăn...

Tôi hít hít mũi, quay lưng đi về phía bến xe buýt. Chị Thẩm chắc lưỡi chạy theo, giọng van lơn:

– Sao lại nói ác cho chị? Chị muốn biết thái độ của Nam. Em có báo tin cho Nam chứ?

– Có!

– Rồi sao?

– Nam làm gì được cho em? Thân Nam, Nam còn lo chưa xong.

– Thôi đừng có bênh nó chầm chầm, nói cho chị biết đi.

Tôi thở ra:

– Nam đi rồi!

– Trời đất ơi! Quất ngựa truy phong!

– Thượng sách đấy chị ạ.

– Em nói dại. Chết thật! Nam đi rồi ư?

– Hãng cứ dọa cắt hợp đồng, giấy bảo lãnh của chú anh ấy không tới đây được, không đi thì ở lại... cưới em à? Em chả muốn. Tình nghĩa đôi ta có thế thôi! Em chẳng tiếc!

– Nó đi đâu? Praha?

Tôi cười:

– Chị Thẩm!

– Thế thì Đức à?

– Cho người ta nhốt vào trại chờ ngày tống về Việt-nam?

– Thôi chị biết rồi, nghe chúng nó ùn ùn bảo nhau đi Hà-lan đúng không? Một nghìn đô, người ta chở ra tận biên giới. Người Hà-lan tốt lắm em ạ. Cho tiền để người mình đi học nghề, học tiếng nước họ. Nam đi thoát thật rồi à? Sao nó không rủ em đi cùng?

– Em chả cần.

– Con bé này dại thật.

– Có giúp em thì ừ đi cho em yên tâm.

– Ừ, nhưng mày vẫn dại, lần sau ngừa thì vẫn tốt hơn, khỏi mất công đi năn nỉ tao.

– Em yêu chị vô cùng.

– Yêu tao thì... chẳng làm sao đâu. Khổ quá! Sao tôi khổ thế này!

Tôi vờ không nghe, bước lên xe buýt. Chị theo sau lầu bầu:

– Suốt ngày em theo chị, làm sao mà bụng to dễ thế kia? Cái thằng Nam tài thật.

Trời mưa đổ rào rào, trong xe ấm áp dễ chịu. Người đàn bà ngoại quốc ban sáng nhấc đôi kính màu cho vào xắc tay, sắp xếp mớ vé cho vào máy, vừa đưa tay kéo cần bấm vé vừa mỉm cười nhìn tôi và nheo một bên mắt kẻ viền đen với lớp lông mi giả dài thoòng. □

Chú thích:

(1) *korun* korún (kcs), đơn vị tiền tệ của Tiệp. Thời giá cuối tháng 4-1991: một quan Pháp ăn 4,9 kcs; một Mỹ kim ăn 29 kcs; một DM ăn 16 kcs.

(2) *xù* tiếng người Việt-nam tự gọi lẫn nhau bên Tiệp-khắc, theo âm chót của tiếng Tiệp chỉ người Việt.

(3) *phửi* người Việt dùng để chỉ bọn *skinheads,punk*

(4) Karlovy vary: Một tỉnh phía tây nước Tiệp, gần biên giới Đức, nổi tiếng từ xưa về những mạch nước nóng phun lên từ lòng đất, chứa nhiều muối khoáng có công dụng chữa bệnh.

(5) wechseln: đổi tiền; siebzehn: 17.

(6) Công an tư, mặc đồng phục đen như cảnh sát Mỹ, nhiệm vụ chính thức là bảo vệ an ninh cho các khách sạn, hàng quán tư nhân, họ võ trang súng ngắn, dùi cui, chó, đi bộ hay bằng xe hơi thường dân.

TRIỀU HOA ĐẠI

về đâu

*

Về đâu...
hỡi các bạn ta
bấy lâu lạc nẻo quê nhà buồn chăng?
cá thầm
rụng nỗi nhớ mong
trôi theo cát lở sông hằng về xa

Lâu rồi...
thôi nhé bạn ta
trời chiều phố núi
sương sa trắng ngời
giậu buồn
thoảng chút mưa rơi
nay về phố cũ, ngó người ngày qua

Thế rồi...
sao nữa bạn ta
ngập lòng
thương nhớ
quê xa ngàn trùng
người buồn
trời có buồn không?
ngóng thuyền
thuyền buộc
cuối dòng nước xuôi.

HOÀI MỸ

cái chảo

*

Tui thề sẽ giết thằng đó. Ở Na-uy không bán súng tự do thì tui qua Mỹ, qua Úc mua.

– Anh nên bình tĩnh, chuyện đâu còn có đó.

– Đù mẹ nó lừa tui ngon ơ. Giờ tui được thả về thì kể như nó tới số. Bảo đảm tui sẽ bế mạc gọn cuộc đời của thằng ác ôn côn đồ đó.

– Anh nóng như vậy làm sao bác sĩ cho anh về. Anh phải chứng tỏ anh vẫn... bình thường. Rán nghe tôi đi. Thế đầu đuôi câu chuyện ra sao?

– Cũng tại tụi truyền hình Na-uy chó đẻ, lựa lúc có túc cầu thế giới mà đình công.

– Sao anh không mở đài khác? Đài Thụy-điển hay Eurosport đều trực tiếp đầy đủ các trận đấu.

– Chung cư tui ở toàn những người già mới chết mẹ chớ. Hồi đầu năm, Hội Gia Cư gởi thơ hỏi ý kiến, nếu có đa số hội viên ưng thuận thì họ sẽ bắt ăng-ten mới, thêm đài. Nhưng chỉ có tui với gia đình thằng Ba-kít-tăng ở lầu bốn là ô-kê, còn lại đều trả lời "nai". Rốt cuộc đến giờ chỉ có mỗi đài Na-uy. Mà đài Na-uy thì có mẹ chi mà coi. Tối ngày phỏng vấn với hội thảo, chịu dời chi nổi. Mà thôi cũng thây kệ, chịu trận, bề chi bọn nhỏ cũng biết tiếng, hiểu dặng. Nhưng mà thời gian có đá banh mà làm reo mới kẹt chớ. Không lẽ qua nhà bạn bè coi ké. Ban ngày thì không thành vấn đề, nhưng khổ nỗi nhiều trận gay

cấn lại trực tiếp mãi tận khuya, làm phiền người khác hoài cũng kỳ, thành thử tui bắt buộc phải mua cái... ba-bôn tivi.

– Parabol?

– Tụi tui gọi là cái chảo. Mà giống cái chảo bự thiệt chớ. Anh biết tui mua bao nhiêu không? Hai mươi bốn ngàn, cộng với thuế "mum", cả thảy xấp xỉ 25 ngàn "cờ-run".

– Sao đắt quá vậy? Chắc lớn lắm?

– Cũng chẳng lớn chi, sơ sơ bề ngang gần bằng sải tay tui nè, còn chiều cao lối mét rưỡi. Chịu chơi mà anh. Chi chớ đá banh thì mấy tui cũng dám bỏ tiền ra mua. Cái chảo này hết sẩy, bắt 48 đài luôn, coi đặng cả đài Mỹ, Úc, đài Nhật, Phi nữa mà. Giá tui chịu chi thêm chừng năm xấp nữa, chôm cái độc hơn thì bắt đặng luôn đài Việt-nam. Nhưng mụ vợ tui nó cản, không chấp thuận cho vay thêm.

– Anh phải đi vay tiền?

– Thì ngân hàng chớ đâu. Thất nghiệp đều đều mần chi có dư tiền.

– Nội trả tiền lời cũng đủ mệt.

– Hai mươi mốt phần trăm, trả trong vòng chín tháng. Cắt cổ mà, nhưng thây kệ, có cái coi đá banh trước đã, còn hạ hồi phân giải. Thú thiệt tui mê đá banh còn hơn mê ông bà. Mê từ hồi còn nhỏ xíu lận kìa. Mấy thằng con tui giờ cũng mê đá banh. Giống tui chớ đâu.

– Nhưng tại sao anh lại dòi... giết người này người nọ?

– Tại mấy người đó hè nhau hại tui. Khởi sự là thằng cha chủ tiệm bán Tivi. Để tui kể anh nghe: Cha con tui sau khi mua đặng cái chảo chở về nhà, hì hục gắn ba bốn tiếng đồng hồ mới xong. Mới đặng đâu chừng có một bữa thì thằng "ti-lít-măng" đại diện Hội Gia Cư đến bấm chông yêu cầu tui gỡ cái chảo xuống vì làm vậy xấu chung cư đi, những người "na-bu" khác không chịu. Tui cự lại liền, nói là tui gắn ở nhà tui chớ gắn nhà hàng xóm đâu mà chịu với không chịu. Nhưng nó nhất định không nghe. Tui biểu thằng con lớn tui thông dịch lại là tui là thằng tị nạn cộng sản, sở dĩ đồng ý ở Na-uy vì nước này là nước tự do, thì làm sao lại cấm cản tui. Nhưng nó nói gì một tràng, thằng con tui hiểu không hết, thông dịch đại khái là tui phải tôn trọng trật tự

chung và phải tuân theo luật lệ của chung cư. Tui tính lì, nhưng nhớ phận mình ăn nhờ ở đậu xứ người ta, làm quá e họ cười chê toàn thể người Việt mình, nên tui mới chịu lùi. Nói thiệt với anh chớ, nếu không có cộng đồng người Việt ở đây, tui dám ăn thua đủ với thằng "ti-lít-măng" này. Giá tối thiểu nó cũng phải từ chết tới bị thương.

– Anh nghĩ đến danh dự của người Việt như vậy cũng phải. Có điều anh nên hiểu là...

– Hiểu chớ sao không, bởi vậy tui mới nói là tui lùi. Nhưng mua chảo rồi không lẽ liệng đi. Hai mươi lăm ngàn chứ cứt sao. Tui với thằng con tui chở cái chảo lại tiệm bán Tivi, tính năn nỉ ỉ ôi trả chảo, lấy lại tiền, nếu có mất mát chút đỉnh cũng được đi, lỗi của mình mà. Nhưng tiệm không chịu, lấy lý do sổ sách đã xong, không sửa đổi đặng. Tui kể lể hoàn cảnh riết, thằng chủ tiệm đề nghị để chảo lại tiệm nó bán giùm cho. Tui nghĩ giải pháp này cũng ổn, bề chi cũng hơn mình giữ mà không xài. Tui nói ô-kê, mày bán đặng tao thưởng cho năm trăm "cờ-run" xài chơi. Nhưng rồi sao anh biết không?

– Sao?

– Nó xạo chớ còn chi nữa. Ba ngày sau cha con tui trở lại hỏi nó bán đặng chưa, nó nói chưa. Thiệt tình nó có bán mẹ chi đâu, để riết dưới kho. Tui biểu nếu mày không muốn bán giùm thì trả lui chảo cho tao, tao déo nhờ mày nữa. Nhưng nó không chịu trả thế có sùng không chớ. Nóng máu, tui điểm mặt nó chửi, "Phi phàn, dây sờ-kan đờ-rép-bờ đây". Tui mới nói có vậy mà nó xanh mặt, ông ạ.

– Đối với luật pháp Na-uy, anh dòi giết người như thế là đủ ra tòa rồi.

– Dọa thôi chớ ai mà giết. Ngu chi!

– Nhưng người địa phương đâu có hiểu mình chỉ dọa thôi, họ tin đấy.

– Hèn chi. Nó nói với thằng con tui là ba mày đe dọa giết tao, tao sẽ thưa *Politi*. Thằng con tui thông dịch lại, tui làm tới luôn, "Ông déo sợ cảnh sát. Có ngon đụng vào thằng này, thằng này giết cả đám. Việt Cộng ông còn vặn cổ, ngán chi Vi-kinh tụi bay". Tui bắt thằng con tui

dịch lại nguyên văn. Tui không nói rành tiếng Na-uy, nhưng nghe thì hiểu hết trơn. Thằng con tui dịch không thiếu một chữ. Thằng chủ tiệm liền rút cây viết ở ngực áo rồi chìa mảnh giấy biểu tui viết vào đấy xác nhận tui muốn giết nó. Đù mẹ thằng ngu. Nó chưa thấy quan tài nên chưa đổ lệ đây mà. Tui nhào tới tính thí mạng cùi, "Ông không viết, nhưng ông cứ giết!" Vậy là nó sợ, vội trả tui cái chảo vô điều kiện.

– Tôi nghĩ anh hơi làm quá.

– Anh nói y chang thằng con tui. Lúc chở cái chảo về, nó cằn nhằn tui thấu trời xanh, nó trách tui la lối như vậy làm nhiều người Na-uy đổ xô lại coi, nó mắc cỡ muốn chết luôn.

– Cháu nó nói cũng phải đó anh.

– Thì tui có phiền chi đâu. Bên trong mình nhận nó có lý, nhưng có điều mình là cha, đâu để nó qua mặt đặng nên tui xạc lại một trận tơi bời hoa lá, nó nín khe.

– Tội nghiệp thằng nhỏ!

– Tội chớ sao không tội. Nhưng tui biết nó thương tui. Tui biểu chi nó cũng tuân theo. Nếu không có nó, sức chi tui biết loại chảo nào ngon lành mà mua.

– Giờ cái chảo đâu?

– Mất tiêu rồi!

– Mất?

– Thế mới lạnh lùng sương gió chớ! Lấy lại đặng cái chảo ở tiệm về, tui vừa rầu thúi ruột, phần mất dịp coi đá banh, phần tiếc tiền, vừa sùng mụ vợ cứ "ca" hoài, chịu đâu thấu, tui bỏ đi giang hồ mấy ngày liền.

– Sao anh nói mất cái chảo?

– Mất thiệt chớ, xạo chi. Thằng Ba-kít-tăng trên lầu bốn biết chuyện tui mua cái chảo mà chung cư không cho gắn xài, nó xuống thăm méc tui nên đăng báo "an-nông" bán lại. Thấy ý kiến của thằng đen này hay, tui sai thằng con tui viết quảng cáo cái chảo, đề giá "tin-bụt" rồi đem đăng trang nhất cho chắc ăn, in chữ bừ bự cho thiên

hạ dễ đọc. Mắc kinh khủng, anh. Tui đâu ngờ, từ khi cha sanh mẹ đẻ tới nay, mình có bao giờ đăng báo đâu mà biết. Mỗi kỳ nó chém tui gần một ngàn.

– Dĩ nhiên.

– Thây kệ, bề chi cũng lỡ rồi, coi như tiền chùa.

– Có ai hỏi mua không?

– Thiếu chi, có điều không đứa nào chịu giá, đứa thì nghe chưa xong đã rút lui có trật tự, đứa nói muốn tới nhà coi trước rồi mới quyết định, nhưng toàn hứa lèo. Đứa xin bớt giá nữa, nhưng tui không đồng ý, lỗ quá lấy tiền đâu bù vô. Chỉ có thằng cuối cùng là ngon lành, chịu giá cái một, chỉ xin tui gởi cái chảo đến cho nó bằng đường bưu điện vì nó thuộc diện tàn tật không di chuyển đặng, trong khi đó nhà nó lại ở tuốt bên đảo, ngoài "Su-tờ-ra" lận. Để tui nhớ coi đảo gì này, in như là "Sun-đan sờ-đít" đó. Anh biết đảo này không?

– Nghe quen quen, nhưng không rõ nằm ở đâu.

– Thì cũng thuộc tỉnh "Bạch-gân" của mình chớ đâu.

– Vậy là anh bán được cái chảo?

– Anh hỏi lại càng làm tui sầu vạn cổ. Số là thằng đó xin cho nó gắn thử cái chảo coi có thích hợp không, vì nhà nó thuộc loại "ê-ghét hút".

– À, nhà riêng.

– Đúng đó anh, nhưng xây lâu rồi, sợ hệ thống ăng-ten trong nhà cổ quá, không ăn nhịp với cái chảo "mô-đeo" của tui. Đó là nó nói với thằng con tui trong điện thoại như vậy. Thằng đó còn chịu chơi đòi trả tiền gởi bưu điện nữa. Tui nói thằng con tui khoan trả lời vội, biểu nó 15 phút sau gọi lại. Ý tui muốn dò coi thằng đó muốn mua thiệt hay chỉ giỡn chơi. Nếu thiệt, nó sẽ đương nhiên gọi lại, bằng không thì xuôi luôn. Hơn nữa tui cũng khôn, muốn lợi dụng thế hoãn binh để biểu thằng con tui lật sách coi lè lẹ có đảo nào tên "Sun-đan sờ-đít" không. Thấy có, tui yên tâm.

– Anh ta có gọi lại không?

dịch lại nguyên văn. Tui không nói rành tiếng Na-uy, nhưng nghe thì hiểu hết trơn. Thằng con tui dịch không thiếu một chữ. Thằng chủ tiệm liền rút cây viết ở ngực áo rồi chìa mảnh giấy biểu tui viết vào đấy xác nhận tui muốn giết nó. Đù mẹ thằng ngu. Nó chưa thấy quan tài nên chưa đổ lệ đây mà. Tui nhào tới tính thí mạng cùi, "Ông không viết, nhưng ông cứ giết!" Vậy là nó sợ, vội trả tui cái chảo vô điều kiện.

– Tôi nghĩ anh hơi làm quá.

– Anh nói y chang thằng con tui. Lúc chở cái chảo về, nó cằn nhằn tui thấu trời xanh, nó trách tui la lối như vậy làm nhiều người Na-uy đổ xô lại coi, nó mắc cỡ muốn chết luôn.

– Cháu nó nói cũng phải đó anh.

– Thì tui có phiền chi đâu. Bên trong mình nhận nó có lý, nhưng có điều mình là cha, dâu để nó qua mặt đặng nên tui xạc lại một trận tơi bời hoa lá, nó nín khe.

– Tội nghiệp thằng nhỏ!

– Tội chớ sao không tội. Nhưng tui biết nó thương tui. Tui biểu chi nó cũng tuân theo. Nếu không có nó, sức chi tui biết loại chảo nào ngon lành mà mua.

– Giờ cái chảo đâu?

– Mất tiêu rồi!

– Mất?

– Thế mới lạnh lùng sương gió chớ! Lấy lại đặng cái chảo ở tiệm về, tui vừa rầu thúi ruột, phần mất dịp coi đá banh, phần tiếc tiền, vừa sùng mụ vợ cứ "ca" hoài, chịu đâu thấu, tui bỏ đi giang hồ mấy ngày liền.

– Sao anh nói mất cái chảo?

– Mất thiệt chớ, xạo chi. Thằng Ba-kít-tăng trên lầu bốn biết chuyện tui mua cái chảo mà chung cư không cho gắn xài, nó xuống thăm méc tui nên đăng báo "an-nông" bán lại. Thấy ý kiến của thằng đen này hay, tui sai thằng con tui viết quảng cáo cái chảo, đề giá "tin-bụt" rồi đem đăng trang nhất cho chắc ăn, in chữ bừ bự cho thiên

chung và phải tuân theo luật lệ của chung cư. Tui tính lì, nhưng nhớ phận mình ăn nhờ ở đậu xứ người ta, làm quá e họ cười chê toàn thể người Việt mình, nên tui mới chịu lùi. Nói thiệt với anh chớ, nếu không có cộng đồng người Việt ở đây, tui dám ăn thua đủ với thằng "ti-lít-măng" này. Giá tối thiểu nó cũng phải từ chết tới bị thương.

– Anh nghĩ đến danh dự của người Việt như vậy cũng phải. Có điều anh nên hiểu là...

– Hiểu chớ sao không, bởi vậy tui mới nói là tui lùi. Nhưng mua chảo rồi không lẽ liệng đi. Hai mươi lăm ngàn chứ cứt sao. Tui với thằng con tui chở cái chảo lại tiệm bán Tivi, tính năn nỉ ỉ ôi trả chảo, lấy lại tiền, nếu có mất mát chút đỉnh cũng được đi, lỗi của mình mà. Nhưng tiệm không chịu, lấy lý do sổ sách đã xong, không sửa đổi đặng. Tui kể lể hoàn cảnh riết, thằng chủ tiệm đề nghị để chảo lại tiệm nó bán giùm cho. Tui nghĩ giải pháp này cũng ổn, bề chi cũng hơn mình giữ mà không xài. Tui nói ô-kê, mày bán đặng tao thưởng cho năm trăm "cờ-run" xài chơi. Nhưng rồi sao anh biết không?

– Sao?

– Nó xạo chớ còn chi nữa. Ba ngày sau cha con tui trở lại hỏi nó bán đặng chưa, nó nói chưa. Thiệt tình nó có bán mẹ chi đâu, để riết dưới kho. Tui biểu nếu mày không muốn bán giùm thì trả lui chảo cho tao, tao déo nhờ mày nữa. Nhưng nó không chịu trả thế có sùng không chớ. Nóng máu, tui diễm mặt nó chửi, "Phi phàn, dây sờ-kan đờ-rép-bờ đây". Tui mới nói có vậy mà nó xanh mặt, ông ạ.

– Đối với luật pháp Na-uy, anh đòi giết người như thế là đủ ra tòa rồi.

– Dọa thôi chớ ai mà giết. Ngu chi!

– Nhưng người địa phương đâu có hiểu mình chỉ dọa thôi, họ tin đấy.

– Hèn chi. Nó nói với thằng con tui là ba mày đe dọa giết tao, tao sẽ thưa *Politi*. Thằng con tui thông dịch lại, tui làm tới luôn, "Ông déo sợ cảnh sát. Có ngon đụng vào thằng này, thằng này giết cả đám. Việt Cộng ông còn vặn cổ, ngán chi Vi-kinh tụi bay". Tui bắt thằng con tui

dịch lại nguyên văn. Tui không nói rành tiếng Na-uy, nhưng nghe thì hiểu hết trơn. Thằng con tui dịch không thiếu một chữ. Thằng chủ tiệm liền rút cây viết ở ngực áo rồi chìa mảnh giấy biểu tui viết vào đấy xác nhận tui muốn giết nó. Đù mẹ thằng ngu. Nó chưa thấy quan tài nên chưa đổ lệ đây mà. Tui nhào tới tính thí mạng cùi, "Ông không viết, nhưng ông cứ giết!" Vậy là nó sợ, vội trả tui cái chảo vô điều kiện.

– Tôi nghĩ anh hơi làm quá.

– Anh nói y chang thằng con tui. Lúc chở cái chảo về, nó cằn nhằn tui thấu trời xanh, nó trách tui la lối như vậy làm nhiều người Na-uy đổ xô lại coi, nó mắc cỡ muốn chết luôn.

– Cháu nó nói cũng phải đó anh.

– Thì tui có phiền chi đâu. Bên trong mình nhận nó có lý, nhưng có điều mình là cha, đâu để nó qua mặt đặng nên tui xạc lại một trận tơi bời hoa lá, nó nín khe.

– Tội nghiệp thằng nhỏ!

– Tội chớ sao không tội. Nhưng tui biết nó thương tui. Tui biểu chi nó cũng tuân theo. Nếu không có nó, sức chi tui biết loại chảo nào ngon lành mà mua.

– Giờ cái chảo đâu?

– Mất tiêu rồi!

– Mất?

– Thế mới lạnh lùng sương gió chớ! Lấy lại đặng cái chảo ở tiệm về, tui vừa rầu thúi ruột, phần mất dịp coi đá banh, phần tiếc tiền, vừa sùng mụ vợ cứ "ca" hoài, chịu đâu thấu, tui bỏ đi giang hồ mấy ngày liền.

– Sao anh nói mất cái chảo?

– Mất thiệt chớ, xạo chi. Thằng Ba-kít-tăng trên lầu bốn biết chuyện tui mua cái chảo mà chung cư không cho gắn xài, nó xuống thăm méc tui nên đăng báo "an-nông" bán lại. Thấy ý kiến của thằng đen này hay, tui sai thằng con tui viết quảng cáo cái chảo, đề giá "tin-bụt" rồi đem đăng trang nhất cho chắc ăn, in chữ bừ bự cho thiên

hạ dễ đọc. Mắc kinh khủng, anh. Tui đâu ngờ, từ khi cha sanh mẹ đẻ tới nay, mình có bao giờ đăng báo đâu mà biết. Mỗi kỳ nó chém tui gần một ngàn.

– Dĩ nhiên.

– Thây kệ, bề chi cũng lỡ rồi, coi như tiền chùa.

– Có ai hỏi mua không?

– Thiếu chi, có điều không đứa nào chịu giá, đứa thì nghe chưa xong đã rút lui có trật tự, đứa nói muốn tới nhà coi trước rồi mới quyết định, nhưng toàn hứa lèo. Đứa xin bớt giá nữa, nhưng tui không đồng ý, lỗ quá lấy tiền đâu bù vô. Chỉ có thằng cuối cùng là ngon lành, chịu giá cái một, chỉ xin tui gởi cái chảo đến cho nó bằng đường bưu điện vì nó thuộc diện tàn tật không di chuyển đặng, trong khi đó nhà nó lại ở tuốt bên đảo, ngoài "Su-tờ-ra" lận. Để tui nhớ coi đảo gì này, in như là "Sun-đan sờ-đít" đó. Anh biết đảo này không?

– Nghe quen quen, nhưng không rõ nằm ở đâu.

– Thì cũng thuộc tỉnh "Bạch-gân" của mình chớ đâu.

– Vậy là anh bán được cái chảo?

– Anh hỏi lại càng làm tui sầu vạn cổ. Số là thằng đó xin cho nó gắn thử cái chảo coi có thích hợp không, vì nhà nó thuộc loại "ê-ghét hút".

– À, nhà riêng.

– Đúng đó anh, nhưng xây lâu rồi, sợ hệ thống ăng-ten trong nhà cổ quá, không ăn nhịp với cái chảo "mô-đeo" của tui. Đó là nó nói với thằng con tui trong điện thoại như vậy. Thằng đó còn chịu chơi đòi trả tiền gởi bưu điện nữa. Tui nói thằng con tui khoan trả lời vội, biểu nó 15 phút sau gọi lại. Ý tui muốn dò coi thằng đó muốn mua thiệt hay chỉ giỡn chơi. Nếu thiệt, nó sẽ đương nhiên gọi lại, bằng không thì xuôi luôn. Hơn nữa tui cũng khôn, muốn lợi dụng thế hoãn binh để biểu thằng con tui lật sách coi lè lẹ có đảo nào tên "Sun-đan sờ-đít" không. Thấy có, tui yên tâm.

– Anh ta có gọi lại không?

– Gọi chớ sao không. Tui nói ô-kê rồi biểu thằng con tui ghi đầy đủ chi tiết tên và địa chỉ của thằng đó.

– Chắc anh còn giữ?

– Tui thuộc lòng mà anh. Tên nó là... "Bí-già Giáng-Sinh".

– Hả? À... à... Bjarne Jensen.

– Vậy đó... Bí-già Giáng-sinh, Sun-đan sờ-đít, 5335 Su-tờ-ra.

– Không có số nhà à?

– Tui cũng thắc mắc như vậy, nhưng thằng đó giải thích là ở đảo không nhà nào có số. Dân chúng đặt thùng thơ ngay tại bưu điện, hằng ngày đích thân ra tận nơi lấy thơ. Thấy nói có lý, tui tin liền. Cha con tui lấy chảo đóng thùng. May mà tui còn giữ lại cái thùng "cạc-tông o-ri-din" với mấy tấm "mút" nên cũng dễ. Coi vậy mà nặng chớ giỡn sao. Bưu điện cân gần hai chục ký, hơn thùng quà gởi về Việt-nam. Tui phải trả bốn trăm bảy mươi hai "cờ-run" cước phí. Tui biểu con thơ ký biên cho tui một cái "cờ-vít tờ-rinh" để đòi thằng Bí-già Giáng-sinh hoàn lại số tiền này.

– Bao lâu thì anh nhận được đầy đủ số tiền?

– Khoan, anh. Tui nói triết lý một chút để anh hiểu tâm sự tui. Ở đời mấy khi đặng ý mình muốn, phải không anh? Các cụ xưa nói "Vô lậu bất thành nhân".

– Bậy nào! Ai mà nói thế bao giờ.

– Ông cụ tui chớ ai, dân chơi cựu mà. Mới nghe mình thấy kỳ, nhưng ngẫm nghĩ mình mới thấy ý nghĩa sâu xa vô cùng. Mình có chơi bời bị bịnh rồi mới khôn ra mà đề phòng.

– Có liên quan gì đâu tới việc anh bán cái chảo.

– Có chớ! Đúng lý tui bị lừa một lần cũng đủ sáng mắt ra mà chơi lại thiên hạ, thế mà tui lại bị lừa nữa. Con vợ tui chửi tui đồ ngu cũng có phần hợp lý. Có điều nó chửi không đúng địa điểm, nhằm lúc tui đang ai oán mà xài xể nên mới lãnh đủ.

– Anh đánh bà xã như vậy thì bậy quá.

– Ai đánh chi, mình nam nhi chi chí mà vũ phu coi sao đặng. Hơn

nữa ở Tây phương văn minh này không luật pháp nào cho phép đánh vợ con. Tui rành sáu câu mà. Đầu óc có sạn rồi, lại hai bá thứ tóc chớ trẻ người non dạ sao mà không biết. Có điều thấy mụ vợ chửi rát quá, tui sùng quạt lại, vỗ miệng thôi.

– Anh kể tiếp chuyện cái chảo đi.

– Tới đâu rồi?

– Anh đóng thùng gửi cho Bjarne Jensen.

– Gởi rồi tui khỏi dám đi đâu, ngồi chết trận ở nhà chờ điện thoại. Những ngày này tui thấy thời gian dài lê thê, thua chi đại lộ Kinh Hoàng. Tui cứ tì tì nốc cà phê, hút thuốc chớ ăn uống chi thấy ngon. Hồi hộp thấy mẹ. Cỡ này kéo dài ít bữa nữa tui dám rụng tim chết không kịp ngáp. Một tuần lễ sau, thấy im lặng tui bắt đầu hoảng. Tui bắt thằng con tui viết một lá tối hậu thơ, hẹn cho thằng Bí-già Giáng-sinh trong vòng năm ngày phải hồi âm gấp, nếu không tui sẽ đi thưa. Hết hạn mà vẫn không thấy chi, tui hoảng thiệt sự. Đúng là mình gặp điếm thứ thiệt rồi đây. Tui cầm tất cả giấy tờ lên Sở Di-trú và Ngoại-kiều nhờ họ can thiệp. Kể ra cái cô "Cà-ri Xịt-ra-bơ" cũng tốt.

– À, Kari Kyrkebo.

– Cổ sốt sắng thiệt tình. Cổ gọi điện thoại tùm lum đi khắp nơi để hỏi, tiếc là không chỗ nào rành rẽ để trả lời.

– Sao cô Kari không gọi thẳng về chi nhánh bưu điện ở Sunndalsdihl?

– Đương nhiên rồi anh. Cổ là người Na-uy nên biết luật xứ này.

– Thế sao?

– Ở đó họ xác nhận có người tới lãnh rồi có chết mẹ tui không. Cô Cà-ri xin cho biết thêm chi tiết của người nhận thì bưu điện trả lời họ không biết chi cả. Tá hỏa, tui dọt về nhà tính lôi thằng con theo, nhưng nó đi học chưa về, tui đành liều thân đi một mình.

– Anh đi đâu?

– Tính đi qua tận Sun-đan sờ-đít điều tra cho rõ chuyện. Thú thiệt với anh lúc đó sao chưn tay tui run quá. Run đây không có nghĩa là sợ mà do mình sắp mất tiêu 25 ngàn. Mà sao cũng lạ, anh, tui lái xe vẫn

chắc. Đường hẹp tui chạy đều chi trên trăm cây số một giờ mà không đụng. Liều mạng sa trường mà. Cũng hên là bữa trước tui có coi kỹ bản đồ với thằng con trai tui nên ra đặng tới bến phà không khó khăn. Tui nhớ chỗ này y như hồi mới qua Na-uy tui đã tới câu cá hai ba lần. Phà này nhỏ xíu như cái ghe vượt biên của mình nên tui phải để xe lại bên bờ bên này. Phà chạy chậm rì. Nhiều lúc nóng ruột tui chỉ muốn nhảy xuống lội cho lẹ. Phà vừa tới bờ, tui nhảy lên liền, hụt chưn mém rớt xuống biển. Bởi tui vội, sợ bưu điện địa phương đóng cửa sớm. Tui đi như chạy vậy anh à. Chắc nhiều người Na-uy ngó tui lúc đó dám tưởng tui khùng lắm. Mà khùng cũng phải, phần tiếc của hùi hụi, phần giận sôi máu thằng Bí-già Giáng-sinh đã gạt mình. Bưu điện ở gần bến phà nên tui tới còn kịp giờ. Tui hỏi một bà mập thù lù ngồi ở quầy, nhưng con mẻ cứ "va, va, va" hoài.

– Ý bà ta muốn hỏi *hva* là anh muốn nói gì.

– Tui biết chớ, nhưng kẹt mình không rành tiếng nên khó giải thích cho nó hiểu ngay. Giá có anh hay thằng con tui ở đó lúc bấy giờ thì đỡ khổ cho tui biết mấy.

– Rồi họ có giúp anh được gì không?

– Mụ mập kêu một thằng cha khác ở bên trong ra, ý như xếp của con mẻ. Tui cố diễn tả cho nó hiểu, "Dây uých-ke phơ hoa sen en bác-ké in-nờ ba-bôn ti-vi tin hé-rờ Bí-già Giáng-sinh. Hắn ích-ke bề-tan-lờ mây. Nô dây bề đây ô den-bờ mây phìn ra hắn". Ý tui muốn nói là tao tuần trước có gởi một gói đồ bên trong có cái ba-bôn, à quên, cái chảo ti-vi cho ông Bí-già Giáng-sinh. Nó không trả tao tiền. Giờ tao nhờ mày kiếm nó. Thằng cha bưu điện nói rinh rinh chi đó, tui đoán nó muốn coi "cờ-vít tờ-rinh". Tui vội sờ vào túi quần mới hay xấp giấy tờ tui để hết trong cốp xe. Dễ giận không? Tui chĩa ngón tay trỏ vào ngang đầu, chỗ màng tang xoáy vài vòng, ý muốn nói tui quên cha nó rồi. Sau đó tui có ý muốn nó chỉ nhà thằng Bí-già Giáng-sinh nên hỏi, "Vua búa hắn?" Thằng cha bưu điện trả lời cái chi tui nghe như có "hoa sen, hoa sen". Tui nghĩ trong đầu, xứ mày làm gì có hoa

sen mà cũng bày đặt xổ tiếng Việt. Tui ra dấu không hiểu. Nó viết ra giấy, lúc đó tui mới biết nó muốn nói ở "bu-tích" tên là "hoa sen".

– Gì mà "hoa sen"?

– Tui cũng không rõ, thấy nó viết có chữ O, chữ A, chữ S, rồi E, N.

– À, oasen, nghĩa là đảo nhỏ.

– Nghe y chang như tiếng Việt anh há. Rồi thằng chả vẽ đường cho tui tới đó. Cũng không xa chi, đi bộ chừng mười phút, nhưng tui chạy nên chớp mắt đã tới. Gặp mấy thằng thanh niên cỡi xe gắn máy ở đó, tui hỏi lia lịa. Mấy đứa đó quay lại xì xô với nhau, chắc hỏi xem có đứa nào biết nhà Bí-già Giáng-sinh không, nhưng đứa nào cũng lắc đầu "nai, nai". Tui vào trong bu-tích hỏi, mấy người bán hàng cũng "nai, nai". Như vậy là thằng cha bưu điện hoặc nó muốn xạo tui chơi, hoặc nó thấy tui đầu đen nên kỳ thị cho bõ ghét.

– Có thể ông ta tưởng anh muốn hỏi thăm đường tới siêu thị mua đồ ăn.

– Thế mới tiêu điều cho tui chớ.

– Rồi anh làm sao?

– Lúc đó tui teo thiệt tình, đụng ai tui cũng chận lại hỏi. Chập sau, gặp một con nhỏ, tui sáp lại hỏi, nè cưng, biết nhà của Bí-già Giáng-sinh ở đâu không? Con nhỏ phát ngôn một tràng dài như đạn AK nổ làm tui tối tăm mặt mũi. Nó nói đã rồi ngoắc tui đi theo. Giờ nhớ lại tui phải công nhận con nhỏ có bộ mặt đẹp hết ý.

– Trong tình trạng bối rối như vậy mà anh còn tâm trí để ý tới nhan sắc thì cũng lạ thật.

– Tui tuổi Mùi mà anh. Hì hì, nói vui cho đời bớt lụy trần thôi chớ tuổi tui xấp xỉ ông già Ba-tri rồi đâu dám nghèo mà ham.

– Cô gái đó biết nhà của Bjarne Jensen?

– Cũng là Giáng-sinh mà không phải... Giáng-sinh. Con nhỏ dẫn tui đi vòng vo tam quốc đã đời mới tới một căn nhà bự cỡ vi-la vậy. Nó bấm chuông hai ba hồi thì có một ông già ốm tong còn hơn cây tăm ra bắt tay tui, tự giới thiệu là "Cai Giáng-sinh". Tui đoán ông này nếu không là cha thì ít nhất cũng là anh hai của Bí-già Giáng-sinh. Ổng với

con nhỏ nói với nhau chi đó mà hai người cười như đôi trai tài gái sắc. Rồi con nhỏ "hó đơ" từ giã tui trở ra. Ông già chỉ tay tui phía sau nhà. Tui tràn trề hy vọng, nghĩ có thể họ cất giữ cái chảo của tui ở ngoài đó chăng. Nhưng tới nơi tui mới té ngửa. Vịt đâu mà nhiều vô số kể. Chết mẹ, chắc con nhỏ tưởng tui đi kiếm nhà mua hột vịt lộn hay vịt sống về mần thịt đánh tiết canh nên mới hướng dẫn tui tới đây. Tui vội dọt thẳng làm ông già kêu ơi ới như vợ vừa chết. Thiệt tưởng con nhỏ đó yểm trợ tui, ai dè chơi tui nặng nề. Sợ hết giờ làm việc, tui chạy đúng là vắt giò lên cổ trở ngược lại bưu điện. Trong trí tui chợt lóe lên ý nghĩ mà lúc đầu tui tăm tối quá không nghĩ tới. Đó là bưu điện khi cho thằng Bí-già Giáng-sinh lãnh cái chảo ắt phải ghi lại địa chỉ của người nhận chớ. Thủ tục phải đúng vậy không anh? À, thế mà khi tui nói với nhân viên bưu điện làm ơn làm phước cũng như làm giàu cho tui cái "a-đờ-rét-sờ" của Bí-già Giáng-sinh thì tên già mắc dịch cứ tía lia "Um-sùm! Um-sùm!..."

– Tôi nghĩ ông ta không hiểu anh nói gì nên mới nói "unnskyld, unnskyld", nghĩa là "xin lỗi, xin lỗi".

– Thì sao nó không nói đại là không hiểu đặng tui liệu cách khác diễn tả, mắc chi phải làm rắc rối cuộc đời? Tui càng nổi dóa hơn, tui la, "Mày không cho ông, ông giết liền bây giờ! Dây đờ-rép-bờ đây sờ-tờ-rắc-sờ!" Tao giết! Tao giết! Chắc mặt mũi tui lúc đó cô hồn các đảng lắm nên chi cha con nó run cầm cập, mở miệng tính nói mà không ra lời. Mụ mập lẹ chưn lẻn vô sau gọi điện thoại cho Politi. Thế là tui bị dẫn độ về sở cảnh sát. Tui nói chi Politi cũng cười ô-kê khiến tui tưởng họ thông cảm, ai dè họ giam tui vào một căn phòng. Cơn sùng của tui lại nổi lên, cứ thấy mặt thằng Politi nào tui lại chửi tưới hạt sen. Mày không tha ông, ông giết! "Dây đờ-rép-bờ". Giết! Giết! Giết! Đâu như cỡ chín, mười giờ tối Politi chở tui tới bác sĩ. Chết mẹ, tui có bịnh chi mà đưa tui tới đây? Tui cự, đòi giết cả bầy. Chập sau bác sĩ sai hai thằng y tá bự con cỡ Trương Phi lôi tui vô nhốt trong phòng này cho tới giờ.

– Hồi sáng, tôi đang ở trường thì nhận được điện thoại của cảnh sát nhờ tôi tới đây thông dịch cho một bệnh nhân, tưởng ai hóa ra anh.

– Politi có nói chi về tui không?

– Đại khái họ kể anh cứ la hoảng "drepe", "giết" nên họ nghi anh bị... khủng hoảng thần kinh.

– Tui mà thần kinh cái con mẹ gì, giá khùng cho cũng đỡ khổ. Nghĩ mãi vụ bị lừa cái chảo mất tiêu 25 ngàn, tui lại hận đời can không nổi. Đau dạ ui là đau.

– Bây giờ anh nên bình tĩnh lại, đừng nghĩ ngợi gì cả. Để giải quyết xong với ty y tế rồi tới Politi, sau đó anh về nói cháu viết một lá đơn gửi cho cảnh sát, kể lại đầu đuôi sự việc, kèm theo đầy đủ biên lai. Tôi hy vọng cảnh sát sẽ điều tra được lý lịch và địa chỉ của tên Bjarne Jensen.

– Anh à, có anh tui mới dám bộc lộ tâm sự. Đêm qua, đôi lúc đầu óc sáng suốt lại, tui cũng biết suy nghĩ chớ. Sở dĩ tui lâm cảnh đoạn trường này là do thằng Bí-già Giáng-sinh lừa, nhưng sở dĩ có thằng Bí-già Giáng-sinh là do thằng Ba-kít-tăng méc tui đăng báo bán cái chảo. Sở dĩ có thằng Ba-kít-tăng chen vô cũng là do thằng chủ tiệm Tivi không chịu bán giùm tui cái chảo như đã thề non hẹn biển với tui. Sở dĩ có thằng chủ tiệm Tivi bán cho tui cái chảo lúc đầu là bởi nhân viên truyền hình Na-uy khi không đình công đòi tăng lương. Tìm tới tận nguồn gốc để lôi ra ánh sáng thì thủ phạm lại chính là TUI, anh ạ. Tội thứ nhứt của tui là già mà còn ham vui, bày đặt chơi sang trong khi vẫn đều chi ngửa tay lãnh trợ cấp xã hội. Tội thứ hai là ngu. Tui ngu vô biên, ngu hết thuốc chữa, ngu chịu đời không thấu! Có lẽ tui phải giết tui mới giải quyết xong vấn đề. Cổ nhân mình coi vậy mà từ ngàn xưa đã nói trúng phóc trường hợp của tui: *"Trách người một, trách ta mười. Bởi ta tệ trước nên người bạc sau"*.

– Anh nghĩ được như vậy là... hay rồi. Dù sao có vấp ngã mình mới học được nhiều kinh nghiệm quí báu... À kìa, bác sĩ đang tới.

– Liệu ổng có cho tui về không?

– Cái đó tùy ở anh.

– Sao tùy tui?

– Như lúc nãy tôi đã nói đấy, anh phải tỏ ra khỏe mạnh, ăn nói bình thường.

– Tui vẫn khỏe như trâu, có bịnh chi mà giữ tui lại đây.

– Mình thì mình tin nhau, nhưng người Na-uy thì khác, cứ thấy dấu hiệu gì lạ nơi một người, tức thì họ nghi có bệnh nọ tật kia. Thôi anh rán bớt nóng, nhất là tránh nói "giết", "drepe". Dù tôi không dịch lại, nhưng vì anh nói hoài những tiếng đó nên chỉ nghe nội cái âm thôi họ cũng hiểu nghĩa là gì rồi. Anh cứ ngồi đây, để tôi ra nói chuyện với bác sĩ trước đã. Anh nhớ lời tôi dặn đấy: Không được nói "drepe", "giết" nữa nghe!

– Tui hứa.

....

– Ổng nói chi mà nhiều dữ thần vậy anh?

– Bác sĩ sau khi nghe tôi thuật qua câu chuyện của anh, cũng xác nhận anh bị "sốc".

– Hèn chi lâu lâu ông lại ngó tui, cái đầu cứ ngoắc qua ngoắc lại như đầu con rùa. Ổng còn nói chi nữa không anh?

– À, bác sĩ nói thêm, may mà anh không còn la "drepe", "giết" nữa, nếu không thì...

– Thì sao chớ? Anh cứ nói thiệt cho tui biết.

– Thì... bác sĩ buộc lòng phải đưa anh vào... bệnh viện tâm trí để khám nghiệm.

– Đù mẹ, cà chớn! Ổng mà nhốt tui vô nhà thương điên hả, tui... GIẾT!

– Trời! □

TRẦN MỘNG TÚ

mặt ngọc phương đông

*

Buổi tối, vào giường, nàng nói khẽ với chồng:

Anh ạ, con gái anh có chu kỳ rồi đấy.

Chàng đang đọc sách, lơ đãng trả lời:

– Thế à!

Nàng im lặng, nằm nghiêng, kéo chăn sát lên cổ, rút đầu vào như cần một sự che chở, lúc đó, chàng mới nhận ra sự im lặng của nàng, buông sách xuống hỏi lại:

– Em vừa nói con gái anh làm sao?

Nàng nói, tiếng nói nhẹ gần như thầm thì:

– Con gái anh, cô Khả Tú, 12 tuổi 5 tháng bắt đầu có chu kỳ rồi.

Chàng xoay người sang phía nàng, luồn tay vào trong chăn xoa xoa lưng vợ.

– Thì em chỉ cho con cách thức vệ sinh, làm gì mà em nghiêm trọng thế!

Nàng vẫn nằm co như một con tôm luộc, chàng nằm thẳng lại, nhặt cuốn sách lên tiếp tục đọc. Nàng giơ tay tắt ngọn đèn đọc sách phía bên nàng, nhắm mắt lại, một góc buồng dịu hẳn xuống, nàng quay lưng lại phía chàng, giơ tay kéo chiếc gối trên đầu xuống ôm vào lòng. Khuôn mặt con gái nàng hồi chiều, đỏ hồng như một bông sơn lựu mùa hạ, hai con mắt trong veo, hàm răng như ngọc vụn đang cười với nàng trong bóng tối. Nàng nói thầm trong cuống họng: "Con gái của mẹ, con đã bắt đầu cuộc đời của một thiếu nữ."

Hồi chiều nay, khi nàng đang nấu ăn trong bếp, con gái nàng vào kéo tay mẹ, thấp giọng:

– Mẹ, mẹ vào đây với con.

Cô bé lôi mẹ vào buồng mình, đóng chặt cửa lại.

– Chắc con có chu kỳ rồi!

Cô bé nói bằng giọng điềm tĩnh, không có vẻ gì là ngạc nhiên cả. Cô đã được hướng dẫn đến nơi đến chốn ở trường học và được mẹ cắt nghĩa cho nghe từ hơn một năm nay, là thế nào cũng đến ngày này. Nhìn nét mặt thản nhiên của con, nàng bỗng thấy đau quặn ở bụng. Những ngón tay nàng như rung lên khi nàng đưa cho con miếng băng vệ sinh đầu tiên.

Lúc ngồi vào bàn ăn nàng hãy còn thờ thẫn, đĩa cá rán trước mặt nhắc nàng nhớ là nếu nàng không gỡ hết xương ra thì chồng con chẳng ai đụng đũa. Bao giờ cũng vậy, hôm nào muốn chồng con ăn con cá, nàng cũng phải gỡ để riêng ra một đĩa không có đầu, không có xương vì sợ chồng con ăn bị hóc. Đã có lần nàng đọc cho các con nghe câu ca dao:

Miếng ngon thì để phần chồng
Miếng xương mẹ gặm, miếng lòng con sơi.

Con gái của nàng đã hỏi mẹ:

– Thế bao giờ con có chồng thì con cũng chỉ ăn phần xương giống mẹ hả?

Nàng cười:

– Ừ, nhưng mà còn lâu lắm con mới lấy chồng, đừng có lo vội.

Bây giờ trong cái êm ả, tĩnh mịch của bóng tối nàng nghĩ lại câu nói đó và có cảm tưởng cái ngày con nàng trở thành người vợ, người mẹ hình như không lâu lắm, có lẽ sự xúc động đã kéo nàng đi quá xa, cô bé chưa đầy 13 tuổi, nhiều buổi tối mẹ còn phải nhắc đi đánh răng, mà nàng đã lo đến chuyện con nàng sắp phải "gặm xương". Nàng nhớ lại nỗi bàng hoàng của mình khi cúi nhìn những giọt hồng lấm tấm trên quần lót của con, rồi ngửng lên nhìn khuôn mặt con ngây thơ, trong sáng như một mảnh trăng rằm. Không, nàng chưa muốn con

nàng lớn vội, nàng muốn giữ chặt con ở lại với tuổi thơ ngây. Mỗi bước chân con bước vào đời thiếu nữ là một nhịp đập tim của mẹ. Đời sống nào đang đợi con trước mặt? Con sẽ khôn ngoan hơn, biết cân nhắc những phải, trái, hơn, thiệt của cuộc đời, biết tính toán cho mình một tương lai vững chắc. Hay con sẽ đam mê, bồng bột, sẽ buông thả, sẽ yêu đương say đắm. Con sẽ lý tưởng hóa cuộc sống, biết yêu sự đau khổ, biết san sẻ hạnh phúc, biết chọn con đường khổ hạnh. Hay con chỉ muốn mỗi bước con đi là một bông hoa nở dưới chân, là chim bướm vỗ cánh sau lưng, là cầu vồng bảy sắc trước mặt (con có biết là chẳng thể nào có cầu vồng được, nếu không có cơn mưa?) Nàng lan man nghĩ ngợi và thiếp đi trong một giấc mơ, mơ thấy mình dắt con băng qua hai ba cánh rừng rậm, tối, rồi đại dương mênh mông trước mặt, rồi núi cao nhọn hoắt sau lưng. Hai mẹ con ướt sũng trong mưa đi đón cầu vồng.

Buổi sáng, khi sửa soạn điểm tâm cho cả nhà, nàng đã nghĩ đến một món ăn có thêm chất sắt cho con gái. Cô bé trước mắt nàng, chỉ qua một đêm ngủ dậy hình như đã vươn vai trở thành một thiếu nữ. Từ cái nghiêng đầu, từ cách đưa ly sữa ngang môi, nhất nhất nàng thấy con hoàn toàn không còn bé bỏng nữa. Mặt trời phương Đông hắt vào khuôn cửa kính sau lưng cô, rắc những tia nắng bạch kim trên mái tóc màu hạt dẻ khiến nàng liên tưởng đến một câu thơ rất nuột nà, *Nàng thiếu nữ mặt ngọc phương Đông; Buổi sáng hai tay bưng hạnh phúc*. Cô thiếu nữ trước nàng sẽ khoan thai bước những bước đầu tiên, dọ dẫm vào đời. Nàng, người mẹ đứng bên đường nhìn từng bước con đi, trái tim như một đốm lửa lẻ loi, đốt hân hoan và cháy thống khổ. Nàng, người mẹ đứng đó, nhìn mà không tham dự được gì cả. Nàng không thể bảo con rẽ sang phải hay đi thẳng, có thể cô thiếu nữ đó sẽ rẽ trái hoặc quay lưng lại. Bước cô đi sẽ vững chãi, tự tin, tràn trề hạnh phúc. Hay cô sẽ e dè, ngập ngừng rồi vấp ngã. Nàng, đứng đó không giúp gì được cả, cô tự bước bằng chính đôi chân của cô chứ không phải đôi chân của người mẹ. Sự giúp đỡ duy nhất nàng có thể thực hiện được giúp cô: chỉ là lời cầu nguyện. Như một đóa hoa, cô sẽ nở dần từng cánh, từng cánh. Cô sẽ tỏa hương thơm ngát của một loài

hoa quí, hay mùi hương dịu dàng của một loài cỏ khiêm nhường. Nàng chợt nhớ đến một câu kinh trong cuốn *Kinh Lời Vàng (Dhammapada), Hương của trăm loài hoa quí vẫn đứng sau hương đức hạnh*. Ôi con! Hãy trưởng thành, hãy tỏa hương, hương đức hạnh, vì chỉ có làn hương đó là mãi mãi không nhạt, không bay mất. Đó chính là lời cầu nguyện của mẹ.

Sự trưởng thành của thể xác sẽ song song với sự trưởng thành của trí tuệ. Thật dễ dàng biết bao cho nàng khi chọn những món ăn tinh khiết, dạm nhạt cho con để thể xác đó được khỏe mạnh, tiết chế điều độ, nhưng còn trí tuệ? Sự thông minh hiểu biết về toán học, văn chương, âm nhạc... đã được gọi là đầy đủ chưa? Nếu con gái nàng là một học trò chăm chỉ lúc nhỏ, khi trưởng thành vào đời có bằng cấp, có việc làm tốt, mua xe, mua nhà trả góp, đóng thuế lợi tức hằng năm cho chính phủ, nói tóm lại là một công dân tốt, thì cái thiên chức Thượng Đế giao cho nàng làm một người mẹ đã được gọi là chu toàn chưa?

Thế còn tâm hồn nữa. Phải đủ cả ba yếu tố *Tâm, Thân* và *Trí* mới tạo thành một con người theo đúng nghĩa của nó, mà *Tâm* là cái quan trọng nhất, nếu đánh mất cái *Tâm* là mất tất cả. Đời sống hiện tại với những cám dỗ vật chất đang dâng cao như cơn hồng thủy hằng ngày đã khiến ta chỉ nghĩ đến đem cái trí tuệ ra để phụng sự cho cái thân được tiện nghi, và khi thể xác được hài lòng, ta vội kết luận là đã thành công. Làm thế nào để con gái nàng ngay từ lúc ở tuổi mười ba này đã biết hướng về cái đẹp của tâm hồn, mở lòng ra để yêu thương sự khốn khó, nghèo khổ, biết giữ cho tâm không dao động trước những quyến rũ vật chất, biết tự kiềm chế những đòi hỏi của thân xác. Cũng trong *Kinh Lời Vàng* về *Phẩm Tâm (Cittavagga)*, nàng đã đọc, "*Biết Thân như đồ gốm, hộ Tâm như thành trì, dùng gươm Trí để giữ gìn, chiến thắng thì sẽ vượt ngoài ô nhiễm*". Và lý tưởng hơn nữa, làm cách nào để giữ cho con gái nàng thấu đáo được cái đẹp, cái cao thượng trong lời kinh *An Bình* của *Thánh Phan-xi-cô Khốn khó* mà gia đình nàng vẫn đọc trong những giờ nguyện chung, "*Đem yêu thương vào nơi oán thù, đem thứ tha vào nơi lăng nhục*" vì "*Chính lúc thứ tha là khi*

được tha thứ. Chính lúc yêu mến là lúc được mến yêu. Chính lúc hiến dâng là lúc được nhận lãnh. Chính lúc quên mình là lúc gặp lại bản thân."

Chao ôi! Uốn nắn con nên người và hài hòa được sự tốt đẹp giữa *Tâm, Thân* và *Trí* quả thật khó khăn, nàng chỉ còn biết cố gắng đem cái tâm của chính mình ra như một mảnh gương cho con soi. Và mảnh gương của người mẹ lúc nào cũng phải được lau chùi cẩn thận không được để bám một hạt bụi nào, nàng thầm thì trong đầu: "Xin Thượng Đế giúp con."

Buổi trưa, khi chồng đã đến sở làm và các con đã ngồi ở trong lớp, nàng lái xe đến một ngôi làng nhỏ, cách nhà khoảng năm dặm, ở đó có một con suối chảy xuyên qua làng, nối liền với dòng sông và mở ra cửa biển. Nơi cá hồi hằng năm trở về vào những tiết thu phân để sanh sản. Những con cá mẹ làm nhiệm vụ của phái nữ một cách khôn ngoan, chúng từ chối không chịu sanh con ngoài biển cả. Nàng đậu xe dưới một gốc bạch dương, đến ngồi bên bờ suối. Trưa mùa Xuân, bầu trời trong vắt xanh biếc, những đám mây trắng nõn trôi lãng đãng mơ màng, ngôi làng nhỏ nằm yên lặng trong giấc ngủ trưa, tiếng xe cộ từ thật xa vọng lại nghe như tiếng trống thỉnh thoảng đệm khẽ cho tiếng đàn, tiếng sáo đang vẳng lên từ dòng suối. Nàng cúi nhìn dòng nước nhỏ, chảy xiết thỉnh thoảng trôi về một chiếc lá xanh, có lẽ chiếc lá đã rơi ra từ một cành nào đó bị gió thổi gẫy, nhìn chiếc lá nàng lại liên tưởng đến con gái mình. Cô thiếu nữ lòng còn xanh ngọc như lá mùa Xuân, còn thơm tho như một trang giấy mới. Nàng nhớ lại tối hôm qua, trước khi đi ngủ nàng đến gõ cửa buồng con gái.

– Mẹ đây, mẹ muốn vào với con một chút.

Cô bé mở cửa cho mẹ lách vào rồi hấp tấp đóng ngay lại, thầm thì:

– Mẹ đừng cho ai biết nghe, cả bố nữa, cả Khôi và Hưng nữa, mắc cỡ lắm.

– Ừ, mẹ sẽ không nói cho ai biết, nhưng tối nay mẹ muốn hai mẹ con mình đọc kinh chung, ngắn thôi, một lời nguyện, con bằng lòng không?

– Dạ, mẹ bắt đầu đi.

Cô bé ngồi thẳng lưng trên giường, khoanh tròn hai chân lại, để tay lên hai đầu gối, mắt nhìn thẳng lên cây thánh giá treo trên tường. Nàng bỗng thấy cay cay trong mắt, nàng kêu thầm trong đầu: "Thượng Đế ơi, xin giúp cho con gìn giữ viên ngọc này không một tì vết cho đến khi có chủ." Nàng ấp lấy một bàn tay của con bằng cả hai bàn tay của mình, cúi đầu cùng đọc lời nguyện buổi tối:

– Lạy Chúa, Ngài đã gìn giữ con ban ngày, thì xin hãy gìn giữ con ban đêm, kẻo sa phạm tội... Amen.

Cô bé vít đầu mẹ xuống, hôn vào hai má mẹ.

– *Good-night, Mom.*

– *Good-night*, con.

Nàng muốn nán lại thêm vài giây nữa, nàng muốn nói cho con nghe: "Con ơi, khi con bắt đầu có chu kỳ là con đã trưởng thành, là con có thể trở thành một người đàn bà, một người mẹ bất cứ lúc nào, hãy giữ tâm hồn, thể xác con cho thanh sạch." Nàng muốn nói thêm: "Con ơi, đừng cho ai động chạm đến người con, thân xác của người thiếu nữ phải được giữ gìn cẩn trọng. Lúc nào cũng phải kín đáo, sạch sẽ và riêng tư.

Nàng cũng muốn nói thêm: "Con ơi, khi con lớn thêm năm ba tuổi nữa, con bắt đầu biết yêu, biết nhớ, con hãy nhớ kỹ điều này, chỉ ngủ với người con gọi là chồng, đừng dại đột ngủ với người yêu. Vì con ngủ với chồng thì chồng vẫn yêu con, chứ con ngủ với người yêu chưa phải là chồng, con có thể sẽ đánh mất đi tình yêu đó."

Một viên sỏi đứa trẻ chạy ngang qua cầu ném xuống dòng suối gây lên một tiếng động nhỏ lôi nàng trở về với thực tại. Tối hôm qua nàng đã không dặn con những điều đó, nàng thấy con còn bé quá, còn quá sớm để dặn những điều nghiêm trọng như thế. Chắc tối nay nàng phải bàn lại với chồng, hỏi xem những ý nghĩ đó có quá sớm cho con không? Thế nào chồng nàng cũng cười và chê nàng là cổ hủ, là lỗi thời, chàng sẽ nói:

– Em không thấy ở trường học họ đã dậy trẻ con đến đâu rồi hay

sao? Thuốc ngừa thai phát không ở những trạm y tế công cộng, phim ảnh về tình dục đầy dẫy ở mọi ngã tư đường, em thử vào rạp chiếu bóng xem. Em quên là ở các nước văn minh, thanh thiếu niên được dậy hiểu biết về tình dục trước khi biết rung động về tình yêu sao!

Thật là tội nghiệp cho con gái nàng. Không, con gái nàng sẽ không cần phải đi đôi hia bẩy dặm như vậy. Nàng sẽ dậy cho con chép những bài thơ tình vào giấy mỏng, rồi ép trong sách cùng những cánh pensée, con gái nàng phải được rung động về tình yêu trước khi bước qua cuộc đời thiếu nữ. *Trời hôm đó mười lăm hay mười sáu, Tuổi của nàng tôi nhớ mới mười ba*. Con gái nàng đang đi trên tuổi mười ba, bắt đầu có chu kỳ, bắt đầu cuộc đời thiếu nữ, cô bé sẽ mơ mộng, sẽ yêu đương, sẽ chép thơ tình, cô sẽ bước vào đời sống theo thứ tự lớp lang. *Nàng thiếu nữ mặt ngọc phương Đông* đang bước từng bước nhỏ, chậm rãi, khoan thai về phía mặt trời, nắng bạch kim lấp lánh trên mái tóc màu hạt dẻ của cô. □

Chú thích:

– Thơ Đỗ Quý Toàn, Nguyên Sa.

– Kinh Lời Vàng – Dhammapada (Bản dịch của Thượng tọa Thích Minh Châu).

– Kinh An Bình (Prayer for Peace) của Thánh Francis of Assisi (1182–1226).

NGUYỄN MẠNH TRINH

đọc "tiểu thuyết vô đề", truyện dài dương thu hương

*

Trong văn chương Việt nam Hải ngoại, đầu thập niên 80 đã có một vài cuốn sách được xuất bản từ những trang bản thảo của những nhà văn đang sống ở trong nước gửi ra. Tiêu biểu là truyện dài "Đi" của Hồ Khanh hay tuyển tập thơ văn "Tắm Mát Ngọn Sông Đào" của nhiều tác giả. Những tác phẩm ấy đều do những người cầm bút sống ở miền Nam và đã có thời sinh hoạt văn chương trong thời kỳ 1954 - 1975.

Đầu thập niên 90, ở hải ngoại lại xuất hiện một cuốn sách tương tự: truyện dài "Tiểu Thuyết Vô Đề" của nhà văn nữ Dương Thu Hương. Khác với những trường hợp trên, nhà văn Dương Thu Hương đã sống và trưởng thành ở miền Bắc, và cũng là một đảng viên Cộng sản có lý tưởng và nhiệt thành. Thế mà, bà đã có những hành động phản kháng chế độ tích cực. Ngày 17 tháng Tư năm 1991, nhà cầm quyền Cộng sản đã bắt giữ Dương Thu Hương với lời buộc tội: "Dương Thu Hương là một nhà văn nữ có quan điểm tư tưởng sai trái. Từ chỗ lợi dụng đổi mới, công khai và dân chủ, để hoạt động chống đối, đã đi đến quan hệ với một số tên cầm đầu các tổ chức phản động ở nước ngoài...".

Tên tuổi Dương Thu Hương cũng được nhắc đến nhiều lần trên trường quốc tế. Khi nước Pháp kỉ niệm 200 năm Cách mạng Nhân quyền thì danh tính bà đã xuất hiện trên bức tường lớn kỉ niệm gọi là "Bức Tường Tự Do" cùng với danh tính của 99 nhà văn khác trên thế

giới. Năm 1991, Dương Thu Hương được cơ quan UNESCO của Liên Hiệp Quốc chọn là biểu tượng của sự tranh đấu cho Tự Do. Bản bích chương vinh danh do họa sĩ Laurent Saksik thực hiện có trích dẫn một câu văn của người cầm bút nữ này với chữ ký kèm theo: "Mồi lửa gây ra những đám cháy Cách mạng lớn nhất là Tự Do. Và cơn mưa xóa sạch những đám cháy ấy cũng chính là Tự Do".

"Tiểu Thuyết Vô Đề" là những trang tự thuật của một sĩ quan trẻ tên Quân trong hàng ngũ bộ đội Cộng sản. Anh gia nhập cuộc chiến với lòng hăng say của tuổi trẻ và huyền thoại cứu nước đã huyễn hoặc bao nhiêu thế hệ. Dần dần, từ sự thực, anh đã thấy được sự phung phí máu xương và tiềm lực dân tộc để đạt được những mục tiêu viển vông vô nghĩa lý. Do đó, anh đã cảm được sự lừa dối của những chiêu bài mà những người cầm quyền đã sử dụng. Bình đẳng, hạnh phúc, tự do... tất cả chỉ là mơ mộng mà thôi và chẳng bao giờ hiện hữu. Nhưng dù như thế, ở trong thúc đẩy thời thế, anh vẫn phải cầm súng đi về phía trước theo trách nhiệm của mình.

Trong thời gian ở mặt trận cũng như trở về thăm nhà, nhân vật tên Quân đã gặp gỡ nhiều nhân vật đặc biệt, biểu hiện những khuôn dáng chiến tranh không thể nào trộn lẫn. Như Viễng, một người lính "cái" xấu xí, cô đơn, bị tình dục quá độ và sinh lý dồn nén nên đã trở thành một vóc dáng tình dục bạo loạn quỉ sứ. Như Biền, chàng trai mạnh khỏe cũng bị dồn ép sinh lý đến nỗi phải "tí toáy" với bò rồi sau giả điên vì ngượng thẹn với người chung quanh. Nhân vật Hùng, một anh chàng lính ba gai, tàn độc cũng là tấm gương soi của một khuôn mặt chiến tranh đặc thù. Thuở nhỏ mồ côi, vật lộn với cái sống, lớn lên du thủ du thực rồi vào lính trở thành một bộ máy giết người, lạnh lẽo, vô hồn. Và những khuôn mặt khác, cùng trang lứa hoặc nhỏ hay lớn hơn, tựu chung cùng gia nhập cuộc chiến, để làm bổn phận của người trai, để rồi dần dần theo thời gian trở thành hai ý thức khác nhau. Một là, vẫn tin tưởng vào huyền thoại cứu nước để xây dựng chủ nghĩa vô sản, của Lương, sư phó Đào Tiến, những người đắc thời... Còn ý thức thứ hai, của phần đông các nhân vật khác như Thái, như Kha, như Quân... đều thấy được sự bóc lột bất công vẫn mãi mãi tồn tại và sự phung phí

máu xương. Tuy vậy, họ vẫn phải ra trận và cuốn theo cơn bão lốc xung sát.

Có điều đáng để ý, tác giả vẫn đặt mình ở vị trí bên này giới tuyến để xét đoán và mô tả những người bên kia. Do đó, chỉ mới mô tả sự thực có một nửa, về phía bên này. Còn bên kia, vẫn chỉ là thiên kiến và chủ quan. Chiến tranh, dù là cuộc nội chiến, vẫn đầy dẫy tàn bạo, nên những chuyện như cưỡng hiếp, cướp bóc, có thể xảy ra, nhưng không phải chỉ một phía. Chuyện tù binh hèn hạ, cũng vậy, là sự thường thấy ở cả hai bên. Những năm trước, trong văn chương Việt nam đã có Phan Nhật Nam ở bên này và Chế Lan Viên ở bên kia. Chừng nào, chúng ta sẽ có những cây bút của dân tộc, không ở bên này, không bên kia mà ở trong hàng ngũ dân tộc? Và đôi khi, đọc qua những trang sách kể trên, tôi bâng khuâng tự hỏi, có nên đào mãi vết thương cũ của quá khứ mà không hướng về tương lai... Và khoét sâu nỗi đau đớn ấy, có lợi gì cho công cuộc tranh đấu đòi tự do dân chủ cho đất nước?

"Tiểu Thuyết Vô Đề" ngoài tính chất văn chương của một ký sự chiến tranh như lãng mạn, thơ mộng trộn lẫn bạo tàn chết chóc còn mang những thông điệp nảy lửa của một ý thức chính trị ngùn ngụt. Trong suốt tác phẩm, chúng ta bắt gặp không biết bao nhiêu đoạn văn chuyên chở những suy nghĩ sắc bén và tạo dựng những biểu tượng của lòng khao khát tự do dân chủ. Chế độ hiện hành được nhắc đến như tận cùng của thảm họa và đời sống địa ngục trong nước bây giờ là hệ quả đau đớn của chế độ ấy.

Viết về cường hào ác bá Cộng sản, tác giả mượn lời của một nhân vật (ông Biên, cha của Biền): "Thời xưa, cứ mười người là phải có bảy, tám người là con nhà tử tế, có lễ nghĩa. Muốn làm bậy cũng còn sợ nhục. Bây giờ đa phần là bọn không học cương thường đạo lý. Họ học luân lý Mác Lê. Cướp vườn cướp ruộng nhà người ta cũng là theo sách Mác. Lột quần vợ người ta mà ngủ cũng là vì lợi ích của đấu tranh giai cấp...".

Hay:

"... Anh Quân này, lũ dân thường như chúng ta, chịu cực đủ điều,

bóp miệng bóp mồm, bóp cả đến con c... Tụi tướng lĩnh nó có khổ như thế đâu? Ra Bắc vào Nam, đâu đâu chúng nó cũng có đàn bà. Ngày xưa thì là phi là thiếp, giờ thì các đồng chí nữ phục vụ! Trò đểu, thời nào cũng giống nhau là thế...".

Hay:

"Nhưng ta hiểu riêng với nhau thế thôi, anh Quân nhé. Chớ để cho ai biết. Anh em, họ hàng, bè bạn bây giờ rình mò tố cáo nhau còn hơn chồn cáo. Thời này, gương mặt người cũng biến dạng đi, không còn giống cái mặt người".

Mô tả khuôn mặt của một thần tượng Cộng sản, một nhân vật khác được mượn để gửi lời gửi ý của tác giả Dương Thu Hương:

"Tất nhiên, chân giá trị của một vĩ nhân không đặt ở đạo đức cá thể... Nhưng mà, nói cho vui, cậu có biết về phương diện sinh hoạt, cá nhân Mác là người thế nào không? Đó là một thằng lùn trụy lạc. Từ thời sinh viên đã mò xuống các xóm nhà thổ chơi điếm. Đặc biệt, Mác rất thích đám con gái Di-gan. Nói theo ngôn ngữ của Lép-Tôn-stôi, đó là một thằng cha đi hoang không biết mệt. Đoạn đời sau của Mác nhiều người biết: lão ngủ với cô đầy tớ, đẻ một đứa con. Khi Mác chết, Gien-ni đã tha thứ và công nhận đứa con ngoài hôn thú. Ha ha... Ha ha... Ha ha...".

Viết về chế độ và những người trong giai cấp cầm quyền, một nhân vật phát biểu:

"Thiết chế một xã hội văn minh là việc khó. Nhưng bảo đảm đời sống văn minh cho một nhóm người là việc dễ. Tôi đã bảo cậu rằng văn minh là con đường gai góc tốn phí thời gian lại phải chia xẻ quyền lực. Đối với dân tộc ấu trĩ như dân ta, tìm cho họ một tôn giáo thích hợp, dẫn dắt họ đến lễ đài vinh quang bằng con đường ngắn nhất, dễ trăm lần hơn dạy họ văn minh...".

Viết về cuộc chiến ủy nhiệm vừa qua mà trận địa ở Việt nam, chính quyền và quân lực hai bên đã trở thành quân cờ cho thế đánh của những đại cường, tác giả Dương Thu Hương chua chát:

"... Chúng tao thờ một chủ thuyết. Chúng mày cũng thờ một chủ

thuyết. Vị thần của chúng tao thờ tên là Mác, mũi lõ, mắt xanh, râu rậm. Còn vị thần chúng mày thờ tên là gì? Tóc thưa hay tóc rậm? Trán hói hay trán vuông? Để râu dê hay râu cáo?"

Hay một người lính trẻ nghĩ về sự thực phũ phàng nên đã bắn phá tan tành những chiến lợi phẩm:

"Em nghĩ nhiều... Em cũng nghe chán vạn điều thiên hạ nói. Nhưng mà, nhân dân lúc có thật, lúc như bóng ma: nếu cần lúa, nhân dân là con bò kéo cày. Lúc có chiến tranh, con bò ấy mặc áo giáp và cầm súng. Rồi khi mọi sự đã qua, vào những ngày lễ lạc hội hè... Người ta tôn xưng nhân dân như hú vọng các hồn ma, tưởng thưởng cho khói thơm và tro tiền, còn phần xôi thịt thì kẻ khác hưởng...".

Đoạn văn mô tả giấc mơ của Quân từ trang 218 đến trang 222 là một chuyện như cổ tích đẹp lãng mạn và nhiều ẩn dụ. Trong mơ, nhân vật Quân gặp lại tổ tiên của mình đi đất, vai mang ruột tượng lương khô, cầm ngọn giáo dài rèn bằng than củi quê hương. Hai người đã đối thoại về các khải hoàn môn, của ngày xưa và của bây giờ. Khải hoàn môn bây giờ tạo dựng bằng xương máu phung phí nhưng lại do những người khác làm chủ, những người của đại cường đã thúc đẩy trận chiến để vinh danh những huyễn hoặc không tưởng.

Tình yêu, với những nhân vật của Dương Thu Hương, là những cơn ác mộng đầy ngập nước mắt. Từ những cuộc ân ái tạm bợ của lính, đến những chuyện tình đầu đời, đều là của chia tan đau xót. Và tình dục, với những Biền, những Viềng, chỉ là những phản ứng thái quá kết quả của sự dồn nén nên có chất thú vật, bản năng nhiều hơn. Và cũng chính ở điểm ấy, sự xót xa do chiến tranh gây ra đã tăng cường độ ngàn lần hơn. Trong cuộc chiến, những điều bất thường lại là những điều hay xảy ra nhất.

Trong "Tiểu Thuyết Vô Đề", những sự thực được nhận diện với những nét phác họa sắc sảo để huyền thoại "chống Mỹ cứu nước" được vạch trần. Những điều cấm kỵ nhất của chế độ, từ thần tượng Mác đến những đường lối cai trị phi nhân, được đề cập đến lúc trực tiếp, lúc gián tiếp, pha trộn giữa xót xa cay đắng và cương quyết tố cáo

lột trần. Tuy nhiên, nhiều lúc tác giả muốn gửi đến một thông điệp chứa đựng nhiều điều mang nặng trong tâm trí nên đã có lúc hơi vội vã trong bố cục và đôi khi cường điệu. Thí dụ như đoạn đối thoại trên tàu hỏa của hai nhân vật quyền thế (trang 139 đến trang 143). Trong xã hội Cộng sản, những tên cầm quyền đều khôn khéo đeo mặt nạ nên chắc trong sự thực chẳng bao giờ có hoạt cảnh trên.

Nhưng trong "Tiểu Thuyết Vô Đề" có rất nhiều đoạn tả cảnh, tả người, hay thuật sự đẹp. Văn viết rất thơ mộng, cảnh có nét phác họa mờ ảo và người thì cũng rất nhiều nét biểu hiện tâm tư rõ nét. Đoạn văn ở trang 115 đến trang 123, cuộc gặp gỡ giữa người lính trẻ và người trung niên nhiều kinh nghiệm trường đời trong chòi canh vịt ở giữa đầm nước mông quạnh vừa có nét tả thực tố cáo một chế độ công an trị vừa có nét thơ mộng lãng mạn. Đoạn văn tả cuộc gặp gỡ giữa Quân và Húc ở đơn vị đặc nhiệm chuyên đóng quan tài cũng là một đoạn văn nhiều ý nghĩa. Trong đó, có nét ghê ghê của chết chóc nhưng cũng có nét trong sáng của tình người.

Với "Tiểu Thuyết Vô Đề", thông điệp chính trị được biểu hiện bằng văn chương. Trong 189 trang sách, có đoạn tác giả tả cảnh như làm thơ nhưng cũng có lúc chấm phá vờn nét như một họa sĩ. Nghệ thuật tả người hay thuật sự, có lúc hồi tưởng, có lúc nghĩ đến tương lai, cũng áp dụng kỹ thuật vờn nét ấy nên đã tạo được sinh động cho dòng diễn tả. Dù có một vài điều còn vội vã trong cách cấu trúc, bố cục, hay một vài thiên kiến vẫn còn từ vị trí trước đây tạo ra, tác phẩm "Tiểu Thuyết Vô Đề" là một truyện dài đặc sắc.

Từ trang sách cuối cùng của "Tiểu Thuyết Vô Đề", tôi chợt nghĩ đến một vài liên tưởng đã có. Tác giả Dương Thu Hương đứng trên vị trí của một người tranh đấu cho tự do dân chủ. Dĩ nhiên điều đó hoàn toàn đúng. Nhưng trong cách thực hiện, bà vẫn mong cải sửa chế độ Cộng sản cho nó tốt đẹp hơn chứ không mong muốn đạp đổ nó đi. (Với cảm quan của người cầm bút như tôi không biết có võ đoán không khi có nhận xét như vậy). Còn chúng ta ở hải ngoại, cũng mong muốn một chế độ tự do dân chủ nhưng tích cực hơn là phá đổ chế độ Cộng sản và xây dựng một chế độ dân chủ dân tộc thực sự. Ở hai dị

biệt ấy, chúng ta sẽ phải có thái độ gì, như "vồ vập quàng vai bá cổ" hay chỉ một cái bắt tay tương kính mà thôi như nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc đã ví von?

Nhưng dù thế nào, Dương Thu Hương vẫn là một nghệ sĩ và một chiến sĩ. Sống trong một chế độ đè nén áp bức, và trí thức bị coi rẻ, mà viết những tác phẩm lên án mạnh mẽ chế độ đến tận gốc rễ như thế, thì có lẽ bắt tay chưa đủ mà còn phải kèm theo sự nghiêng mình kính trọng.

Thông điệp trong "Tiểu Thuyết Vô Đề" đã ngày càng mạnh bạo hơn và đi xa hơn những thông điệp từ "Những Thiên Đường Mù" và "Bên Kia Bờ Ảo Vọng". Và biết đâu, trong thời gian gần đây, chứng kiến sự sụp đổ của chủ nghĩa Cộng sản trên thế giới, nhà văn Dương Thu Hương sẽ đi xa hơn nữa, đến vị trí của một nhà văn của dân tộc đích thực, không bên này bên kia. Tôi nghĩ chuyện ấy có thể xảy ra. □

PHÂN ƯU

Được tin Thân Mẫu của Chị
CHÂU HÀ - PHẠM HUY CƯỜNG

Cụ Bà **ĐÀM TRUNG TRƯỜNG**
Nhũ Danh **HOÀNG THỊ HỢP**
đã thất lộc tại Saigon hưởng thọ 72 tuổi

Xin thành thực Phân Ưu cùng Anh Chị
PHẠM HUY CƯỜNG cầu chúc hương hồn Cụ Bà
tiêu diêu miền cực lạc.

- Ô.B. Nguyễn Như Chương
- Ô.B. Dương Bào
- Ô.B. Đặng Phạm Khảo
- Ô.B. Trương Vĩnh Thanh
- Ô.B. Nguyễn Văn Hiền
- Ô.B. Trần Đình Long

văn nghệ

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. U.S.A.
Phone: (714) 527-5761
Ngân. chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

Ngoài nước Mỹ mỗi cuốn thêm 1MK

Muốn an tâm khi đi mua máy Computer không gì bằng đến

ACS ADVANCED COMPUTER

Tel: (714) 648-0325
Fax: (714) 648-0326

1714 E. Mc Fadden Ave. Suite O
SANTA ANA, CA 92705
Store Hours: Mon - Sat: 9AM - 7PM

- Bán sỉ và lẻ computer giá hạ
- Nhận Visa & Master Card & Trả Góp
- Nhận gửi đi xa qua UPS
- IBM COMPATIBLE 100%
- AT 286-12 / Super VGA / 40Mb HD $1195
- AT 386 SX / Super VGA / 40Mb HD $1425
- AT 386-25 / SupeR VGA / 40Mb HD $1750
- AT 386-33 / Super VGA / 40Mb HD $1995

(All System Include 1 year Part & Labor Warranty)

Đặc Biệt

- Laser Jet printer memory upgrade:
- 1 Mb $165 / 2 Mb $235 4 Mb $375

Cuốn sách đã được độc giả chờ đợi từ lâu.
Tuyển tập truyện ngắn:

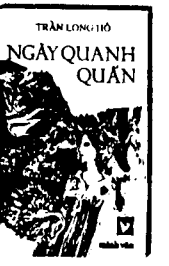

NGÀY QUANH QUẨN

của Trần Long Hồ

Do nhà xuất bản Minh Văn ấn hành.

Sách in đẹp, trang nhã, với bìa 4 màu của Đinh Cường, tựa của Hồ Trường An, phụ bản của Đinh Cường và Ngọc Dũng, Nguyễn Đình Hùng trình bày.

Quí vị có thể tìm mua sách tại các nhà sách trong vùng hay liên lạc thẳng về:

Nhà xuất bản Minh Văn
P.O. Box 221076
Chantilly, VA 22022
ĐT/FAX: (703) 204-9239

Giá mỗi cuốn là $10.00 US tại Hoa Kỳ, ngoài Hoa Kỳ là $12.00 US. Chi phiếu xin đề MINH VĂN.

TRÂM ANH - THE PERFECT BRIDE

(714) 638-8209

(714) 373-1345

13802 Brookhurst # 1A Garden Grove CA 92643 USA
(đối diện Target, cạnh Rainbow Donut)

•

CHUYÊN BÁN và CHO THUÊ ÁO CƯỚI với các hãng nổi tiếng như ILLISA, MARY, ALFRED ANGELO và TUXEDO với CHRISTIAN DIOR, PIERRE CARDIN, AFTER SIX...
Ngoài ra chúng tôi còn bán sỉ các áo cưới và áo phù dâu, dạ hội nổi tiếng đẹp nhập cảng từ Hồng Kông, Nhật Bản, Đài Loan...
Nhân cung cấp sỉ đồ cưới cho các tiệm đồ cưới trong vùng và gửi hàng đi khắp các tiểu bang Hoa Kỳ, Canada bằng UPS

•

GIÁ CẢ PHẢI CHĂNG, TIẾP ĐÃI NỒNG HẬU

Bác Sĩ

VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE AND PULMONARY DISEASES

CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI

• bệnh nội khoa: tiểu đường - máu cao...
• bệnh phổi: ho - suyễn - đau ngực - lao - khó thở

NHẬN MEDICAL và BẢO HIỂM

giờ làm việc: (gọi lấy hẹn)
ngày thường: 9 - 12 AM & 1 - 6 PM
thứ bảy: 9 AM - 1 PM

Tel: **(714) 641-0263**

Địa chỉ: 2740 S. Bristol # 118 Santa Ana, CA 92704

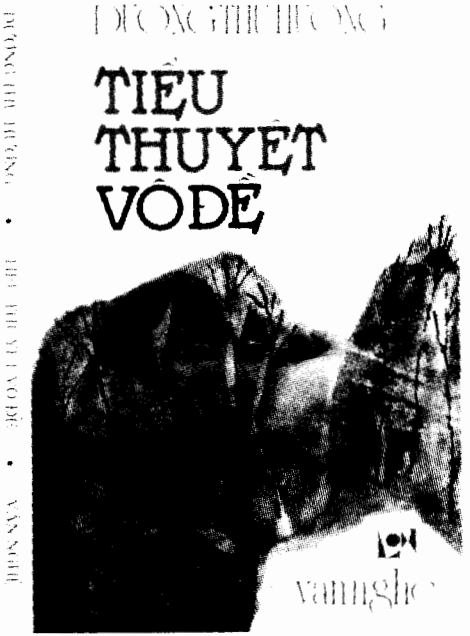

DƯƠNG THU HƯƠNG

Từ *Bên kia bờ ảo vọng*, *Những thiên đường mù* đến các bài tham luận sắc bén đanh thép...

Mời bạn đọc tác phẩm mới nhất cùng một tác giả: *Tiểu thuyết vô đề*. Bản thảo vừa đến Pháp ba ngày là DƯƠNG THU HƯƠNG bị cộng sản bắt.

Một tác phẩm vừa mạnh bạo gân guốc vừa lãng mạn thơ mộng, do nhà VĂN NGHỆ xuất bản. 250 trang. Giá 12MK (ngoài nước Mỹ 13MK)

Sách đã bán ở các nhà sách hoặc

VĂN NGHỆ
P.O. box 2301
Westminster, CA 92683
(714) 527-5761

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. U.S.A.
Phone: (714) 527-5761
Ngân chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

SÁCH SẼ IN 1991

- **VÀI CHÚ GIẢI VỀ THIỀN ĐỐN NGỘ** — **8.00MK**
  Nguyên Giác Phan Tấn Hải
- **TIỂU THUYẾT VÔ ĐỀ** — **12.00MK**
  Tác phẩm mới nhất của Dương Thu Hương
- **VĂN HỌC VIỆT NAM DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN 45-90** — **16.00MK**
  Nguyễn Hưng Quốc
- **LỊCH SỬ VĂN MINH TRUNG QUỐC** — **13.00MK**
  Will Durant – Nguyễn Hiến Lê dịch
- **HỒI KÍ TẬP II** — **14.00MK**
  Nguyễn Hiến Lê

TỔNG PHÁT HÀNH

Nhà xuất bản AN TIÊM:

- **ĐỌC KINH** — **6.00MK**
  Vũ Khắc Khoan
- **HOÀNG TỬ BÉ** — **6.00MK**
  Le Petit Prince của Saint Exupéry
  Bùi Giáng dịch
- **MÙI HƯƠNG XUÂN SẮC** — **6.00MK**
  Bùi Giáng dịch
- **TỪ CHỐN LƯU ĐÀY** — **13.00MK**
  của Hoàng Nguyên Nhuận
- **NHÀ KHỔ HẠNH VÀ GÃ LANG THANG** — **15.00MK**
  Hermann Hesse – Trí Hải, Vĩnh Bách và Lan Nhã dịch
- **THƯ GỬI NGƯỜI THI SĨ TRẺ TUỔI** — **6.00MK**
  Rainer Maria Rilke – Phạm Công Thiện dịch
- **SÔNG CÔN MÙA LŨ TẬP I, II, III, IV** — **(18, 20, 20, 20MK mỗi tập)**
  Trường thiên tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Mộng Giác
- **LỊCH SỬ NỘI CHIẾN Ở VIỆT NAM** — **15.00MK**
  Tạ Chí Đại Trường
- **THƠ TAGORE (Lời dâng, Tâm Tình Hiến Dâng)** — **8.00MK**
  Đỗ Khánh Hoan dịch

Ngoài nước Mỹ mỗi cuốn thêm 1MK

TÂN THƯ & THỜI VĂN

9315 Bolsa Ave. Ste. 111, Westminster, CA 92683
Tel. (714) 537-2468 * (714) 898-9074
Thư từ và bưu phiếu xin đề: Khánh Trường

ĐÃ PHÁT HÀNH

hồ đình nghiem
TỜ MỘNG RÁCH RỒI

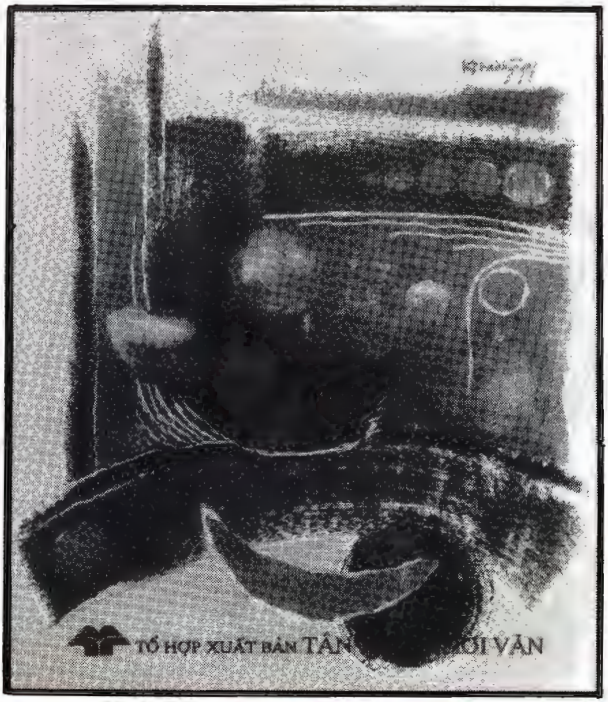

Giá: 3$50